

**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP TỈNH,
CẤP HUYỆN THEO HÌNH THỨC GIỮ LẠI TIẾP TỤC SỬ DỤNG**

(Kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	TỔNG CỘNG		1,360	5,567,186	749,732	1,029,560					
A	KHỐI TỈNH		311	1,944,947	271,840	446,653					
I	Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		34	753,861	100,662	179,802					
1	Trường mầm non THSP	Số 01 Lý Tự Trọng, TP Kon Tum	1	6,612	2,485	4,860	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định 1179/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND tỉnh; Quyết định 103/QĐ-SGDĐT ngày 26/3/2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trường Tiểu học THSP Ngụy Như Kon Tum	Số 148 Trần Hưng Đạo, TP Kon Tum	1	21,162	8,846	11,170	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định 911/QĐ-UBND; Biên bản bàn giao giữa trường mầm non THSP và trường Tiểu học THSP.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường THCS-THSP Lý Tự Trọng	Số 232 Phan Chu Trinh, TP Kon Tum	1	27,658	8,024	11,865	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định 409/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về điều chuyển cơ sở hoạt động sự nghiệp của trường PTDT nội trú tỉnh sang trường THCS THSP Lý tự Trọng.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Sa Thầy	Số 324 Trần TT Sa Thầy, huyện Thầy	1	14,557	2,755	3,902	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đak Tô	Khối 8, TT Đak Tô, Huyện Đak Tô	1	50,138	3,139	5,899	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định 1192/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh; Quyết định 122/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của Sở Tài chính.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Ngọc Hồi	Số 67 Hùng Vương, TT Pleikán	1	13,154	4,644	8,575	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện KonPlong (cơ sở I)	Thôn 4, TT Măng đen, xã Đăk Long, huyện KonPLong	1	22,975	4,211	6,793	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện KonPlong (cơ sở II)	Thôn 4, TT Măng đen, xã Đăk Long, huyện KonPLong	1	888	443	443	Quyết định 16/QĐ-UBND ngày 9/1/2012 về thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho trường PT DTNT huyện KonPLong.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện ĐakGlei	Đường Chu Văn An, TT ĐakGlei, huyện ĐakGlei	1	48,000	3,543	5,595	Quyết định giao đất số 140/QĐ-UBND ngày 25/9/1993 của UBND huyện Đăk Glei.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đak Hà	Số 54 Hùng Vương, TT Đak Hà, huyện Đak Hà	1	12,069	2,640	5,467	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Tu Mơ Rông	Xã Đak Hà, huyện Tu Mơ Rông	1	25,109	4,142	7,651	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Kon Rẫy	Thôn 1- TT Đăk Rve - Kon Rẫy	1	24,544	4,612	7,194	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trường PTTH DTNT tỉnh Kon Tum	Số 413 Nguyễn Huệ, TP Kon Tum	1	37,687	7,480	17,718	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định điều chuyển cơ sở hoạt động sự nghiệp của trường Cao đẳng công đồng (cơ sở 2) cho trường PTTH DTNT tỉnh.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
13	Phân hiệu trường PT DTNT KonPlong	Thôn Vi Xây, xã Đak Tăng, huyện KonPlong	1	11,081	2,307	4,395	Thông báo 102/TB-UBND ngày 24/7/2014 của UBND tỉnh về giới thiệu địa điểm xây dựng; Biên bản 38/BB ngày 16/5/2016 của Sở Tài chính; Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 4/7/2019 của UBND tỉnh.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Phân hiệu trường THPT Lương Thế Vinh	Thôn La Lua, xã Đăk Choong, huyện ĐăkGlei	1	9,051	1,708	3,914	Quyết định 992/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh; Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Trường THPT Kon Tum	Số 457 Trần Phú, TP Kon Tum	1	11,258	4,484	8,024	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc; Biên bản số 37/BB ngày 27/5/2011 của Sở Tài chính.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Trường THPT Lê Lợi	Số 50 Ngô Đức Kế, P Lê Lợi, TP Kon Tum	1	9,104	2,103	3,445	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Trường THPT Nguyễn Trãi	Số 09 Phan Bội Châu, PLeikân, huyện Ngọc Hồi	1	30,080	4,812	9,092	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	Đường 24/3 TT Đak Hà, huyện Đak	1	43,236	1,962	4,027	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Số 09 Nguyễn Huệ, TP Kon Tum	1	21,915	3,922	8,073	Thông báo số 139/TB-UBND ngày 21/7/2009 của UBND tỉnh về giới thiệu địa điểm để xây dựng công trình.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
20	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Khối 5, TT Đak Tô, huyện Đak Tô	1	30,416	1,026	2,782	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	Trường THPT Duy Tân	Số 192 Đinh Công Tráng, TP Kon	1	9,799	1,882	3,385	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
22	Trường THPT Nguyễn Du	Thôn 11, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	1	30,000	1,617	2,457	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
23	Trường THPT Chu Văn An	Thôn 9, xã Đak Ruồng, huyện Kon Rẫy	1	23,110	1,638	2,700	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24	Trường THPT Quang Trung	Thôn 1, TT Sa Thầy, huyện Sa Thầy	1	32,414	2,067	4,231	Quyết định giao đất số 1351/QĐ-UBND ngày 27/11/2006; Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 25/10/2005 của UBND tỉnh; Quyết định số 323/QĐ-STC ngày 26/12/2011 của Sở Tài chính.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25	Trường THPT Lương Thế Vinh	Số 14 Trần Phú, TT ĐakGlei, huyện ĐakGlei	1	16,901	1,280	2,227	Quyết định giao đất số 285/QĐ-UBND ngày 28/3/2007 của UBND tỉnh	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
26	Trường THPT Ngô Mây	Số 01 Phan Kế Bính, TP Kon Tum	1	24,976	1,624	3,755	Quyết định thu hồi đất số 635/QĐ-UBND; Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 5/12/2006 của UBND tỉnh; Quyết định 505/QĐ-SGDĐT; Quyết định 799/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh; Quyết định 139/QĐ- SKHĐT ngày 26/9/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
27	Trường THPT Phan Chu Trinh	Thôn Dục Nhảy, huyện Ngọc Hồi	1	12,702	2,169	4,726	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định 676/QĐ-UBND; Quyết định 557/QĐ-SKHĐT; Quyết định 136/QĐ-SKHĐT.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
28	Trường THPT Trường Chinh	Số 01 Nơ Trang Long, TP Kon Tum	1	30,869	1,203	3,610	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định 48/QĐ-UBND ngày 12/1/2012, 314/QĐ-UBND ngày 7/8/2013, 801/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
29	Trường THPT Phan Bội Châu	Thôn Plei Sả, xã Ia Chim, TP Kon Tum	1	33,535	1,486	2,716	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định 1105/QĐ-STC ngày 17/5/2016; Quyết định 706/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
30	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh (Cơ sở II)	Số 75 Lê Lợi, Phường Quyết Thắng, TP Kon Tum	1	685	326	509	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất công sở; Quyết định 690/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND tỉnh.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
31	Trường THCS Liên Việt	Khu đô thị phía nam cầu Đak Bla, TP Kon Tum	1	18,119	1,778	2,968	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định 1154/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh; Quyết định 550/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
32	Trường PT DTNT huyện Ia H'Drai	Xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	37,980	1,459	2,386	Thông báo số 14/TB-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh về giới thiệu vị trí đất xây dựng Trường PT DTNT huyện Ia H'Drai; Quyết định 1296/QĐ-UBND ngày 31/10/2016, Quyết định 650/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
29	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Kon Tum	số 86 Phan Chu Trinh - Kon Tum	1	12,080.5	2,847.4	3,250.5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước; Quyết định 1094/QĐ-UB ngày 20/6/1996 của UBND tỉnh; Quyết định 1079/QĐ-UBND ngày 11/10/2011 của UBND tỉnh	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế		139	507,554.8	89,296.0	137,259.3					
*	Sở Y tế	số 808 (80B cũ) Phan Đình Phùng - Kon Tum	1	1,907.10	569.6	1,146.0	Giấy CN QSD đất QSH nhà ở và TS gắn liền với đất	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei		14	26,091	5,731	7,783					
1	TTYT huyện, thị trấn Đăk Glei	thị trấn Đăk Glei	1	9,342	2,728	4,663	Giấy chứng nhận QSDĐ Số GCT: CT04248 và Hồ sơ TKBVTC	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm Y tế xã Đăk Nhoong	xã Đăk Nhoong	1	697	103	103	Giấy chứng nhận QSDĐ Số BP 540475	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm Y tế xã Đăk Pét	xã Đăk Pét	1	1,249	285	285	QĐ số 1087/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm Y tế xã Đăk Kroong (trạm mới)	xã Đăk Kroong	1	1,196	250	250	QĐ số 1185/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của UBND huyện	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm Y tế xã Đăk Long	xã Đăk Long	1	745	158	158	Giấy chứng nhận QSDĐ Số PB 540478	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm Y tế xã Đăk Man	xã Đăk Man	1	1,286	231	231	Giấy chứng nhận QSDĐ Số BP 54077	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trạm Y tế xã Đăk Blô	xã Đăk Blô	1	1,566	276	276	Giấy chứng nhận QSDĐ Số BP 540476	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trạm Y tế xã Đăk Choong	xã Đăk Choong	1	2,000	250	250	TB giới thiệu số 43/TB-UBND ngày 18/3/2019 của UBND huyện	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trạm Y tế xã Xốp	xã Xốp	1	2,521	296	296	Giấy chứng nhận QSDĐ Số BP 540474	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm Y tế xã Ngọc Linh	xã Ngọc Linh	1	456	185	185	Giấy chứng nhận QSDĐ Số BP 540472	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trạm Y tế xã Mường Hoong (vị trí mới)	xã Mường Hoong	1	1,758	250	250	Giấy chứng nhận QSDĐ Số BP 540479	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trạm Y tế Thị trấn	Thị trấn Đăk Glei	1	1,174	250	250	Giấy chứng nhận QSDĐ Số CT 004191	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Phòng khám ĐKKV Đăk Môn	xã Đăk Môn	1	1,600	350	350	Giấy chứng nhận QSDĐ Số BP 540473	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Phòng dân số		1	501	118	235	Giấy chứng nhận QSDĐ Số GCN 1322	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi		10	18,507	4,374	5,029					
1	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi Số 209 Hùng Vương, Ngọc Hồi	Số 209 Hùng Vương, Ngọc Hồi	1	6,923	2,029	2,566	Sổ vào sổ cấp GCN: CT01303	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trung tâm dân số		1	445	118	236	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
3	Phòng khám ĐKKV xã Đắk Dục nay chuyển thành Trạm Y tế xã Đắk Dục	xã Đắk Dục	1	1,688	519	519	Sổ vào sổ cấp GCN: CT01305	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm Y tế xã Đắk Ang (vị trí mới)	xã Đắk Ang	1	1,575	377	377	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm Y tế xã Đắk Nông	xã Đắk Nông	1	1,152	250	250	Sổ vào sổ cấp GCN: CT01307	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm Y tế xã Đắk Xú	xã Đắk Xú	1	532	250	250	Sổ vào sổ cấp GCN: CT01344	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trạm Y tế xã Pờ Y	xã Pờ Y	1	949	195	195	Sổ vào sổ cấp GCN: CT01308	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trạm Y tế xã Sa Loong	xã Sa Loong	1	1,513	295	295	Sổ vào sổ cấp GCN: CT01309	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trạm Y tế xã Đắk Kan	xã Đắk Kan	1	2,598	250	250	Sổ vào sổ cấp GCN: CT01306	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm Y tế xã thị trấn Plei Kần	thị trấn Plei Kần	1	1,133	90	90	Sổ vào sổ cấp GCN: CT01304	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô		11	35,206	7,350	8,756					
1	Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô	Khối 9 TT Đắk Tô - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum	1	19,150	4,445	5,794	GCN QSDĐ số T00216, cấp ngày 04/01/2006 của Sở TN&MT	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà làm việc Dân số-kế hoạch hóa gia đình		1	375	94	151	GCN QSDĐ số CT00360 cấp ngày 07/3/2013 của ủy ban nhân dân tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm Y Tế xã Đắk Trăm	Thôn Đắk Trăm - xã Đắk Trăm - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum.	1	1,170	425	425	Giấy chứng nhận Quyền sử dung đất của Trạm Y tế xã	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm Y tế Diên Bình	Thôn 1 - xã Diên Bình - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum.	1	1,439	192	192	Giấy chứng nhận Quyền sử dung đất của Trạm Y tế xã	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm Y Tế xã Tân Cảnh	Thôn 2 - xã Tân Cảnh - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum.	1	4,564	442	442	Giấy chứng nhận Quyền sử dung đất của Trạm Y tế xã	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm Y Tế xã Trị trấn	Khối 5 - TT Đắk Tô - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum.	1	932	250	250	Giấy chứng nhận Quyền sử dung đất của Trạm Y tế xã	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trạm Y Tế xã Đắk Rơ Nga	Thôn Đắk Dê - xã Đắk Rơ Nga - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum.	1	1,036	399	399	Giấy chứng nhận Quyền sử dung đất của Trạm Y tế xã	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trạm Y Tế xã Pô Kô	Thôn Kon Tu Peng - xã Pô Kô - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum.	1	2,027	103	103	Giấy chứng nhận Quyền sử dung đất của Trạm Y tế xã	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trạm Y Tế xã Kon Đào	Thôn 6 - xã Kon Đào - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum.	1	1,650	250	250	Giấy chứng nhận Quyền sử dung đất của Trạm Y tế xã	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm Y Tế xã Ngọc Tụ	Thôn Đắk Nu - xã Ngọc Tụ - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum	1	1,534	287	287	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trạm Y Tế xã Văn Lem Địa chỉ: Thôn Tê Hơ Ô - xã Văn Lem - huyện Đắk Tô - tỉnh Kon Tum.		1	1,330	463	463	Giấy chứng nhận Quyền sử dung đất của Trạm Y tế xã	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông		13	41,595	7,581	10,746					
1	Khuôn viên Trung tâm Y tế Tu Mơ Rông	Thôn Mô Pá, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	23,266	4,331	7,497	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
2	Khuôn viên Phòng khám Đa khoa KV Đắk Rơ Ông	Thôn Ngọc Năng, xã Đắk Rơ Ông, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	5,950	597	597	Giấy CNQSDD số 734602	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Khuôn viên Trạm Y tế xã Đắk Rơ Ông	Thôn Măng Lỡ, xã Đắk Rơ Ông, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	717	189	189	Giấy CNQSDD	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Khuôn viên Trạm Y tế xã Tu Mơ Rông	Thôn Tu Mơ Rông, xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	1,091	287	287	Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh v/v thu hồi và giao đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Khuôn viên Trạm Y tế xã Đắk Na	Thôn Đắk Riếp 2, xã Đắk Na, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	709	285	285	GCNQSDĐ số 336769	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Khuôn viên Trạm Y tế xã Ngọc Yêu	Thôn Ba Tu II, xã Ngọc Yêu, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	1,243	277	277	Giấy CNQSDD số 540746	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Khuôn viên Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Thôn Đắk Văn, xã Văn Xuôi, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	981	124	124	Giấy CNQSDD số 540741	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Khuôn viên Trạm Y tế xã Măng Ri	Thôn Ngọc La, xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	840	137	137	Giấy CNQSDD số 540748	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Khuôn viên Trạm Y tế xã Tê Xăng	Thôn Đắk Xong, xã Tê Xăng, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	791	250	250	Giấy CNQSDD số 540739	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Khuôn viên Trạm Y tế xã Đắk Tờ Kan	Thôn Đắk P Rông, xã Đắk Tờ Kan, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	648	250	250	Giấy CNQSDD số 734601	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Khuôn viên Trạm Y tế xã Đắk Sao	Thôn Mô Pá, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	2,315	312	312	Giấy CNQSDD số 734648	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Khuôn viên Trạm Y tế xã Ngọc Lây	Thôn Mô Pá, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	900	293	293	Giấy CNQSDD số 734600	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Khuôn viên Trạm Y tế xã Đắk Hà	Thôn Mô Pá, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	2,145	250	250	Thông báo số 79/TB-UBND huyện ngày 01/10/2018 về việc giới thiệu vị trí đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế huyện Đắk Hà		15	42,876	7,299	8,530					
1	Trung tâm Y tế Huyện Đắk Hà	05,Đào Duy Từ, thị trấn Đắk Hà,huyện Đắk Hà	1	15,000	3,098	4,147	QĐ số 133/QĐ-UB ngày 02/10/1996 của UBND Tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm Y tế xã Đắk Ngok	Thôn 1, xã Đắk Ngok, huyện Đắk Hà	1	2,250	337	337	Thông báo số 32/TB-UBND ngày 02/02/2015 của UBND Huyện về giới thiệu vị trí đất XD	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm Y tế xã Đắk Long	Thôn Pa Cheng, xã Đắk Long, huyện Đắk Hà	1	5,735	337	337	Thông báo số 32/TB-UBND ngày 02/02/2015 của UBND Huyện về giới thiệu vị trí đất XD	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm Y tế Thị Trấn	Tổ dân phố 6, thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà	1	1,402	287	287	QĐ số 321/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND Huyện Đắk Hà	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
5	Trạm Y tế xã Ngọc Vang	Thôn 4, xã Ngọc Vang, huyện Đắk Hà	1	7,432	287	287	QĐ số 322/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Kon Tum	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm Y tế xã Hà Môn	Thôn 2, xã Hà Môn, huyện Đắk Hà	1	1,752	284	284	Giấy CNQSDĐ vào sổ cấp GCN CT 00955	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trạm Y tế xã Đắk La	Thôn 01A, xã Đắk La, huyện Đắk Hà	1	1,688	302	302	Thừa đất số 15, tờ bản đồ số 12	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trạm Y tế xã Đắk Pxy	Thôn 5, xã Đắk Pxy, huyện Đắk Hà	1	372	335	335	Giấy CNQSDĐ vào sổ cấp GCN :CT 01818	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trạm Y tế xã Ngọc Réo	Thôn Kon Ron, xã Ngọc Réo, huyện Đắk Hà	1	1,430	280	280	Số 38/TTr-UBND ngày 21/3/2011 của UBND huyện	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm Y tế xã Đắk Mar	Thôn 1, xã Đắk Mar, huyện Đắk Hà	1	836	220	403	Giấy CNQSDĐ vào sổ cấp GCN: CT 00954	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trạm Y tế xã Đắk Ui	Thôn Kon Năng Treang, xã Đắk Ui, huyện Đắk Hà	1	1,432	442	442	Giấy CNQSDĐ vào sổ cấp GCN: CT 00956	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trạm Y tế xã Đắk Hring	Thôn 12, xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà	1	2,347	953	953	Thông báo giao đất năm 2013	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Đất nhà BS trạm Y tế xã Đắk Pxy	Thôn 6, xã Đắk Pxy, huyện Đắk Hà, Kon Tum	1	400	46	46	Thông báo số 149/SYT-KHNV ngày 14/4/2003	Đất xây dựng nhà ở cho BS trạm	Xây dựng nhà ở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Đất nhà BS trạm Y tế xã ngọc Wang	Thôn 4, xã Ngọc Wang, huyện Đắk Hà, Kon Tum	1	400	46	46	Thông báo số 149/SYT-KHNV ngày 14/4/2003	Đất xây dựng nhà ở cho BS trạm	Xây dựng nhà ở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Đất nhà BS trạm Y tế xã Đắk Ui	Thôn Kon Năng Treang, xã Đắk Ui, huyện Đắk Hà, Kon Tum	1	400	46	46	Thông báo số 149/SYT-KHNV ngày 14/4/2003	Đất xây dựng nhà ở cho BS trạm	Xây dựng nhà ở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum		22	29,549	5,567	7,450					
1	Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum	316 Duy Tân, phường Duy Tân, TPKT	1	2,300	612	1,578	Giấy giới thiệu đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm Y tế Ngọc Bay	Thôn Măng La Ktu, xã Ngọc Bay,	1	4,429	313	313	BX 734634	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	TYT Trần Hưng Đạo	Tổ 3, Phường Trần Hưng Đạo, TPKT	1	1,516	288	288	BN 379739	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	TYT xã Hòa Bình	Thôn 4, xã Hòa Bình, TPKT	1	1,185	280	280	BP 540551	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm y tế Quyết Thắng	195 Lê Hồng Phong, TPKT	1	559	155	310	Số 27	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	TYT Ngõ Mây	20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Ngõ Mây, TPKT	1	1,217	279	279	BP 540838	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	TYT Đoàn Kết	Thôn 5, xã Đoàn Kết, TPKT	1	1,510	325	325	BP 540552	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	TYT Trường Chinh	Tổ 1 Phường Trường Chinh, TPKT	1	589	200	280	BP 540554 , Thông báo 51/TB-UBND	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	TYT Nguyễn Trãi	Tổ 3, Phường Nguyễn Trãi, TPKT	1	819	266	266	BP 540555	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	TYT Đắk Blà	Thôn Kon Tu 2, xã ĐắkBlà, TPKT	1	488	229	229	BP 540251	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
11	TYT Thống Nhất	408 Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, TPKT	1	537	161	322	BP 540263	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	TYT Chư Hreng	Thôn Đăk Prông, xã Chư Hreng,	1	879	120	120	BP 540553	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	TYT Thắng Lợi	03 Phan Chu Trinh, P.Thắng Lợi, TPKT	1	784	352	492	BĐ 631725	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	TYT Iachim	Thôn Nghĩa An, xã Ia Chim, TPKT	1	851	230	230	BX 734653	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	TYT Đăk Năng	Thôn Rơ Wăk, xã Đăk Năng, TPKT	1	1,576	236	236	BX 734632	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	TYT Vinh Quang	Thôn Rơ Wăk, xã Đăk Năng, TPKT	1	3,031	250	250	BP 540372	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	TYT Đăk Cắm	Thôn 9, xã Đăk Cắm, TPKT	1	1,358	118	118	BX 734711	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	TYT Lê Lợi	Làng Pleiơ hai I, Phường Lê Lợi, TPKT	1	782	117	230	Số 28	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19	TYT Quang Trung	Số 60 Mạc Đĩnh Chi, Phường Quang Trung, TPKT	1	400	134	268	BP 540400	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
20	TYT Duy Tân	27 Mai Hắc Đế, phường Duy Tân, TPKT	1	837	134	268	BN 379740	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	TYT Kroong	Xã Kroong, TPKT	1	1,877	287	287	Quyết định 312/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 thu hồi và giao đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
22	TYT Đăk rơ wa	Xã Đăk rơ wa, TPKT	1	2,028	287	287	Quyết định 327/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 thu hồi và giao đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy		12	51,201	6,605	9,453					
1	Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy	Thôn 13 xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy.	1	33,916	3,972	6,468	Quyết định số 73/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 28/01/2008 về việc giao đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Phòng khám ĐKKV	thôn Đăk Rve	1	5,741	622	906	GCN QSDĐ 14/QLCS của UBND huyện KonPlong (cũ) về việc giao đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm Y tế xã Đăk Pne	xã Đăk Pne	1	1,200	143	143	Công văn số 366/UBND huyện ngày 10/10/2008, về việc giới thiệu địa điểm xây dựng công trình	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm Y tế xã Đăk Pne (mới)	xã Đăk Pne	1	1,200	287	287	Công văn số 360/UBND huyện ngày 21/05/2019, về việc giới thiệu địa điểm xây dựng công trình	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm Y tế xã Đăk Kôi	xã Đăk Kôi	1	884	217	217	Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 16/08/2018 về việc giao đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm Y tế xã Đăk Tlung	xã Đăk Tlung	1	991	329	329	GCN QSDĐ số BP 540780 ngày 18/7/2014 của UBND tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trạm Y tế xã Đăk Tre	xã Đăk Tre	1	3,762	302	302	GCN QSDĐ số BP 540782 ngày 18/7/2014 của UBND tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trạm Y tế xã Đăk Ruồng	xã Đăk Ruồng	1	2,042	214	214	GCNQSDĐ số BP 540781 ngày 18/7/2014 của UBND tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trạm Y tế xã Tân Lập	xã Tân Lập	1	761	302	302	GCNQSDĐ số BP 540778 ngày 18/7/2014 của UBND tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm Y tế Thị trấn Đăk Rve	Thị trấn Đăk Rve	1	285	103	103	GCNQSDĐ số BP 540777 ngày 18/7/2014 của UBND tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trạm Y tế Thị trấn Đăk Rve (nhà bác sĩ)	Thị trấn Đăk Rve	1	140	45	45	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trạm Y tế Thị trấn Đăk Rve (TT DS chuyển qua)	Thị trấn Đăk Rve	1	280	68	136	GCNQSDĐ số BP 540885 ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế huyện Kon Plông		10	32,269	7,527	10,481					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
1	Trung tâm Y tế huyện Kon PLông	thôn Măng Đen, xã Đắk Long, huyện Kon PLông, tỉnh Kon Tum	1	13356,7	4,102	7,057	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BX 734257, ngày cấp 20/7/2015	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm Y tế xã Đắk Ring	thôn Vác Y Nhông, xã Đắk Ring, huyện Kon Plông	1	2411,8	691	691	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BX 734202, ngày cấp 8/6/2015	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm Y tế xã Đắk Long 1	thôn Kon Leng 1, xã Đắk Long, huyện Kon PLông	1	2353,1	307	307	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BX 734203, ngày cấp 08/6/2015	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm Y tế xã Măng Cành	thôn Kon Leng 1, xã Đắk Long, huyện Kon PLông	1	2000,42	372	372	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CO 364582, ngày cấp 22/11/2018	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm Y tế xã Hiếu	thôn Vi ChRìng, xã Hiếu, huyện Kon PLông	1	2490,7	347	347	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BX 734208, ngày cấp 08/6/2015	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm Y tế xã Pờ Ê	thôn ViK Tàu, xã Pờ Ê, huyện Kon PLông.	1	2612,6	368	368	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BX 734207, ngày cấp 08/6/2015	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trạm Y tế xã Ngọc Tem	thôn Điek Nót, xã Ngọc Tem, huyện Kon PLông.	1	1926,6	354	354	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BX 734209, ngày cấp 08/6/2015	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trạm Y tế xã Đắk Tăng	thôn Vi Xây, xã Đắk Tăng, huyện Kon PLông.	1	2183,6	279	279	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BX 734205, ngày cấp 08/6/2015	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trạm Y tế xã Măng Buk	thôn Măng Buk, xã Măng Buk, huyện Kon PLông.	1	1767,0	391	391	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BX 734204, ngày cấp 08/6/2015	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm Y tế xã Đắk Nền	thôn Đắk Lúp, xã Đắk Nền, huyện Kon PLông.	1	1166,1	316	316	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BX 734210, ngày cấp 08/6/2015	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy		12	36,847	7,280	8,817					
1	Bệnh viện Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy	Số 2, ngõ 13 Đường Lê Duẩn, thôn 2, thị trấn Sa	1	16,515	2,855	4,392	GCNQSDĐ số AC 893427 cấp ngày 25/5/2006 của UBND tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm Y tế thị Trấn	Thôn 1, Đường Trường Chinh, thị trấn Sa Thầy	1	2,128	250	250	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BP 540113 tại Quyết định thành lập số 38/2001/QĐ-UB cấp ngày 11/9/2001	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm Y tế xã Sa Nghĩa	Thôn Nghĩa Dũng, Xã Sa Nghĩa, Sa Thầy	1	1,477	190	190	GCNQSDĐ số BP 540114 tại Quyết định thành lập số 38/2001/QĐ-UB cấp ngày 11/9/2001	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm Y tế xã Sa Bình	Thôn Bình Đông, Sa Bình	1	1,739	410	410	GCNQSDĐ số BP 540271 tại Quyết định thành lập số 38/2001/QĐ-UB cấp ngày 11/9/2001	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm Y tế xã Rờ Koi	Thôn Rờ Koi, xã Rờ Koi, Sa Thầy	1	2,003	644	644	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BP 540276 tại Quyết định thành lập số 38/2001/QĐ-UB cấp ngày 11/9/2001	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm y tế xã Sa Sơn	Thôn 2, xã Sa Sơn, Sa Thầy	1	1,524	250	250	GCNQSDĐ số BP 540272 tại Quyết định thành lập số 38/2001/QĐ-UB cấp ngày 11/9/2001	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trạm Y tế xã Mô Rai	Làng Kênh, xã Mô Rai, Sa Thầy	1	793	357	357	GCNQSDĐ số BP 540275 tại Quyết định thành lập số 38/2001/QĐ-UB cấp ngày 11/9/2001	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trạm Y tế xã Sa Nhon	Thôn Nhon Khánh, xã Sa Nhon	1	1,457	238	238	GCNQSDĐ BP 540119 tại Quyết định thành lập số 38/2001/QĐ-UB cấp ngày 11/9/2001	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trạm Y tế xã Ya Tăng	Làng Lút, Ya Tăng, Sa Thầy	1	3,028	648	648	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BP 540115 tại Quyết định thành lập số 12/2004/QĐ-UB cấp ngày 23/3/2004	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm Y tế xã Ya Ly	Làng Chứ, Ya Ly, Sa Thầy	1	2,220	360	360	GCNQSDĐ số BP 540118 tại Quyết định thành lập số 38/2001/QĐ-UB cấp ngày 11/9/2001	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
11	Trạm Y tế xã Hơ Moong	Thôn Đăk Wók, Hơ Moong, Sa Thầy	1	2,075	305	305	Trích lục bản đồ địa chính số hiệu thửa đất 205; Tờ bản đồ địa chính số 36 của UBND xã Hơ Moong	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trạm Ya Xiêr	Thôn Ya De, Ya Xiêr, Sa Thầy	1	1,890	772	772	Tại công văn số 17/CV-UBND ngày 04/10/2012 của UBND xã Ya Xiêr	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai		5	65,712	1,884	1,884					
1	Trung Tâm Y tế huyện Ia H'Drai	thôn 1-xã Ia Tơi- huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1	50,770	378	378	Thông báo số 17/TB-UBND ngày 17/3/2016 của UBND huyện Ia H'Drai về việc thỏa thuận vị trí đất xây dựng TTYT huyện Ia H'Drai	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm Y tế xã Ia Dom	thôn 1 xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	1	3,585	467	467	Thông báo số 20/TB-UBND ngày 29/3/2016 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giới thiệu vị trí đất xây dựng Trạm y tế xã Ia Dom	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm Y tế xã Ia Đal	thôn 4 xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	1	4,387	464	464	Thông báo số 21/TB-UBND ngày 29/3/2016 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giới thiệu vị trí đất xây dựng Trạm y tế xã Ia Đal	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm Y tế xã Ia Tơi	thôn 1 xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	1	3,970	288	288	Thông báo số 22/TB-UBND ngày 29/3/2016 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giới thiệu vị trí đất xây dựng Trạm y tế xã Ia Tơi	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Phân trạm Y tế thôn 9	xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	1	3,000	287	287	Thông báo số 32/TB-UBND ngày 22/6/2017 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giới thiệu vị trí đất xây dựng Trạm Y tế thôn 9 xã Ia Tơi	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum		1	43,347	13,034	32,495	GCNQSH	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Bệnh viện Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng		3	49,264	7,488	12,703					
1	Bệnh viện Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng (cơ sở 1)	473 Nguyễn Huệ, phường Thống Nhất, Tp Kon Tum, Kon Tum	1	8.595,9	1,636	3,028	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 689739 cấp ngày 18/2/2011	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Bệnh viện Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng (cơ sở 2)	đường Đồng Nai, xã Chư Hreng, Tp Kon Tum, Kon Tum	1	20,035	3,911	7,002	QĐ số 777/QĐ-UBND cấp ngày 14/08/2017 về việc giao tài sản nhà nước cho Bệnh viện Y dược cổ truyền quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Bệnh xá phong Đak Kia (cơ sở 3)		1	20,633	1,942	2,673	QĐ số 535/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 V/V điều chuyển cơ sở hoạt động sự nghiệp của CDC sang Bệnh viện YDCT-PHCN	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi.		1	21,288	3,191	4,911	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX734373	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật		7	11,171	3,448	6,530					
1	Cơ sở 5	(Số 138 Bắc Kạn- P.Thắng Lợi- TP. Kon Tum- tỉnh Kon Tum (cơ sở khám và điều trị bệnh tâm thần)	1	4,915	1,082	1,082	QĐ số 653/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND điều chuyển một phần cơ sở HD của Trung tâm Bảo trợ và công tác xã hội cho CDC	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Hẻm 403 Bà Triệu, P. Quyết Thắng, TP.Kon Tum	Hẻm 403 Bà Triệu, P. Quyết Thắng, TP.Kon Tum	1	150	24	24	Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 22/12/2019 của UBND tỉnh về điều chuyển tài sản cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trung tâm Kiểm dịch y tế Quốc tế (nay giao cho Trung tâm Giám định y khoa)	số 409 (224 cũ) Bà Triệu - Kon Tum	1	735.0	253.0	362.0	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H014378 ngày 03/12/2007	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trung tâm Kiểm nghiệm y tế tỉnh (cũ)	số 411 (159 cũ) Bà Triệu - Kon Tum	1	1,359.4	475.7	842.7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BX734001	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội (cũ)	số 07 Hai Bà Trưng - Kon Tum	1	2,017.60	491.20	954.40	GCNQSDĐ số CT 00648 ngày 22/8/2013 G619	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trung tâm Truyền thông - GDSK	số 215 Trần Khánh Dư - Kon Tum	1	630.0	303.10	591.40	GCNQSDĐ số CT 00609 ngày 24/6/2013 của Sở TN&MT	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh (cũ)	số 153 Bà Triệu - Kon Tum	1	1,364.0	819.0	2,674.0	GCNQSDĐ số BP540881 ngày 29/8/2014 (CT01258) của Sở TN&MT	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
*	Chi cục DSKHHGD		1	36	39	63					
*	Trung tâm pháp y (Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum cũ)	số 268 Bà Triệu - Kon Tum	1	691.0	330.3	481.3	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000737	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
III	Các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		5	49,761	7,349	9,056					
1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Số 292 (200 cũ) Bà Triệu - Kon Tum	1	1,422	624	1,248	Giấy chứng nhận Quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp (HS số 10, ngày 22/5/2000)	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trung tâm dịch vụ việc làm	Tổ 3 phường Ngô Mây, TP Kon Tum	1	4,880	453	906	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (CH 272911, ngày 30/5/2017)	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trung tâm bảo trợ xã hội										
-	Cơ sở 01	- Số 45/506 km4 phân định phùng phường Duy Tân TP Kon Tum	1	33,591	2,808	3,834	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Số 65 ngày 15/5/2002)	Trụ Sở làm việc và nuôi dưỡng trẻ khuyết tật, mồ côi tại Trung tâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Cơ sở 02	- 115 Bắc Cạn, phường Thắng Lợi. TP Kon Tum	1	8,445	2,340	3,120	chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Trụ Sở làm việc và nuôi dưỡng Người gia cô đơn không nơi nương tựa và đối tượng khẩn cấp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
IV	Các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa thể thao và du lịch		5	49,787	7,928	10,517					
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	số 170A Bà Triệu - Kon Tum	1	1,557.0	706.9	1,577.6	GCNQSDNĐTTSLV ngày 22/5/2000 của Sở Tài chính vật giá	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	Trường Chinh, Kon Tum	1	31,842	4,781	4,781		Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật	249 Bà Triệu	1	1,533	673	1,223		Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Bảo tàng thư viện tỉnh										
-	Thư viện tỉnh	17B Trương Hán Siêu	1	4,233	1,138	2,028		Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Khu di tích Ngục Kon Tum	Trương Quang Trọng, P. Quang Trung, TP. Kon Tum	1	10,622	629	907		Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
V	Các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường		3	4386	1940	4486					
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	số 259 U Rê - Kon Tum	1	1,248.0	1,058.0	3,164.0		Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường	(55 Phan Kế Bính)	1	1,920	512	512		Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ	số 266 Phan Đình Phùng - Kon Tum	1	1,218.0	370.0	810.0	Giấy CNQSD đất số 057208 cấp ngày 29/6/2004	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
VI	Các đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ		3	10673.1	2552.05	3337.45					
1	Sở Khoa học và Công nghệ	số 68 (205B cũ) Lê Hồng Phong - Kon Tum	1	1,406.0	435.6	741.0	Giấy chứng nhận Quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp (HS số 27, ngày 01/10/2000)	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	(02 Hoàng Diệu)	1	8,244	1,516	1,516	GCNQSD đất số TC00305 ngày 28/11/2012	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ	số 16A Ngô Quyền - Kon Tum	1	1,023.4	600.0	1,080.0	GCNQSDĐ số BN 379983 ngày 23/06/2013 của Sở TN&MT	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
VII	Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		88	164,615	17,219	21,279					
*	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	số 159 (129 cũ) Duy Tân - Kon	1	2,200.0	1,046.3	1,907.6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 057242 do Sở Tài chính tỉnh Kon Tum cấp ngày 20/12/2005	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Chi cục Kiểm lâm		23	44,262	5,206	7,091					
1	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	số 806 (71 cũ) Phan Đình Phùng - Kon Tum	1	3,624.0	871	1,285	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD530577 do Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum cấp tháng 8/2006.	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Hạt Kiểm lâm Thành phố Kon Tum	187 Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	1	1,883	229	355	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 736082 cấp ngày 07/1/2012	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đội KLCĐ &PCCCR số 1	Đèo Vi Ho Lak, Xã Pờ Ê, Huyện KonPlong	1	3,000	-	-	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 082223 cấp ngày 14/12/2012	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đội KLCĐ &PCCCR số 2		2	8,583	884	1,147					
3.1	Trụ sở làm việc	Thôn Prong Mỹ, Xã Đăk Môn, Huyện ĐăkGlei, Tỉnh Kon Tum	1	2,183	409	673	Biên bản thỏa thuận vị trí , diện tích đất xây dựng trụ sở ngày 11/01/2002;	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.2	Trụ sở làm việc	Thôn Măng Khên, Xã ĐăkMan, Huyện ĐăkGlei, Tỉnh Kon Tum	1	6,400	474	474	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK082210 cấp ngày 14/12/2012	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đội KLCĐ &PCCCR số 3	Thôn 8, xã IaTơi, huyện IaHDrai, Kon Tum	1	1,151	248	248	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BK082202 cấp ngày 14/12/2012	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Hạt Kiểm lâm Đăk Tô		3	2,315	613	730					
5.1	Trụ sở làm việc	Khối phố 5, Thị trấn Đăk Tô, Huyện ĐăkTô, Tỉnh Kon Tum	1	1,803	428	545	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG736087 ngày 07/3/2013	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.2	Trạm kiểm lâm Kon Đào	Xã Kon Đào, Huyện Đăk Tô, Tỉnh Kon Tum	1	104	104	104	Biên bản kiểm tra nhà đất ngày 24/8/2020 giữa Hạt Kiểm lâm Đăk Tô và UBND xã Kon Đào, Hồ sơ trích lục đất	Hoạt động kiểm lâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.3	Trạm kiểm lâm Tân Cảnh	xã Tân Cảnh, Huyện Đăk Tô, Tỉnh Kon Tum	1	408	81	81	Biên bản kiểm tra nhà đất ngày 24/8/2020 giữa Hạt Kiểm lâm Đăk Tô và UBND xã Tân Cảnh	Hoạt động kiểm lâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Hạt Kiểm lâm Đăk Hà	Thôn 5, Xã Hà Môn, Huyện ĐăkHà, Tỉnh Kon Tum	1	1,156	208	318	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK082222 cấp ngày 14/12/2012	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Hạt Kiểm lâm Tu Mơ Rông		2	3,220	505	672					
7.1	Đất: Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	(Xã Đăk Hà, Huyện Tu Mơ Rông, Tỉnh Kon Tum)	1	2,794	409	575	Quyết định giao đất số 190/QĐ - UBND ngày 09/3/2009 của UBND tỉnh Kon Tum	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.2	Đất: Trạm kiểm lâm địa bàn	(Thôn ĐăkChum2 - Xã Tu mơ rộng - Huyện Tu mơ rộng)	1	426	97	97	Hồ sơ trích lục đất ngày 21/8/2020 của UBND xã Tu Mơ Rông , huyện Tu Mơ Rông	Hoạt động kiểm lâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Hạt Kiểm lâm Ngọc Hồi		3	3,456	435	647					
8.1	Đất: Trụ sở làm việc:	thôn 5, Thị trấn PleiKăn, Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum	1	3,000	310	522	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BP540252 ngày 04/10/2013	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
8.2	Đất: Trạm kiểm soát hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi	(Thôn Ngọc Hải, xã Bờ Y, Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum)	1	222	80	80	Hồ sơ trích lục đất ngày 28/5/2020 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Ngọc Hồi	Hoạt động kiểm lâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.3	Đất: Trạm kiểm soát hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi	(Thôn Nông Nội, xã Đăk Nông, Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum)	1	234	45	45	Hồ sơ trích lục đất ngày 28/5/2020 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Ngọc Hồi	Hoạt động kiểm lâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Hạt Kiểm lâm Đăk Glei		3	2,630	354	468					
9.1	Đất: Trụ sở làm việc	(Thôn 16/5, Thị trấn Đăk Glei, Huyện ĐăkGlei, Tỉnh Kon Tum)	1	1,314	282	396	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG736054 cấp ngày 20/12/2012	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.2	Đất trạm Đăk Môn	(Thôn Prông Mỹ, Xã ĐăkMôn, Huyện ĐăkGlei, Tỉnh Kon Tum)	1	1,110	72	72	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG736058 cấp ngày 11/01/2013	Hoạt động kiểm lâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.3	Đất Trạm Đăk Man	(Thôn Măng Khên, Xã ĐăkMan, Huyện ĐăkGlei)	1	206			Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 736057 cấp ngày 11/01/2013	Hoạt động kiểm lâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Hạt Kiểm lâm Kon Plông		2	5,135	328	465					
10.1	Đất trụ sở làm việc	(Thôn Măng Đen, Xã ĐăkLong, Huyện KonPlong, Tỉnh Kon Tum)	1	4,385	275	412	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK082221 cấp ngày 20 tháng 12 năm 2012.	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10.2	Đất trạm kiểm lâm KonPlong	(Thôn 3, Xã Hiếu, Huyện KonPlong, Tỉnh Kon Tum)	1	750	53	53	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP540203 cấp ngày 27/8/2013	Hoạt động kiểm lâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Hạt Kiểm lâm huyện KonRẫy	Thôn 1, Thị trấn ĐăkRve, Huyện KonRẫy	1	990	265	489	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 082224 cấp ngày 14/12/2012.	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Hạt Kiểm lâm Ia H'Drai		2	7,120	267	267					
12.1	Đất trụ sở làm việc	(Thôn 5, Xã Ia Tori, Huyện Ia H'Drai, Tỉnh Kon Tum)	1	4,120	205	205	Quyết định số 1221/QĐ - UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Chi cục kiểm lâm tỉnh Kon Tum để xây dựng trụ sở làm việc hạt kiểm lâm huyện IaHDrai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX734879 cấp ngày 5/4/2016.	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12.2	Đất	(Xã IaDom, huyện IaHDrai)	1	3,000	62	62	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK082203 cấp ngày 14/12/2012	Hoạt động kiểm lâm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Chi cục Chăn nuôi và thú y		3	2,398	413	413					
1	Trạm KĐĐV Sao Mai	Xã Hòa Bình-TP Kon Tum	1	1,000	87	87	Quyết định giao đất số 72/QĐ-UB, ngày 27/5/1993 của UBND tỉnh Kon Tum	Hoạt động sự nghiệp thú y	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà tạm Trạm KĐĐV ViHôLăk	Xã Pô E- H. KonPlong- Tỉnh Kon Tum	1	398	100	100	Giấy Chứng nhận QSD đất và tài sản gắn liền với đất	Hoạt động sự nghiệp thú y	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm KĐĐV Măng Khên	Xã Đăk Man, H ĐăkGlei, Tỉnh Kon Tum	1	1,000	226	226		Hoạt động sự nghiệp thú y	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm khuyến nông		1	28,780	209	209					
1	Xã Đoàn Kết - thành phố KonTum	Xã Đoàn Kết - thành phố KonTum	1	28,780	209	209	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp Khuyến nông	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	BQL Rừng phòng hộ Đăk Glei		15	8,459	1,505	1,505					
1	Trụ sở làm việc	Xã ĐăkNhoong - huyện ĐăkGlei - huyện ĐăkGlei	1	1,215	390	390	QĐ thu hồi đất số 332/QĐ-UBND ngày 21/3/2006 của UBND tỉnh Kon Tum	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
2	Nhà trạm CKP Đăk Blô	Xã Đăk Plô, Huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum	1	125	63	63	Trích lục đất	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm QLBR Đăk Book	Xã Đăk Plô, Huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum	1	542	64	64	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 491619 ngày 07/9/2016;	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm QLBR Bung Tồn	Xã Đăk Plô, Huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum	1	668	63	63	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 491620 ngày 07/9/2016;	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà trạm BVR Đăk Nhoong	Xã Đăk Nhoong, Huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum	1	200	63	63	Văn bản số 177/CV-UB ngày 24/5/2005 của UBND huyện Đăk Glei về việc chấp nhận địa điểm xin giao đất	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà trạm BVR Đăk Ung	Xã Đăk Nhoong, Huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum	1	300	66	66	Biên bản bàn gia đất thực địa (Kèm tờ tính thu hồi đất và Đơn giao đất)	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà trạm BVR TK 37	Xã Đăk Nhoong, Huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum	1	750	66	66	Trích lục đất	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà trạm BVR Rooc Nâm	Xã Đăk Nhoong, Huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum	1	63	63	63	Trích lục đất	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà trạm BVR TK 28	Xã Đăk Nhoong, Huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum	1	500	77	77	QĐ số 82/QĐ-UBND ngày BQL ngày 16/5/2017 Về việc giới thiệu địa điểm xây dựng công trình Trạm QLBR	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm QLBR số 1	thôn Dục Lang, xã ĐăkLong, huyện ĐăkGlei	1	2,142	110	110	Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 10/9/2007 về việc thu hồi và chuyển mục đích sd đất;	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trạm QLBR số 2	thôn Đăk Xây, xã ĐăkLong, huyện ĐăkGlei	1	200	92	92	Trích lục đất	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trạm QLBR số 3	TK 117, xã ĐăkLong, huyện ĐăkGlei	1	800	85	85	GCNQSDĐ số AE 011540 ngày 30/10/2006 của Giám đốc sở TN&MT;	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Trạm QLBR số 4	TK 125, xã ĐăkLong, huyện ĐăkGlei	1	112	112	112	GCNQSDĐ số AE 011531 ngày 30/10/2006 của Giám đốc sở TN&MT	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Trạm QLBR số 5	TK 116, xã ĐăkLong, huyện ĐăkGlei	1	77	77	77	GCNQSDĐ số AE 011541 ngày 30/10/2006 của Giám đốc sở TN&MT	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Trạm QLBR số 6	Thôn Măng Tách, xã ĐăkLong, huyện ĐăkGlei	1	765	115	115	Giấy giới thiệu địa điểm xin giao đất để XD nhà trạm BVR số 431/UBND-CV ngày 31/5/2017;	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	BQL Rừng phòng hộ Thạch Nham		9	14,485	941	1,290					
1	Trụ sở BQL RPH Thạch Nham	xã Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	1	9,314	349	698	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AN 370874, cấp ngày 23/03/2009;	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm QLBR số 1	xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	1	747	56	56	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BX 734595,cấp ngày 25/09/2015;	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm QLBR số 2	xã Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	1	640	259	259	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BX 734588,cấp ngày 25/09/2015;	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm QLBR số 3	xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	1	1,053	63	63	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BX 734591,cấp ngày 25/09/2015; Quyết định số 58/QĐ-STC ngày 27/3/2008 về việc phê duyệt dự án hoàn thành	Hoạt động QLBR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
5	Trạm QLVR số 4	xã Đắk Rìng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	1	562	150	150	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BX 734592, cấp ngày 25/09/2015;	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm QLVR số 5	xã Đắk Niên, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	1	229	64	64	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BX 734593,cấp ngày 25/09/2015;	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Đất xây dựng nhà Trạm QLVR xã Ngọc Tem	xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	1	567			Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BX 734589,cấp ngày 25/09/2015	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Đất xây dựng nhà Trạm QLVR số 7	xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	1	600			Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BX 734590,cấp ngày 25/09/2015	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Đất xây dựng nhà Trạm QLVR số 8	xã Măng cãnh, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	1	773			Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BX 734594,cấp ngày 25/09/2015	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	BQL Rừng phòng hộ Tu Mơ Rông		6	7,430	717	717					
1	Trụ sở làm việc	Thôn Mô Pá - Xã Đắk Hà	1	3,460	307	307	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 379742 ngày 28/01/2013	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm QLDB Tu Mơ Rông	xã Tu Mơ Rông	1	692	82	82	Thông báo số 104/TB-UBND ngày 28/9/2016 của UBND huyện Tu Mơ Rông về việc giới thiệu địa điểm xây dựng công trình trạm BVR xã Tu Mơ Rông	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm QLDB Ngọc Yêu	xã Ngọc Yêu	1	600	92	92	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK082215 ngày 20/12/2012	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm QLDB Đắk Tờ Kan	xã Đắk Tờ Kan	1	600	73	73	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH075487 ngày 13/11/2006	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm QLDB Đắk Sao	xã Đắk Sao	1	748	82	82	Văn bản số 443/UBND ngày 28/11/2014 của UBND huyện Tu Mơ Rông về việc giới thiệu địa điểm đất lập dự án đầu tư xây dựng công trình trạm Kiểm lâm cửa rừng xã Đắk Sao	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm QLDB Măng Bút	xã Măng Bút	1	1,330	82	82	Trích lục đất	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	BQL rừng phòng hộ Đắk Hà		6	9,001	1,098	1,098					
1	Nhà, đất trụ sở làm việc	Thôn 1 xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum	1	2,400	575	575	Thông báo 1188/UBND -TH V/v giới thiệu vị trí đất xây dựng trụ sở làm việc của BQL rừng phòng hộ Đắk Hà (Kèm sơ đồ trích lục đất của phòng Tài nguyên môi trường ngày 08/10/2008)	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm QLVR Đắk Ui	Thôn 1B, xã Đắk Ui, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum	1	320	102	102	Thông báo 86/UBND -TH V/v giới thiệu vị trí đất xây dựng Trạm QLVR tại xã Đắk Ui (Sơ đồ trích lục vị trí do UBND xã Đắk Ui ký)	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm QLVR Ngọc Réo	Thôn kon Jong, xã Ngọc Réo, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum	1	280	102	102	Thông báo 86/UBND -TH V/v giới thiệu vị trí đất xây dựng Trạm QLVR tại xã Ngọc Réo (Kèm Sơ đồ trích lục vị trí do UBND xã Ngọc Réo ký)	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm QLVR Ngọc Réo	Thôn kon Rôn, xã Ngọc Réo, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum	1	5,200	129	129	Sơ đồ vị trí đất do phòng Tài nguyên và Môi trường lập ngày 22/3/2011	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm QLVR Đắk Neng	xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum	1	600	97	97	Quyết định 1088/QĐ-SKHĐT ngày 16 tháng 7 năm 2010 V/v đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất để xây dựng Trạm QLVR Đắk Neng	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm QLVR Đắk Trưa	Thôn 10, xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà, Kon tum	1	200	92	92	Trích lục đất	Hoạt động QLVR	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	BQL rừng phòng hộ Kon Rẫy	Thôn 9, Đắk Ruồng, Kon Rẫy, Kon Tum	5	2,850	804	804					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
1	Đất, nhà trụ sở BQL rừng phòng hộ Kon Rẫy		1	1,200	424	424	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BP 540383 ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Sở tài nguyên và môi trường	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm QLBRV số 1 Đèo Măng Đen		1	200	130	130		Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm QLBRV số 2 Đèo Măng Đen		1	200	70	70	Công văn số: 349/UBND ngày 25 tháng 06 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Huyện Kon Rẫy; V/v giới thiệu vị trí đất để xây dựng công trình: Trạm quản lý bảo vệ rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy.	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm QLBRV số 1 Đăk Kôi		1	750	70	70	Công văn số 403/CV-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2009 của UBND huyện Kon Rẫy; về việc giới thiệu địa điểm xây dựng công trình,	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm QLBRV số 2 Đăk Kôi		1	500	110	110	Trích lục kèm theo	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	BQL rừng đặc dụng Đăk Uy	(Thôn 3 - Đăk Mar - Đăk Hà - Kon Tum)	1	1,192	170	170	Trích lục kèm theo	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh		10	34,658	2,302	2,302					
1	Trụ sở làm việc Ban quản lý Khu BTTN Ngọc Linh		1	27,008	748	748	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 02164 cấp ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh Kon Tum	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm bảo vệ rừng Xốp		1	856	156	156	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 00688 cấp ngày 15/8/2013 của UBND tỉnh Kon Tum	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm bảo vệ rừng Măng Ri		1	705	181	181	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 03858 cấp ngày 01/11/2018 của UBND tỉnh Kon Tum;	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm bảo vệ rừng Đăk Man		1	613	62	62	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 00685 cấp ngày 15/8/2013 của UBND tỉnh Kon Tum;	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm bảo vệ rừng Đăk Choong		1	663	62	62	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 00687 cấp ngày 15/8/2013 của UBND tỉnh Kon Tum;	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trạm bảo vệ rừng Kon Riêng		1	875	148	148	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 02132 cấp ngày 03/5/2002 của UBND tỉnh Kon Tum	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trạm bảo vệ rừng Pô Kô		1	900	138	138		Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trạm bảo vệ rừng Ngọc Linh		1	281	264	264	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 00686 cấp ngày 15/8/2013 của UBND tỉnh Kon Tum	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trạm bảo vệ rừng Mường Hoong		1	1,678	213	213	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 00684 cấp ngày 15/8/2013 của UBND tỉnh Kon Tum	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm bảo vệ rừng Đèo Lò Xo		1	1,080	331	331	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 00686 cấp ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum	Hoạt động QLBRV	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Chi cục Bảo vệ thực vật	số 268 Phan Đình Phùng - Kon Tum	1	1,625	175	348.42	Quyết định số: 119/QĐ-UBND ngày 08/7/1992 của UBND tỉnh Kon Tum;	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Chi cục Quản lý chất lượng NLS và TS	số 100 Đào Duy Từ - Kon Tum	1	1,411	506	506.0	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 491765 ngày 21/11/2016	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Chi cục Phát triển Nông thôn	Đường quy hoạch sau Quảng trường 16/3 - Kon Tum	1	990.0	229.6	557.1	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của UBND tỉnh Kon Tum về việc điều chuyển nhà đất thuộc Trụ sở làm việc từ Ban Tôn Giáo sang Chi ục Phát triển nông thôn quản lý, sử dụng	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Chi cục Thú y tỉnh, địa chỉ	số 38 Nguyễn Văn Trỗi - Kon Tum	1	1,677.0	736.2	736	Giấy Chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất công sở của Chi cục Chăn nuôi và thú y được Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum cấp ngày 29/12/1992	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão tỉnh, địa chỉ	số 296 Duy Tân - Kon Tum	1	750.0	158.4	278.6	Giấy Chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất số BP 540031 ngày 24/6/2013;	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Giống, cây trồng vật nuôi và Thủy sản	số 49 U Rê - Kon Tum	1	821.0	427.3	532.0	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 482001 ngày 15/9/2017;Quyết định số 47/QĐ-STC ngày 6/5/2003 về việc phê duyệt quyết toán đầu tư hoàn thành	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
*	Trung tâm Khuyến nông	số 37 Trần Hưng Đạo - Kon Tum	1	499.0	100.0	200.0		Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT	số 88 Hai Bà Trưng - Kon Tum	1	1,127.6	475.0	613.0	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BN 379878 do Sở Tài Nguyên và môi trường cấp ngày 23/6/2013;	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
VIII	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum		4	293,521	19,166	31,654					
1	Trụ sở chính	14 Ngụy Như, TP Kon Tum	1	66,639	8,448	15,111	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 014385 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 05/7/2007	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Khoa Nông – Lâm – Thủy sản và Khu thực nghiệm	Đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 10, Phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	1	167,188	899	899	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P096097do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 08/11/1999; QĐ 620/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất để xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội; QĐ 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất để làm đường đi Trung Tín đến xã Đăk Cấm	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Khoa Y – Dược	347 Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum	1	1,742	996	2,747	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD631718 ngày 09/3/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Khoa Kỹ thuật – Công nghệ và các Trung tâm	Đường Đặng Tất, Phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum	1	57,952	8,823	12,897	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 970889 ngày 01/10/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
IX	Hội cựu chiến binh tỉnh	186 Ure, TP.Kon Tum	1	1,099	342	684	GCN quyền sử dụng đất: Số CK459902 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/8/2017	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
X	Liên hiệp hội tỉnh Kon Tum	413 U Rê, Trường Chinh, Kon Tum	2	12,523	616	1,978					
1	Cơ sở nhà, đất 413 Ure, TP.Kon Tum	413 Ure, TP.Kon Tum	1	1,418	616	1,978	GCN quyền sử dụng đất: Số CK459902 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/8/2017	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Cơ sở nhà, đất 261 Ure, TP.Kon Tum	261 Ure, TP.Kon Tum	1	11,105	-	-	GCN quyền sử dụng đất: Số BD 631796 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 13/06/2011	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XI	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Kon Tum		1	1,360	445	1,111	Văn bản số 151/TB-UBND ngày 30/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XII	Văn phòng UBND tỉnh		4	15,801	4,441	8,204					
1	Trụ sở làm việc Văn phòng UBND tỉnh	số 492 đường Trần Phú, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum	1	7,200	1,263	3,790		Trụ sở làm việc	Đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Hội trường Ngọc Linh	số 100 đường Trần Phú, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum	1	5,500	2,077	2,077		Trụ sở làm việc	Đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trụ sở Ban tiếp Công dân tỉnh	số 281 đường Bà triệu, thành phố Kon Tum	1	371	220	220		Trụ sở làm việc	Đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh (Nhà Khách Hữu Nghị cũ)	số 279 đường Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum	1	2,730	880	2,117		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XIII	Văn phòng HĐND tỉnh	số 196 Bà Triệu, Thắng Lợi, Kon Tum	1	14,074	1,800	3,142		Trụ sở làm việc	Đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XIV	Các đơn vị trực thuộc BQL Khu kinh tế tỉnh										

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
1	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	số 145 U Rê - Kon Tum	1	3,717.0	2,198.0	2,623.0		Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Ban Quản lý Cửa khẩu quốc tế Bờ Y										
	Trạm Kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi	1	8,104	1,659	2,259		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Công ty Dầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế		2	7,497	606	1,354					
		Thôn Iêc, Xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi	1	2,006	247	636	QĐ 315/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND tỉnh	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
		Thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi	1	5,492	359	719	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT04012 ngày 12/12/2018	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XV	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	258A Phan Đình Phùng, TP.Kon Tum, tỉnh Kon	1	21616,6	3,149	9,448		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XVI	BQL Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Thôn 3 , Thị trấn sa thầy - Thị trấn Sa Thầy - Huyện Sa Thầy - Kon Tum.	1	1,496	1,470	1,530		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XVII	Sở Nội vụ	số 172 Bà Triệu - Kon Tum	1	1,388	631	2,155	GCNQSD đất số CT 02333 ngày 29/7/2016	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XVIII	Ban Dân tộc tỉnh	số 163 Bà Triệu - Kon Tum	1	1,297	657	657	GCNQSD đất số BG 736085 ngày 07/3/2013	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XIX	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	số 846 (69Y cũ) Phan Đình Phùng - Kon Tum	1	79	77	298	GCN QQLSDND số 010002 thuộc trụ ở làm việc ngày 22/5/2000 của Sở Tài chính	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XX	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	số 03B Trần Phú - Kon Tum	1	939	589	679	GCN QQLSDND số 34 thuộc trụ ở làm việc ngày 01/10/2000 của Sở Tài chính	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XXI	Hội Nông dân tỉnh	số 43A-45 Trần Hưng Đạo - Kon Tum	1	1,343	856	856	Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất sốCH 272543 ngày 01/04/2017 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XXII	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	số 72A Bà Triệu - Kon Tum	1	900	314	851	QĐ 1185/QĐ-UBND ngày 14/10/2005 của UBND tỉnh v việc giao đất cho Liên minh HTX	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XXIII	Sở Công Thương	số 494 (123B cũ), Trần Phú - Kon Tum	1	1,714	877	1,801	Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 631783 ngày 30/9/2011 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XXIV	Sở Kế hoạch và Đầu tư	số 12 Nguyễn Viết Xuân - Kon Tum	1	4,010	1,001	3,083	Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 104457 ngày13/02/2007 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XXV	Sở Ngoại vụ	số 72 Bà Triệu - Kon Tum	1	2,339	899	1,737	biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất của liên ngành	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XXVI	Sở Tư pháp và các trung tâm trực thuộc	số 211 (47 cũ) Trần Hưng Đạo - Kon Tum	1	1,150	1,070	1,070	GCNQSD đất số 000755 ngày 22/5/2000; QĐ giao đất số 56/QĐ-UBND ngày 04/12/1991 của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XXVII	Sở Thông tin và Truyền thông và các trung tâm trực thuộc										
-	Sở Thông tin và Truyền thông	số 112E Bà Triệu - Kon Tum	1	1,458	256	256	GCNQSD đất số AK 519422 ngày 06/8/2008	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	số 339 Bà Triệu - Kon Tum	1	136	64	191	GCN Quyền sở hữu nhà ở số 169/CNSH cấp ngày 06/9/1994	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XXVIII	Thanh tra tỉnh	số 144 Bà Triệu - Kon Tum	1	1,957	520	1,081	- QĐ giao đất số 789/QĐ-UBND ngày 12/8/2008. - Giấy CNQSD đất số CT00159 ngày 16/8/2011	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của nhà nước	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
XXIV	Tỉnh đoàn	số 27 Nguyễn Viết Xuân - Kon Tum	1	4,150	851	1,859		Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
XXV	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	số 03 Nguyễn Thái Học - Kon Tum	1	644	341	356		Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
B	KHÔI HUYỆN		1,049	3,622,238	477,892	582,907					
I	Thành phố Kon Tum		181	694,565	95,161	137,350					
*	Khối cơ quan hành chính		24	103,961	14,750	21,735					
1.1	Các phòng ban		4	4,910	1,674	2,849					
	Trụ sở tiếp công dân (VP. HỒND-UBND TP Kon Tum)	194 Lê Hồng Phong, TP Kon Tum	1	1,083	625	906	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở tiếp công dân	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Phòng Tài nguyên và Môi trường	10 Nguyễn Trãi, TP Kon Tum	1	478	256	480	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Phòng Giáo dục Đào tạo	74 Đường Ba Đình, phường Thắng Lợi	1	2,877	426	1,096	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Phòng Quản lý Đô thị	39 Nguyễn Trãi, TP Kon Tum	1	473	367	367	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.2	UBND các xã, phường		20	99,052	13,075	18,887					
	UBND P. Duy Tân	385 Trần Khánh Dư, TP Kon Tum	1	2,710	821	821	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Phường Lê Lợi	Phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum	1	3,287	788	1,056	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Phường Ngô Mây	Phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum	1	4,913	338	558	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Phường Nguyễn Trãi	Phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum	1	4,999	782	1,021	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Phường Quang Trung	804 Phan Đình Phùng, TP Kon Tum	1	563	312	635	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Phường Thắng Lợi	Nguyễn Viết Xuân, TP Kon Tum	1	2,842	380	965	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Phường Thống Nhất	Nguyễn Huệ, TP Kon Tum	1	1,206	510	894	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Phường Trần hưng Đạo	Phường Trần hưng Đạo	1	3,412	678	1,033	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Phường Trường chinh	Notranglong, TP Kon Tum	1	3,770	513	781	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Xã Chư Hreng	Xã Chư Hreng	1	4,732	662	854	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Xã Đăk Blà	Xã Đăk Blà	1	3,376	1,028	1,266	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Xã Đăk Cấm	Xã Đăk Cấm	1	6,434	1,313	2,185	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND xã Đak Năng	xã Đak Năng	1	3,500	670	957	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Xã Đăk Rơ Wa	Xã Đăk Rơ Wa	1	6,234	940	1,540	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Xã Đoàn Kết	Thôn 5, Xã Đoàn Kết	1	11,919	333	333	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Xã Hòa Bình	Xã Hòa Bình	1	5,394	520	723	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Xã Iachim	Xã IaChim	1	10,916	1,034	1,338	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Xã Kroong	Xã Kroong	1	12,335	474	713	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	UBND Xã Ngọc Bay	Xã Ngọc Bay	1	4,698	530	625	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	UBND Xã Vinh Quang	Xã Vinh Quang	1	1,811	449	589	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Khỏi các tổ chức		1	554	206	206					
	Hội Chữ thập đỏ	118 Ngô Quyền, P Quyết Thắng	1	554	206	206	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Khỏi đơn vị sự nghiệp		156	590,050	80,205	115,409					
	Đài Truyền thanh Truyền hình	314 Duy Tân, P Duy Tân, TP Kon Tum	1	1,538	293	586	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trạm Khuyến Nông DV Nông Lâm nghiệp	234 QL 24, P. Trường Chinh, TP Kon Tum	1	487	204	204	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trung tâm phát triển quỹ đất TP	620 Trần Phú, P.Quyết Thắng, TP Kon Tum	1	312	312	422	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Ban Quản lý chợ thành phố	Hoàng Văn Thụ, P Quyết Thắng, TP Kon Tum	1	9,027	4,346	7,559	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở làm việc và cho thuê bán chợ	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Khỏi trường học										
	Trường MN Bằng Lăng	Thôn Phương Quý, xã Vinh Quang	1	2,253	508	508	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Bằng Lăng	Thôn Konrobàng, xã Vinh Quang	1	3,981	515	515	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Bằng Lăng	Thôn Trung Thành, xã Vinh Quang	1	1,005	91	91	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoa Anh Đào	38 Trương Hán Siêu- P.Duy Tân- TP Kon Tum	1	2,703	1,036	1,036	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Anh Đào	Đường Sư Vạn Hạnh- Tổ 7- P.Duy Tân- TP Kon Tum	1	150	46	46	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoa Hồng	141 đường Nguyễn Văn Linh - P Nguyễn Trãi	1	2,028	591	1,417	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Hồng	Điểm Tổ 3 - Đường Phan Văn Viêm - P Nguyễn Trãi	1	1,058	42	42	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoa Mai	Thôn 5, xã Đoàn Kết	1	2,748	744	744	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Họa Mi	Giao lộ Hoàng Văn Thái và Phùng Chí Kiên, p. Trần Hưng Đạo	1	2,245	937	937	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoa Ngọc Lan	Thôn 1- Xã Đăk Cấm	1	2,673	390	390	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Ngọc Lan	Điểm trường thôn 2 - Xã Đăk Cấm	1	904	56	56	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Ngọc Lan	Điểm trường Thôn 5 - Xã Đăk Cấm	1	454	86	86	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Ngọc Lan	Điểm trường Thôn 7 - Xã Đăk Cấm	1	920	61	61	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoa Phượng	459A - Đường Hùng Vương - P. Quang Trung	1	1,770	350	817	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	Điểm trường MN Hoa Phượng	Điểm trường Plei Tơ Nghia - P. Quang Trung	1	196	54	54	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Phượng	Điểm trường Thôn Plei Đôn - P. Quang Trung	1	600	54	54	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoa Pơ Lang	Cơ sở nhà, đất tại thôn Măng La Kơ Tu, xã Ngok Bay , TP Kon Tum	1	3,250	603	603	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Pơ Lang	Thôn Kon Hngo Kơ Lah, xã Ngok Bay	1	1,074	304	304	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Pơ Lang	Điểm trường thôn Kơ Năng, xã Ngok Bay	1	351	38	38	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Pơ Lang	Điểm trường thôn Đăk Rơ Đe, xã Ngok Bay	1	1,079	38	38	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Pơ Lang	Điểm trường thôn Plei Lech, xã Ngok Bay	1	1,856	304	304	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Pơ Lang	Điểm trường thôn Măng La Klah, xã Ngok Bay	1	665	84	84	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoa Sen	Thôn Điểm Trung, xã Chư Hreng	1	3,044	401	401	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Sen	Điểm trường Thôn PLei Groi, xã Chư Hreng	1	221	65	65	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Sen	Điểm trường Thôn ĐăkBrông, xã Chư Hreng	1	496	62	62	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Sen	Điểm trường Thôn 4, xã Chư Hreng	1	383	59	59	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Sen	Điểm trường Thôn KonhraKLă, xã Chư Hreng	1	293	74	74	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Sen	Điểm trường Thôn Kon Hra KơTu, xã Chư Hreng	1	322	99	99	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoa Sữa	Tổ 1 - P. Ngô Mây	1	2,450	283	283	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Sữa	Điểm lè Thôn Plei Trum, Phường Ngô Mây	1	330	95	95	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Sữa	Điểm lè Thôn Đăk Choăh, Phường Ngô Mây	1	258	57	57	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoa Thạch Thảo	Tổ dân phố 2 - Hẻm Trần Hưng Đạo - P. Thắng Lợi	1	4,079	1,065	1,665	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoa Thạch Thảo	Thôn KonLor - P. Thắng Lợi	1	1,934	117	117	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	Điểm trường MN Hoa Thạch Thảo	Thôn Kontumkopong, Đường A Gió - P. Thắng Lợi	1	1,371	62	62	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Hoàng Sa	Thôn 4 - xã hòa Bình - TP Kon Tum	1	3.178.1	985	985	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoàng Sa	Thôn ĐăkKrăk - xã hòa Bình - TP Kon Tum	1	1,000	100	100	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoàng Sa	Thôn Kếp Ram - xã hòa Bình - TP Kon Tum	1	500	100	100	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoàng Sa	Thôn Plei Dong - xã hòa Bình - TP Kon Tum	1	140	100	100	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoàng Sa	Thôn Plei Chor - xã hòa Bình - TP Kon Tum	1	346	100	100	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Hoàng Sa	Thôn 5 - xã hòa Bình - TP Kon Tum	1	505	100	100	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Năng Hồng	Kontu 2, xã Đak Blă	1	1,547	443	443	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	Kontu 1, xã Đak Blă	1	560	60	60	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	Kon Gur, xã Đak Blă	1	430	95	95	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	Kon Hring, xã Đak Blă	1	247	96	96	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	Kon Păt, xã Đak Blă	1	430	108	108	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	Kon Drei, xã Đak Blă	1	338	113	113	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	Kon Rơ lang, xã Đak Blă	1	264	79	79	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	KonJơDreH, xã Đak Blă	1	437	57	57	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	KonJơDreHLơng, xã Đak Blă	1	1,542	167	167	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	Kon Sơ Lam 1, Phường Trường Chinh	1	416	47	47	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Hồng	Kon Sơ Lam 2, Phường Trường Chinh	1	416	40	40	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Năng Mai	Làng PleiRơHai 1 - P. Lê Lợi	1	2,233	482	482	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Năng Mai	Điểm lẻ Làng PleiRơHai 2 - P. Lê Lợi	1	449	72	72	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Thủy Tiên	472 Nguyễn Huệ, TP Kon Tum	1	1,318	408	673	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Thủy Tiên	Tổ 8, Lý Tự Trọng, TP Kon Tum	1	668	90	90	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Thủy Tiên	Thôn KonTumkonâm, TP Kon Tum	1	710	144	144	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	Điểm trường MN Thủy Tiên	Thôn KonHrachot, TP Kon Tum	1	499	144	144	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Thôn Ya Hội, xã Đắk Năng	1	2,300	679	679	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường Mầm non Tuổi Hoa	Phòng học thôn Plei Drop, xã Đắk Năng	1	1,972	160	160	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Tuổi Hồng	Thôn Konlor 2, xã Đắk Rơ Wa	1	1,231	224	224	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Tuổi Hồng	Thôn KonKot, xã Đắk Rơ Wa	1	901	152	152	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Tuổi Hồng	Thôn Kơ Năm 2, xã Đắk Rơ Wa	1	1,337	42	42	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Tuổi Hồng	Thôn Jơ Dri, xã Đắk Rơ Wa	1	1,240	106	106	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Tuổi Hồng	Thôn Kơ Pong, xã Đắk Rơ Wa	1	1,059	84	84	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Tuổi Ngọc	Đất điểm trường chính, Thôn Nghĩa An, Xã Iachim	1	2,408	605	605	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Tuổi Thơ	03 Phan Đình Phùng - Phường Quyết Thắng	1	1,923	985	1,970	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Tuổi Thơ	39 Lê Lợi - Phường Quyết Thắng	1	236	80	80	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MN Vàng Anh	Thôn 2, xã Kroong	1	7,187	1,194	1,604	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Vàng Anh	Thôn Kroong Ktu, xã Kroong	1	1,110	93	93	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Vàng Anh	Thôn Kroong Klah, xã Kroong	1	2,955	465	465	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Bế Văn Đàn	Thôn Kon Rê PLong, xã Đắk Blà	1	3,950	608	608	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Bế Văn Đàn	Thôn Kon Dreh, xã Đắk Blà	1	460	48	48	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Bế Văn Đàn	Thôn Kon Drei, xã Đắk Blà	1	345	64	64	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Bế Văn Đàn	Thôn Kon Gur, xã Đắk Blà	1	686	145	145	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Cao Bá Quát	Thôn Kon Rờ Bàng 1 xã Vinh Quang	1	8,602	580	580	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Đặng Trần Côn	Thôn Măng La- xã NgokBay	1	6,059	958	1,502	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Đặng Trần Côn	Thôn Plei Klech- xã NgokBay	1	1,486	88	88	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Đào Duy Từ	Số 12 - Đào Duy Từ, P. Trường Chinh	1	8,449	641	641	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Đoàn Thị Điểm	Thôn 1, xã Đắk Cấm	1	6,590	352	703	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Đoàn Thị Điểm	Điểm lẻ Thôn 5, làng Lây Lung, xã Đắk Cấm	1	434	56	56	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Đoàn Thị Điểm	Điểm lẻ Thôn 7, làng Yang Roong, xã Đắk Cấm	1	1,080	376	376	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	Trường TH Hoàng Văn Thụ	117 Đường Hoàng Văn Thụ, P.Quyết Thắng	1	3,726	975	2,925	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Triệu Thị Trinh	127 Bắc Kan, phường Thắng Lợi	1	3,976	573	854	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Phùng Khắc Khoan	Thôn Plei Lay - xã Iachim	1	13,815	1,074	1,074	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Kim Đồng	Thôn Klầu Ngol- Xã Iachim	1	8,942	935	1,257	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Kim Đồng	Thôn Klầu Ngol- Xã Iachim	1	2,121	154	154	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Kim Đồng	Thôn Phei Druăn - Xã Ia Chim	1	3,339	112	112	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Kơ Pa Kơ Long	Thôn Kon Kon Tu II - Xã ĐăkBLà	1	14,583	892	892	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Kơ Pa Kơ Long	Thôn Kon Hring - Xã ĐăkBLà	1	1,206	105	105	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Kơ Pa Kơ Long	Thôn Kon Kơ Pát - Xã ĐăkBLà	1	646	90	90	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Lê Hồng Phong	115 - Lê Hồng Phong - Phường Quang Trung	1	4,360	726	1,774	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Lê Lợi	Làng Plei Rơ hai I, phường Lê Lợi-TP Kon Tum	1	6,710	1,149	1,149	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Lê Văn Tám	Tổ 1, Phường Ngõ Mây	1	15,704	858	858	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Lê Văn Tám	Đất điểm trường thôn Thanh Trung, Ngõ Mây	1	2,280	295	295	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Lê Văn Tám	Đất điểm trường thôn Trung Thành, Vĩnh Quang	1	2,945	142	142	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Lương Thế Vinh	Tổ 3, P Nguyễn Trãi	1	12,641	867	867	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Mạc Đĩnh Chi	74 Mạc Đĩnh Chi, P Quyết Thắng	1	2,274	713	946	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Ngô Quyền	107 Ngõ Quyền . Phường Thống nhất	1	10,452	2,871	4,817	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Ngô Sĩ Liên	Thôn Kon HơNgoKLa - Xã Ngok Bay	1	1,893	1,084	1,526	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Ngô Sĩ Liên	Thôn Kơ Năng - Xã Ngok Bay	1	459	42	42	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	TrườngTH Ngô Thi Nhậm	Thôn Nghĩa An- Xã Iachim	1	11,366	1,305	1,885	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trườngTH Ngô Thi Nhậm	Điểm lè thôn Plei Sar Thôn Plei Sar- Xã IaChim	1	500	96	96	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Thôn PleiDong - Hòa Bình - Kon Tum	1	6,203	655	655	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Hiền	ĐăkBrông-Xã Chuhreng	1	7,015	780	1,060	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Hữu Cánh	Thôn 5- Xã Đoàn Kết	1	10,700	640	1,007	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	Điểm trường TH Nguyễn Hữu Cánh	Thôn Plei H'nor- Xã Đoàn Kết- TP. Kon Tum	1	1,295	255	255	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Thái Bình	Lớp học Konkopong 2, xã Đắk Rơ Wa	1	9,791	590	590	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Thái Bình	Lớp học konklor, xã Đắk Rơ Wa	1	396	180	180	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Thái Bình	Lớp học Konkopong 2, xã Đắk Rơ Wa	1	714.5	210	210	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Thái Bình	Lớp học Konktu, xã Đắk Rơ Wa	1	1767.9	240	240	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Thái Bình	Lớp học kon jori, xã Đắk Rơ Wa	1	2652.1	300	300	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Trãi	14 Ngõ Đức Đệ - P. Lê Lợi	1	7,309	1,186	2,300	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Tri Phương	Thôn 2 - xã Kroong	1	9,573	588	588	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Tri Phương	Thôn Trung Nghĩa Đông - xã Kroong	1	3,562	158	158	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Tri Phương	Điểm trường thôn 2, xã Kroong	1	2,475	296	296	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Tri Phương	Thôn Kroong Ktu - thôn 3, xã Kroong	1	1,150	155	155	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Tri Phương	Thôn Kroong Klăh, xã Kroong	1	1,475	327	327	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Trung Trực	Ngõ Thanh - xã Đắk Năng	1	6,645	864	1,142	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Trung Trực	Thôn Rơ Wăk - xã Đắk Năng	1	3,803	228	228	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Trung Trực	Thôn Jơ Rốp - xã Đắk Năng	1	4,640	616	616	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Văn Cừ	40- Nguyễn Văn Cừ - Phường Quang Trung	1	6,771	986	1,389	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Nguyễn Văn Cừ	Làng Pleitonghia - Phường Quang Trung	1	466	112	112	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Thôn 4 - Xã Hòa Bình	1	6,209	640	1,074	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Tổ 6, Phường Trần Hưng Đạo	1	2,955	768	1,536	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Phan Chu Trinh	135 Phan Chu Trinh -Phường Thắng lợi	1	6,340	1,694	3,242	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Phan Đình Phùng	04 Nguyễn Thái Học - P. Quyết Thắng	1	4,700	1,295	2,594	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Quang Trung	134 Sư Vạn Hạnh, P. Duy Tân	1	3,264	1,224	1,986	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Trần Phú	108 Trường Chinh, P. Duy Tân	1	3,836	839	1,645	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường TH Trần Quốc Toàn	Thôn Phương Quý 2, xã Vinh Quang	1	3,188	403	403	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường TH Trần Quốc Toàn	Thôn KoNgol ktu, Xã Vinh Quang	1	4,027	408	816	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	Trường TH Võ Thị Sáu	Thôn Kon Hra Chot- P. Thống Nhất	1	5,151	916	2,416	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	TrườngTHCS Chu Văn An	Tổ 4, P. Trần Hưng Đạo	1	7,156	1,162	1,795	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Hàm Nghi	Thôn Măng La - Xã Ngọc Bay	1	20,000	765	1,529	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Thôn 4 Xã Hòa Bình	1	12,100	1,627	1,627,4	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Lê Đình Chinh	Thôn Kon Tu 2 - Xã Đăk Blà	1	9,716	995	1,405	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	TrườngTHCS Lê Lợi	71 Lê Thị Hồng Gấm - P. Lê Lợi	1	12,050	590	970	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Lê Quý Đôn	Thôn 2- Xã Kroong- TP. Kon Tum	1	9,400	907	1,136	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Thôn Rơ Wăk- xã Đăk Năng	1	14,000	714	1,429	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Thôn 05, xã Đoàn Kết	1	16,000	1,261	1,877	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	21 Bắc Cạn, phường Thăng Lợi	1	8.810	823	1,358	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Nguyễn Du	03 Hồ Quý Ly-Tổ 3- P.Nguyễn Trãi	1	7,032	664	1,334	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Nguyễn Huệ	274 Phan Đình Phùng, Phường Duy Tân	1	4,267	1,376	2,630	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Nguyễn Khuyến	Thôn 1 Xã Đăk Cẩm - TP Kon Tum	1	13,558	689	909	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Nguyễn Sinh Sắc	38 Nguyễn Sinh Sắc, P. Quang Trung	1	8,360	2,463	4,121	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Thôn ĐăkPrông- xã ChưHreng- TP. Kon Tum	1	5,099	586	819	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Phạm Hồng Thái	Thôn KonKlor 2 - Xã Đăk RơWa	1	20,113	735	1,470	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Phan Bội Châu	Thôn Nghĩa An - Xã Ia Chim	1	15,413	1,495	1,943	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường THCS Phan Bội Châu	Nhà tập thể GV thôn Nghĩa An, xã Iachim	1	1,818	135	135	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Trần Hưng Đạo	34 - Lý Tự Trọng - P. Thống Nhất	1	6,902	756	1,655	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Trần Khánh Dư	Thôn Phương Quý 2, xã Vinh Quang	1	6,169	656	968	Đã có GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường THCS Trường Sa	05 Nơ Trang Long, P. Trường Chinh	1	12,798	1,699	2,984	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường MN Tuổi Ngọc	Phòng học thôn Plei Ruân, Xã Iachim	1	1,724	58	58	Đã có trích lục đất và xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	Huyện Ia H'Drai		24	172,119	17,296	24,162					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
1	Văn phòng Huyện ủy- HĐND-UBND huyện	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	48,543	5,479	8,357	Tại Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh Kon Tum (về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất); Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh Kon Tum (BC KTKT); Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (mái che nhà công vụ)	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ tiếp tục sử dụng	
2	Trung tâm chính trị huyện	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai			289	289	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ tiếp tục sử dụng	Thuộc khuôn viên thửa đất số 1 (diện tích: 9059m2) của Văn phòng Huyện ủy- HĐND- UBND huyện
3	Ủy ban MTTQVN huyện	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	-	-	926	1,238	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ tiếp tục sử dụng	Thuộc khuôn viên thửa đất số 1 của Văn phòng Huyện ủy- HĐND- UBND huyện
4	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	2,823	291	471	Quyết định số 825/QĐ-UBND tỉnh ngày 28/8/2016 (chuyển mục đích sử dụng đất);Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ tiếp tục sử dụng	
6	Ủy ban nhân dân xã Ia Đal	Thôn Ia Đal, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	1	8,994	762	1,042	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	UBND xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	1	5,761	760	1,003	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	UBND xã Ia Toi	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	24,412	804	1,063	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường MN Tuổi Ngọc		2	4,644	663	663					
9.1	Điểm trường Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	1	3,439	580	580	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.2	Điểm trường Thôn Ia Muung, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	Thôn Ia Muung, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	1	1,205	83	83					
10	Trường MN Măng Non		3	4,406	1,125	1,125					
10.1	Điểm trường Thôn 1, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn 1, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	1	761	103	103	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng		

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
10.2	Điểm trường Thôn 3, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn 3, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	-	-	181	181	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Thuộc khuôn viên đất (1.938 m2) do Trường TH-THCS Hùng Vương quản lý
10.3	Điểm trường Thôn Ia Đal, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn Ia Đal, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	1	2,898	612	612	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng		
10.4	Điểm trường Thôn 7, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn 7, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	-	-	83	83	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng		Thuộc khuôn viên đất (1.419 m2) do Trường TH-THCS Hùng Vương quản lý
10.5	Điểm trường Thôn Chư Hem, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai		1	748	64	64	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng		
10.6	Điểm trường Thôn 8, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn 8, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	-	-	82	82	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng		Thuộc khuôn viên đất (2.458,5m2) do Trường TH-THCS Hùng Vương quản lý
11	Trường MN Hoa Mai		3	11,233	1,345	1,345					
11.1	Điểm trường Thôn 1, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Thôn 1, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	1	3,680	634	634	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11.2	Điểm trường Thôn Ia Đor, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Thôn Ia Đor, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	1	3,239	223	223	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11.3	Điểm trường Thôn 1, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai (điểm trường thôn 1)	Thôn 1, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai (điểm trường thôn 1)	-	-	79	79	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Thuộc khuôn viên (diện tích là 3.543,5 m2) do trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành quản lý
11.4	Điểm trường Thôn 8, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai (điểm trường thôn 1)	Thôn 8, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai (điểm trường thôn 1)	1	4,314	226	226	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
11.5	Điểm trường Thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	Thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	-	-	183	183	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Thuộc khuôn viên (Diện tích là 3.617,5 m2) do trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành quản lý
12	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Trường TH Lê Quý Đôn và Trường THCS Trần Quốc Tuấn cũ)		4	27,944	2,085	3,312					
	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	9,498	898	1,374	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn		3	18,446	1,187	1,938					
12.2	Điểm trường Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	3,544	171	171	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất sự nghiệp giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12.3	Điểm trường Thôn 7, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	Thôn 7, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	11,285	799	1,549	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan				
12.4	Điểm trường thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	Thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	3,618	218	218	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan				Thuộc khuôn viên (Diện tích là 3.617,5 m2) do trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành quản lý
13	Trường TH-THCS Hùng Vương (Trường TH Tô Vĩnh Diện cũ)		5	19,037	1,894	2,676					
13.1	Điểm trường Thôn Ia Đal, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn Ia Đal, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	1	10,751	985	1,767	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13.2	Điểm trường Thôn 3 xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn 3, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	1	1,938	202	202	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan				
13.3	Điểm trường Thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	1	2,471	367	367	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan				
13.4	Điểm trường Thôn 7, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn 7, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	1	1,419	166	166	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan				
13.5	Điểm trường Thôn 8, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Thôn 8, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	1	2,459	173	173	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan				
14	Trường TH-THCS Nguyễn Du		2	14,321	1,161	1,867					
14.1	Điểm trường Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	1	12,321	981	1,687	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14.2	Điểm trường Thôn 2, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	Thôn 2, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	1	2,001	180	180	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan				
III	Huyện Đắk Hà		238	830,670	89,849	102,700					
*	A- Khôi quản lý nhà nước = I+II		90	389,944	31,650	36,993					
*	Các cơ quan quản lý hành chính (17)		20	181,780	14,747	19,306					
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện Đắk Hà			4,944	1,281	2,313					
	Trụ sở làm việc Văn phòng HDND-UBND huyện Đắk Hà	Thị trấn Đắk Hà	1	4,944			BP 540686 ngày 30/6/2014	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
	+ Nhà số 1 - Trụ sở làm việc UBND huyện				1,032	2,064		Nhà làm việc		tục sử dụng	
	+ Nhà số 2 - Nhà ăn tập thể cũ				127	127		Nhà ăn tập thể			
	+ Nhà số 3 - Nhà Khách cũ				123	123		Nhà làm việc			
2	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện			0	426	852					
	Trụ sở	Nằm trong khuôn viên đất của UBND huyện và Văn phòng UBND huyện quản lý		0					Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà số 1-Nhà làm việc				426	852		Nhà làm việc			
3	Phòng Nội vụ huyện			0	143	143					
	Trụ sở	Nằm trong khuôn viên đất của UBND huyện và Văn phòng UBND huyện quản lý		0					Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Nhà số 1-Nhà làm việc				115	115		Nhà làm việc			
	- Nhà số 1-Nhà làm việc				28	28		Nhà làm việc			
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện			0	420	420					
	Trụ sở	Nằm trong khuôn viên đất của UBND huyện và Văn phòng UBND huyện quản lý		0					Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà số 1-Nhà làm việc				420	420		Nhà làm việc			
5	Phòng Kinh Tế và Hạ tầng (Liên 5 cơ quan: Kinh tế, Dân tộc, Tư pháp, Chi cục thống kê)			1,350	459	576					
	Trụ sở Phòng kinh tế hạ tầng, Phòng Dân tộc, Tư pháp, Chi cục Thống kê	Thị trấn Đắk Hà	1	1,350			Giấy chứng nhận Quyền QL, SD nhà đất số 46 ngày 25/4/2001	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Ngõ 1 (Nhà làm việc 02 tầng, cấp 2; XD 1997 và coi nói năm 2006)				296	428		Nhà làm việc			
	- Ngõ 2 (Nhà tập thể A)				108	98		Nhà tập thể			
	- Ngõ 3 (Nhà tập thể B)				55	50		Nhà tập thể			
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Đắk Hà			640	199	398					
	Đất trụ sở	Thị trấn Đắk Hà	1	640			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà làm việc				199	398		Nhà làm việc			
7	Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đắk Hà			2,303	868	1,173					
	1. Trụ sở Phòng TC-KH	Thị trấn Đắk Hà	1	1,323			CD 491687 ngày 21/9/2016	Đất xây dựng trụ sở Làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 - Nhà làm việc số 2 tầng				305	610		Nhà làm việc			
	'+ Ngõ 2 - Nhà làm việc số 2				151	151		Nhà làm việc			
	2. Trụ sở Chi cục chăn nuôi Thú y huyện	Thôn 5, xã Hà Mòn, Đắk Hà	1	980			AK 519474 ngày 24/12/2008	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngõ 3- Nhà làm việc Chi cục Chăn nuôi Thú y huyện				93	93		Nhà làm việc			
	3. Ngõ 4 - Nhà điều hành + nhà kinh doanh (tại khu Trung tâm VH-TT huyện)	Đất nằm trong khuôn viên của Trung tâm Văn hoá, thể thao, Du lịch và truyền thông			318	318		SD khác	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trung tâm Văn hoá, thể thao, Du lịch và truyền thông			60,812	1,641	1,641					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	1. Đài truyền thanh - truyền hình cũ	Thị trấn Đăk Hà	1	6,300			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngõ 1-Nhà là việc Đài TT-TH cũ				350	350		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Trụ sở nhà làm việc, phòng truyền thông, nhà văn hóa thanh thiếu niên, nhà rồng trong đó:	Thị trấn Đăk Hà	1	54,512			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	<i>Đất sản vận động</i>			22,512			QĐ số 280/QĐ-UBND ngày 04/3/2014	Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3-Trung tâm VH-thể thao huyện				310	310		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4- Nhà truyền thống				236	236		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 5- Nhà văn hóa thanh thiếu niên				745	745		Hoạt động sự nghiệp			
9	BQL Dự án đầu tư XD huyện Đăk Hà			806	247	353					
	Đất trụ sở	Thị trấn Đăk Hà	1	806			BP 540068 ngày 12/8/2013	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 - Nhà làm việc BQL (2 tầng)				144	250		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 2 - Nhà công vụ				53	53		Nhà kho			
	+ Ngõ 3 - Nhà xe				50	50		Nhà vòm để xe			
10	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện Đăk Hà			27,533	1,296	1,623					
	1. Trụ sở làm việc		1	3,456			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Xây dựng trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngõ 1 - Trụ sở làm việc				404	404		Trụ sở làm việc			
	'+ Ngõ 2 - Nhà vệ sinh				36	36		Khác			
	2. Cơ sở giết mổ tập trung	Thị trấn Đăk Hà	1	4,632			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngõ 3 - Nhà điều hành 1 - Cơ sở giết mổ tập trung				42	42		Nhà quản lý cơ sở giết mổ tập trung			
	'+ Ngõ 4 - Nhà điều hành 2 - Cơ sở giết mổ tập trung				134	134		Nhà quản lý cơ sở giết mổ tập trung			
	3. Nhà máy nước Thị trấn	Thôn Thanh xuân, xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà	1	3,192			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	--Ngõ 5 - Nhà máy nước Thị trấn				354	354		Hoạt động sự nghiệp			
	<i>Nhà clo</i>				49	49					
	<i>Nhà trộn vôi</i>				62	62					
	<i>Nhà hóa chất</i>				117	117					
	<i>Nhà bảo vệ</i>				21	21					
	<i>Nhà bơm rửa lọc</i>				24	24					
	<i>Nhà điều hành</i>				82	82					
	4. Chợ trung tâm huyện Đăk Hà	Thị trấn Đăk Hà	1	9,156			QĐ số 1354/QĐ-UBND ngày 06/6/2017	Cho thuê	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	5. Nhà khách UBND huyện	Thị trấn Đăk Hà	1	7,097			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Xây dựng nhà khách	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Ngõ 6 - Nhà khách huyện Đăk Hà				326	653		Nhà khách			
11	Văn phòng Huyện ủy Đăk Hà			5,536	1,214	1,972					
	Trụ sở làm việc Huyện Ủy	Thị trấn Đăk Hà	1	5,536			CH 272559 ngày 14/4/2017	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (Trụ sở Huyện Ủy Đăk Hà)				439	878		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 2 (Nhà ăn và phòng khách Huyện Ủy cũ)				229	229		Nhà làm việc			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngõ 3 (Nhà ăn)				227	227		Nhà ăn			
	'+ Ngõ 4 (Kho lưu trữ)				319	638		Lưu trữ hồ sơ			
12	UB Mặt trận TQVN huyện Đăk Hà			2,271	671	961					
	Trụ sở	Thị trấn Đăk Hà	1	2,271			BP 540695 ngày 18/7/2014	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (Nhà làm việc 2 tầng, khối dân vận mặt trận)				308	597		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 2 (Nhà làm việc cấp 4, 4 phòng)				69	69		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 3 (Nhà làm việc cấp 4, 5 phòng)				190	190		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 4 (Ga ra ô tô)				28	28		Nhà xe			
	+ Ngõ 5 (Ga ra để xe đạp và xe máy)				76	76		Nhà xe			
13	Trung tâm Chính trị huyện Đăk Hà			3,680	879	879					
	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Đăk Hà	Thị trấn Đăk Hà	1	3,680			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất (Quyết định số 266/QĐ-UB ngày 25/7/1998)	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngõ 1 - Hội trường 24/3				709	709		Khác			
	'+ Ngõ 2 - Nhà làm việc				170	170		Làm việc			
14	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đăk Hà			67,463	3,796	4,796					
	Trung tâm GDNN - GDTX	Thị trấn Đăk Hà	1	67,463			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất trụ sở làm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 - Nhà hành chính quản trị - hiệu bộ				270	540		Phòng học			
	+ Ngõ 2 - Nhà lý thuyết 10 phòng				478	957		Làm việc			
	+ Ngõ 3 - Ký túc xá học sinh				251	503		Ký túc xá			
	+ Ngõ 4 - Nhà đa năng				740	740		Khác			
	+ Ngõ 5 - Nhà ăn, nhà bếp				206	206		Nhà ăn			
	+ Ngõ 6 - Nhà xưởng thực hành (chế biến lâm sản)				600	600		Nhà xưởng			
	+ Ngõ 7 - Nhà xưởng thực hành (mộc da dụng, thủ công mỹ nghệ)				600	600		Nhà xưởng			
	+ Ngõ 8 - Nhà xưởng thực hành (cơ khí, kỹ nghệ sắt, điện dân dụng, công nghiệp)				600	600		Nhà xưởng			
	+ Ngõ 9 - Nhà vệ sinh				50	50		Khác			
15	Phòng Y tế huyện Đăk Hà			1,300	451	451					
	Phòng Y tế huyện Đăk Hà	Thị trấn Đăk Hà	1	1,300			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất xây dựng trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 - Nhà làm việc, nhà vệ sinh				136	136		Nhà làm việc, nhà vệ sinh			
	+ Ngõ 2- Nhà thi đấu và luyện tập thể dục thể thao				315	315		Nhà thi đấu			
16	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Hà			2,606	694	694					
	Đất trụ sở	Thị trấn Đăk Hà	1	2,606			BP 540450 ngày 28/3/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 Nhà làm việc				346	346		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 2 Nhà làm việc				348	348		Nhà làm việc			
17	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp			537	61	61					
	Trụ sở Chi Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cũ	Thị trấn Đăk Hà	1	537			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Ngõ 1 - Chi Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cũ				61	61		Nhà làm việc			
II	Xã, thị trấn (11 đơn vị)		70	208,164	16,902	17,687					
18	UBND Thị trấn Đăk Hà			44,338	2,162	2,425					
	1. Trụ sở TT Đăk Hà	Thị trấn Đăk Hà	1	2,009			BP 540948, ngày 01/12/2014	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 1- Trụ sở làm việc				263	526		Nhà làm việc			
	2. Sân vận động (TDP7)	TDP7, Thị trấn Đăk Hà	1	6,254			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	3. Nhà rông văn hóa Thôn Kon Trang Long Loi	Thôn Kon Trang Long Loi	1	6,155			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà 2- Nhà rông văn hóa Thôn Kon Trang Long Loi				96	96		Hoạt động văn hóa			
	4. Công an Thị trấn	TDP1, Thị trấn Đắk Hà	1	379			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 3 - Công an Thị trấn				170	170		Nhà làm việc			
	5. Nhà văn hóa TDP1	TDP1, Thị trấn Đắk Hà	1	998			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 4 - Nhà văn hóa TDP1				131	131		Hoạt động văn hóa			
	6. Nhà văn hóa TDP9	TDP9, Thị trấn Đắk Hà	1	2,848			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 5- Nhà văn hóa TDP9				68	68		Hoạt động văn hóa			
	7. Nhà văn hóa TDP2A	TDP2A, Thị trấn Đắk Hà	1	1,620			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 6- Nhà văn hóa TDP2A				125	125		Hoạt động văn hóa			
	8. Nhà văn hóa TDP7	TDP7, Thị trấn Đắk Hà	1	1,796			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 7- Nhà văn hóa TDP7				131	131		Hoạt động văn hóa			
	9. Nhà văn hóa TDP6	TDP6, Thị trấn Đắk Hà	1	1,666			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 8- Nhà văn hóa TDP6				125	125		Hoạt động văn hóa			
	10. Nhà văn hóa TDP 5	TDP 5, Thị trấn Đắk Hà	1	2,080			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 9- Nhà văn hóa TDP 5				81	81		Hoạt động văn hóa			
	11. Nhà văn hóa TDP 3A	TDP 3A, Thị trấn Đắk Hà	1	1,320			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 10- Nhà văn hóa TDP 3A				208	208		Hoạt động văn hóa			
	12. Nhà văn hóa TDP 4B	TDP 4B, Thị trấn Đắk Hà	1	3,336			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 11- Nhà văn hóa TDP 4B				76	76		Hoạt động văn hóa			
	13. Nhà văn hóa TDP 4A	TDP 4A,Thị trấn Đắk Hà	1	3,254			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 12- Nhà văn hóa TDP 4A				139	139		Hoạt động văn hóa			
	14. Nhà văn hóa TDP 8	TDP 8,Thị trấn Đắk Hà	1	4,000			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 13- Nhà văn hóa TDP 8				125	125		Hoạt động văn hóa			
	15. Nhà văn hóa TDP 2B	TDP 2B,Thị trấn Đắk Hà	1	4,242			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 14- Nhà văn hóa TDP 2B				190	190		Hoạt động văn hóa			
	16. Nhà văn hóa TDP 10	TDP 10, Thị trấn Đắk Hà	1	1,680			Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 15- Nhà văn hóa TDP 10				125	125		Đất cơ sở văn hóa			
	17. Trạm Y tế TT Đắk Hà	Thị trấn Đắk Hà	1	701			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 16- Trạm Y tế TT Đắk Hà				109	109		Nhà Làm việc			
19	UBND Xã Đắk Hring			25,102	1,481	1,481					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	1. Trụ sở	Xã Đắk Hring	1	1,963			BP 540577 ngày 27/6/2014	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 - Trụ sở làm việc + Nhà vệ sinh				361	361		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 2 - Nhà làm việc 07 phòng				241	241		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 3 - Hội trường xã				97	97		Hoạt động văn hóa			
	+ Ngõ 4 - Hội trường xã				185	185		Đất xây dựng cơ sở văn hóa			
	2. Nhà văn hóa thôn 1	thôn 1	1	525			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 5 - Nhà văn hóa thôn 1 (Đắk Long)				55	55		Hoạt động văn hóa			
	3. Nhà văn hóa thôn 2	thôn 2	1	623			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 6 - Nhà văn hóa thôn 2				72	72		Hoạt động văn hóa			
	4. Nhà văn hóa thôn 3	thôn 3	1	3,601			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 7 - Nhà văn hóa thôn 3				72	72		Hoạt động văn hóa			
	5. Nhà văn hóa thôn 6	thôn 6	1	444			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8 - Nhà văn hóa thôn 6				60	60		Hoạt động văn hóa			
	6. Nhà văn hóa thôn 7	thôn 7	1	1,768			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 9 - Nhà văn hóa thôn 7				60	60		Hoạt động văn hóa			
	7. Nhà văn hóa thôn 8	thôn 8	1	389			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 10 - Nhà văn hóa thôn 8 (Kon Hnong Pêng)				50	50		Hoạt động văn hóa			
	8. Nhà văn hóa thôn 9	thôn 9	1	12,126			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	9. Nhà văn hóa thôn 11	thôn 11	1	717			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	10. Nhà văn hóa thôn 12	thôn 12	1	253			BX 734363 ngày 31/7/2015	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 11 - Nhà văn hóa thôn 12 (Tân Lập A)				105	105		Hoạt động văn hóa			
	11. Nhà văn hóa thôn 13	thôn 13	1	2,129			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 12 - Nhà văn hóa thôn 13 (Đắk Kang Yốp)				61	61		Hoạt động văn hóa			
	12. Bưu điện xã	xã Đắk Hring	1	563			Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 13 -Bưu điện xã				62	62		Hoạt động văn hóa			
20	UBND Xã Đắk La			4,492	1,114	1,114					
	1. Trụ sở UBND thôn 1 xã Đắk La	thôn 1 xã Đắk La	1	2,136			CD 491480 ngày 29/7/2016	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 - Trụ sở UBND 2 tầng				375	375		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 2 - Nhà làm việc + nhà kho				82	82		Làm làm việc, nhà kho			
	+ Ngõ 3 - Nhà làm việc				140	140		Nhà làm việc			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngôi 4 - Hội trường				291	291		Hoạt động văn hóa			
	2. Trụ sở 2	xã Đắk La	1	1,898			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất trụ sở làm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 5 - Nhà làm việc công an				151	151		Nhà làm việc			
	3. Nhà sinh hoạt cộng đồng	xã Đắk La	1	459			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Ngôi 6 - Nhà sinh hoạt cộng đồng				75	75		Hoạt động văn hóa			
21	UBND Xã Đắk PXi			5,910	1,279	1,279					
	Đất trụ sở thôn 6 (thôn Kon Kôm)	Xã Đắk PXi	1	5,910			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1 - Nhà làm việc (ĐU-HĐND-				181	181		Nhà làm việc			
	+ Ngôi 2 - Nhà làm việc (Khởi MT và đoàn thể)				184	184		Nhà làm việc			
	+ Ngôi 3- Hội trường xã				176	176		Hoạt động văn hóa			
	+ Ngôi 4 - Thư viện xã				62	62		Hoạt động văn hóa			
	+ Ngôi 5- Nhà bảo vệ				30	30		Nhà bảo vệ			
	+ Ngôi 6 - Nhà làm việc (BP 1 cửa)				170	170		Nhà làm việc			
	+ Ngôi 7- Nhà kho				16	16		Nhà kho			
	+ Ngôi 8 - Nhà Vệ sinh				16	16		Khác			
	+ Ngôi 9 - Nhà làm việc (Công an xã)				66	66		Nhà làm việc			
	+ Ngôi 10 - TT học tập cộng đồng				378	378					
22	UBND Xã Đắk Ui			10,567	944	944					
	1. Trụ sở UBND	xã Đắk Ui	1	6,339			BP 540523, ngày 24/4/2014	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1- Trụ sở UBND xã Đắk Ui, thôn Đắk Kơ Đêm (Nhà làm việc + nhà vệ sinh)				373	373		Nhà làm việc			
	+ Ngôi 2- Hội trường xã (thôn Đắk Kơ Đêm)				301	301		Hoạt động văn hóa			
	+ Ngôi 3 - Nhà làm việc BCHQS xã (thôn Đắk Kơ Đêm)				59	59		Nhà làm việc			
	+ Ngôi 4 - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã				70	70		Nhà làm việc			
	2. Nhà Văn hóa xã Đắk Ui	xã Đắk Ui	1	4,228			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 5 - Nhà văn hóa xã				142	142		Hoạt động văn hóa			
23	UBND Xã Đắk Mar			41,452	2,464	2,464					
	1. Trụ sở UBND xã Đắk Mar, thôn 3	thôn 3, xã Đắk Mar	1	2,046			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1 -Trụ sở làm việc UBND (2 tầng)				690	690		Nhà làm việc			
	+ Ngôi 2 - Nhà làm việc (khởi đoàn thể)				192	192		Nhà làm việc			
	+ Ngôi 3 - Hội trường				341	341		Hội họp			
	+ Ngôi 4 - Nhà vệ sinh				22	22		Khác			
	2. Hội trường thôn 1, xã Đắk Mar	thôn 1, xã Đắk Mar	1	1,290			CĐ 491416 ngày 11/7/2016	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 5 - Nhà Hội trường thôn 1				180	180		Hoạt động văn hóa			
	3. Hội trường thôn 2, xã Đắk Mar	thôn 2, xã Đắk Mar	1	2,715			CĐ 491417 ngày 11/7/2016	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 6 - Nhà Hội trường thôn 2				93	93		Hoạt động văn hóa			
	4. Hội trường thôn 3, xã Đắk Mar	thôn 3, xã Đắk Ma	1	953			CĐ 491418 ngày 11/7/2016	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 7 - Nhà Hội trường thôn 3				133	133		Hoạt động văn hóa			
	5. Hội trường thôn 4, xã Đắk Mar	thôn 4, xã Đắk Mar	1	903			CĐ 491419 ngày 11/7/2016	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 8 - Nhà Hội trường thôn 4				188	188		Hoạt động văn hóa			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	6. Hội trường thôn 5, xã Đăk Mar	thôn 5, xã Đăk Mar	1	1,621			CD 491420 ngày 11/7/2016	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 9 - Nhà Hội trường thôn 5				145	145		Hoạt động văn hóa			
	7. Nhà rông, thôn Kon Gun, xã Đăk Mar	thôn Kon Gun, xã Đăk Mar	1	15,463			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 10 - Nhà rông văn hóa thôn KonGung				145	145		Hoạt động văn hóa			
	8. Nhà rông, thôn Đăk Mut, xã Đăk Mar	thôn Đăk Mut, xã Đăk Mar	1	4,306			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 11 - Nhà rông văn hóa thôn ĐăkMút				145	145		Hoạt động văn hóa			
	9. Nhà rông, thôn Kon Kơ Lôk, xã Đăk Mar	thôn Kon Kơ Lôk, xã Đăk Mar	1	807			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 12 - Nhà rông văn hóa thôn KonKơLôk				145	145		Hoạt động văn hóa			
	10. Trung tâm văn hóa xã	xã Đăk Mar	1	11,000			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	11. Nhà ở Bác sỹ xã Đăk Mar	xã Đăk Mar	1	350			Quyết định số 721/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 27/9/2019 về việc điều chuyển tài sản; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản công mẩu số 01/TSC-BBGN ngày 09/10/2019	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 13 - Nhà ở Bác sỹ xã Đăk Mar				45	45		Nhà ở			
24	UBND Xã Hà Môn			24,241	2,007	2,214					
	1. Trụ sở UBND	Xã Hà Môn	1	10,440			BP 540826 ngày 05/9/2014	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà 1- Trụ sở làm việc UBND (2 tầng)				207	414		Nhà làm việc			
	+ Nhà 2 - Nhà thư viện kết hợp nhà truyền thống xã Hà Môn				170	170		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3 - Nhà văn hóa				374	374		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Nhà văn hóa thôn 1	thôn 1	1	3,903			BN 379766 ngày 12/3/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 4- Nhà văn hóa thôn 1				150	150		Hoạt động văn hóa			
	3. Nhà văn hóa thôn 2	thôn 2	1	572			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 5 - Nhà văn hóa thôn 2				123	123		Hoạt động văn hóa			
	4. Đất Nhà văn hóa thôn 3	thôn 3	1	2,500			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 6 - Nhà văn hóa thôn 3				150	150		Hoạt động văn hóa			
	5. Nhà văn hóa thôn 4	thôn 4	1	1,104	-		Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 7 -Nhà văn hóa thôn 4				142	142		Hoạt động văn hóa			
	6. Nhà văn hóa thôn 5	thôn 5	1	147			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8 - Nhà văn hóa thôn 5				87	87		Hoạt động văn hóa			
	7. Nhà văn hóa thôn Thống Nhất	thôn Thống Nhất	1	1,383			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 9 - Nhà văn hóa thôn Thống Nhất				160	160		Hoạt động văn hóa			
	8. Nhà văn hóa thôn Quyết Thắng	thôn Quyết Thắng	1	1,499			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 10 - Nhà văn hóa thôn Quyết Thắng				145	145		Hoạt động văn hóa			
	9. Nhà văn hóa thôn Hải Nguyên	thôn Hải Nguyên	1	2,298			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 11 - Nhà văn hóa thôn Hải Nguyên				150	150		Hoạt động văn hóa			
	10. Nhà văn hóa thôn Bình Minh	thôn Bình Minh	1	396			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 12 - Nhà văn hóa thôn Bình Minh				150	150		Hoạt động văn hóa			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
25	UBND Xã Ngọc Réo			17,454	1,446	1,446					
	1. Trụ sở UBND	Xã Ngọc Réo	1	10,904			BP 540562 ngày 12/6/2014	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1. Trụ sở làm việc (ĐU, HĐND, UBND)				300	300		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 2. Một cửa				104	104		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 3. Nhà làm việc (Văn phòng UBND)				67	67		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 4. Tiếp công dân				22	22		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 5. Nhà văn hóa xã Ngọc Réo				265	265		Hoạt động văn hóa			
	+ Ngõ 6. Nhà ăn				31	31		Nhà ăn			
	2. Nhà rông thôn Kon Hơ Dré	thôn Kon Hơ Dré	1	611			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 7. Nhà rông_Thôn Kon Hơ Dré				78	78		Hoạt động văn hóa			
	3. Nhà rông thôn Kon Krok	thôn Kon Krok	1	384			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8. Nhà rông_Thôn Kon Krok				80	80		Hoạt động văn hóa			
	4. Nhà rông thôn Kon Jong	thôn Kon Jong	1	1,466			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 9. Nhà rông_Thôn Kon Jong				57	57		Hoạt động văn hóa			
	5. Nhà rông thôn Kon Bơ Băn	thôn Kon Bơ Băn	1	1,258			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 10. Nhà rông_Thôn Kon Bơ Băn				116	116		Hoạt động văn hóa			
	6. Nhà rông thôn Kon Rôn	thôn Kon Rôn	1	703			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 11. Nhà rông_Thôn Kon Rôn				120	120		Hoạt động văn hóa			
	7. Nhà rông thôn Kon Sotiu	thôn Kon Sotiu	1	223			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 12. Nhà rông_Thôn Kon Sotiu				63	63		Hoạt động văn hóa			
	8. Nhà rông thôn Kon Braih	thôn Kon Braih	1	1,015			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 13. Nhà rông_Thôn Kon Braih				69	69		Hoạt động văn hóa			
	9. Nhà rông thôn Đắk Phía	thôn Đắk Phía	1	892			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 14. Nhà rông_Thôn Đắk Phía				74	74		Hoạt động văn hóa			
26	UBND Xã Ngọc Wang			11,925	2,005	2,005					
	1. Đất trụ sở UBND	Xã Ngọc Wang	1	8,114			BP 540527 ngày 05/05/2014	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (Nhà làm việc UBND -ĐU)				276	276		Trụ sở làm việc			
	+ Ngõ 2 (Nhà ăn nhà bếp)				69	69		Nhà ăn			
	+ Ngõ 3 Hội trường xã NgọcWang				340	340		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 Nhà văn hóa xã				150	150		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 5 - Nhà văn hóa xã				129	129		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 6 - Nhà làm việc khối đoàn thể				65	65		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 7 Nhà khối đoàn thể				116	116		Nhà làm việc			
	2. Nhà văn hóa thôn 7Thôn 7, xã Ngọc Wang	Xã Ngọc Wang	1	638			BP 540542 ngày 05/5/2014	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8 Nhà văn hóa thôn 7				96	96		Hoạt động văn hóa			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	3. Phòng khám đa khoa khu vực xã NgokWang	Xã Ngok Wang	1	3,172			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 9 Phòng Khám Đa khoa khu vực NgokWang				764	764		Làm việc			
27	UBND Xã Đăk Long			12,271	877	1,192					
	Trụ sở UBND	Xã Đăk Long	1	12,271			CT 063361 cấp ngày 09/10/2019	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 -Trụ sở làm việc				315	630		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 2 - Trạm phát thanh				70	70		Khác			
	+ Ngõ 3 - Nhà làm việc Công an				60	60		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 4 - Nhà văn hóa cộng đồng xã				432	432		Hoạt động văn hóa			
28	UBND xã Đăk Ngok			10,413	1,123	1,123					
	Trụ sở UBND	xã Đăk Ngok	1	10,413			Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 221929 ngày 17/10/2019	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1- Trụ sở làm việc UBND				630	630		Nhà làm việc			
	+ Ngõ 2 - Trạm phát thanh				47	47		Khác			
	+ Ngõ 3 - Nhà văn hóa xã				315	315		Hoạt động văn hóa			
	+ Ngõ 4 - Nhà văn hóa thôn Đăk KĐem				131	131		Hoạt động văn hóa			
*	Khối sự nghiệp = I +II + III		148	440,726	58,199	65,706					
*	Mâm non (Mẫu giáo) 12 đơn vị		64	66,902	15,690	15,690					
29	Mẫu giáo xã Ngok Wang			5,060	1,077	1,077					
	1. Điểm trường thôn 1	thôn 1 xã Ngok Wang	1	366				Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1- Nhà học điểm trường thôn 1 -02 phòng				170	170		Hoạt động sự nghiệp			
	2.1. Điểm trường thôn 2 xã Ngok Wang	thôn 2 xã Ngok Wang	1	956			BP 540120 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	2.2. Điểm trường thôn 3 xã Ngok Wang	thôn 3 xã Ngok Wang	1	482			BP 540121 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	2.3. Điểm trường thôn 7 xã Ngok Wang	thôn 7 xã Ngok Wang	1	334			BP 540165 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà học điểm trường thôn 1, 2,3,7,8,9				403	403		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Trường MG xã Ngok Wang Thôn 4, Ngoc Wang	Thôn 4, Ngoc Wang	1	2,427			BP 540164 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường thôn 6, xã Ngok Wang	thôn 6, xã Ngok Wang	1	495			BP 540185 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo			
	+ Nhà học điểm trường thôn 4,5,6				504	504		Hoạt động sự nghiệp			
30	Mâm non xã Đăk Mar			5,035	715	715					
	1. Đất xây dựng trường học	xã Đăk Mar	1	5,035			BP 540067ngày 12/8/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1- Nhà ăn, nhà bếp				86	86		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2- Nhà 3 lớp học				306	306		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3- Nhà Hiệu bộ				114	114		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4- Nhà hội trường				121	121		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	2. Điểm thôn Kon Kơ Lốc Nhà học 2 phòng							Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Đất dùng chung với Trường Tiểu học Võ Thị Sáu và hiện trường TH Võ Thị Sáu quản lý
	+ Ngõ 5 - Nhà học 2 phòng				87	87		Hoạt động sự nghiệp			
31	Mẫu giáo xã Đắk La			8,627	2,190	2,190					
	1. Điểm trường chính thôn 6, xã Đắk La	thôn 6, xã Đắk La	1	6,142				Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1- Nhà học 4 phòng + nhà bếp				558	558		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2- Nhà học 5 phòng học				360	360		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3- Hội trường				398	398		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm trường thôn 5, xã Đắk La	thôn 5, xã Đắk La	1	960			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 5- Điểm trường thôn 5, 02 phòng				150	150		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 6- Điểm trường thôn 5, 02 phòng				150	150		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm trường thôn 7, xã Đắk La	thôn 7, xã Đắk La	1	1,225			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 7 - điểm trường thôn 7, 01 phòng học				123	123		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 8 - điểm trường thôn 7 (nhà trẻ+Hầm tự hoại+hệ thống điện)				102	102		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm trường thôn 8, xã Đắk La	thôn 8, xã Đắk La	1	300			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 9 - điểm trường thôn 8 (nhà học 02 phòng)				213	213		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm trường thôn 9							Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Đất dùng chung với TH Lê Đình Chinh
	+ Ngõ 10 - điểm trường thôn 9				136	136		Hoạt động sự nghiệp			
32	Mẫu giáo xã Đắk Ui			5,572	1,674	1,674					
	1. Điểm trường chính, thôn 1B, xã Đắk Ui	thôn 1B, xã Đắk Ui	1	2,148			CĐ 491461 ngày 8/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+Ngõ 1- Nhà hiệu bộ, nhà 2 phòng học (135+237,6)				373	373		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2- Nhà lớp học 5 phòng				428	428		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3 - Nhà hội trường				130	130		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm trường thôn 2, xã Đắk Ui	thôn 2, xã Đắk Ui	1	503			CĐ 491462 ngày 8/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 4- Điểm trường thôn 2 nhà học 1 phòng				82	82		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	3. Điểm trường thôn 4, xã Đăk Ui	thôn 4, xã Đăk Ui	1	504			CD 491463 ngày 8/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 5- Điểm trường thôn 4 nhà học 1 phòng				82	82		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm trường thôn 5A, xã Đăk Ui	thôn 5A, xã Đăk Ui	1	245			CD 491464 ngày 8/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 6 - Điểm trường thôn 5A nhà học 1 phòng				50	50		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm trường thôn 5B, xã Đăk Ui	thôn 5B, xã Đăk Ui	1	229			CD 491465 ngày 8/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 7- Điểm trường thôn 5B nhà học 1 phòng				55	55		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm trường thôn 7A, xã Đăk Ui (563,7; 535,4)	thôn 7A, xã Đăk Ui	1	1,099			CD 491466 ngày 8/7/2016 ; CD 848709 ngày 22/11/2018	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8- Điểm trường thôn 7A nhà học 1 phòng				73	73		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 9- Điểm trường thôn 7A nhà học 1 phòng				106	106		Hoạt động sự nghiệp			
	7. Điểm trường thôn 7B, xã Đăk Ui	thôn 7B, xã Đăk Ui	1	417			CD 491467 ngày 8/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 10 - Điểm trường thôn 7B nhà học 1 phòng				109	109		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 11 - Điểm trường thôn 7B nhà học 1 phòng				106	106		Hoạt động sự nghiệp			
	8. Điểm trường thôn 8, xã Đăk Ui	thôn 8, xã Đăk Ui	1	426			CD 491468 ngày 8/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 12- Điểm trường thôn 8 nhà học 1 phòng				82	82		Hoạt động sự nghiệp			
33	Mầm non Sơn Ca			6,534	868	868					
	- Điểm trường chính, Tổ dân phố 2A, thị trấn Đăk Hà	Tổ dân phố 2A, thị trấn Đăk Hà	1	5,421			BP 540029 ngày 11/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ số 1- Nhà bếp				30	30		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ số 2- nhà học, nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh				339	339		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ số 3 - nhà học 3 lớp và các hạng mục khác				306	306		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ số 4- Nhà vệ sinh				25	25		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Điểm trường thôn, thôn Long Loi, thị trấn Đăk Hà	thôn Long Loi, thị trấn Đăk Hà	1	1,113			BP 540030 ngày 11/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo			
	Ngõ số 5- Điểm trường thôn Long Loi				168	168		Hoạt động sự nghiệp			
34	Mẫu giáo xã Đăk Long			3,164	1,577	1,577					
	1. Điểm trường chính	Xã Đak Long	1	1,508			CP 848706 ngày 20/11/2018	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 - Nhà Hiệu bộ				286	286		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2- Nhà học 2 phòng				139	139		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3- Nhà học 2 phòng				139	139		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4- Nhà học 2 phòng				192	192		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	2. Điểm trường thôn Tua Tem 1 phòng học							Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Đất dùng chung với Trường Tiểu học xã Đắk Long và hiện trường TH xã Đắk Long quản lý
	+ 1 phòng học				91	91		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm trường thôn Đắk Kơ Ne	thôn Đắk Kơ Ne	1	115			CH 272557 ngày 14/4/2017	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõi 6- Điểm trường thôn Đắk Kơ Ne nhà học 1 phòng				70	70		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm trường thôn Kon Teo	thôn Kon Teo	1	276			CH 272555 ngày 14/4/2017	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõi 7- Nhà học 1 phòng				84	84		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõi 8- Nhà học 2 phòng				126	126		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm trường thôn Đắk Xế	thôn Đắk Xế	1	1,265			CH 272558 ngày 14/4/2017	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Ngõi 9- Điểm trường thôn Đắk Xế nhà học 3 phòng				247	247		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm trường thôn Kon Dao Yốp							Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Đất dùng chung với Trường Tiểu học xã Đắk Long và hiện trường TH xã Đắk Long quản lý
	+ Ngõi 10- Nhà học 1 phòng				64	64		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõi 11- Nhà học 2 phòng				139	139		Hoạt động sự nghiệp			
35	Mẫu giáo xã Đắk Ngok			4,252	1,394	1,394					
	1. Trường Mẫu giáo xã Đắk Ngok - Thôn Đắk Bình	Thôn Đắk Bình	1	3,047			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõi số 1 - Nhà Hiệu bộ				290	290		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõi 2 - Nhà 2 phòng họp				168	168		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõi 3 - Nhà học 5 phòng				350	350		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõi 4 - Nhà ăn + nhà bếp				121	121		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Thôn Thắng Lợi (thôn 3)	Thôn 3	1	107			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõi 5 - Điểm trường thôn Đắk Lợi (01 phòng học)				107	107		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	3. Thôn Thanh Xuân (thôn 4)	thôn 4	1	103			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 6 - Điểm trường thôn Thanh Xuân (01 phòng học)				103	103		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Thôn Đăk Xuân (thôn 5)	thôn 5	1	70			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 7- Điểm trường thôn Đăk Xuân (01 phòng học)				70	70		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Thôn Đăk Kđem (thôn 6)	thôn 6	1	842			BP 540166 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8 Điểm trường thôn Đăk Kđem (01 phòng học)				101	101		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Thôn Đăk Tin (thôn 7)	thôn 7	1	84			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 9 - Điểm trường thôn Đăk Tin (01 phòng học)				84	84		Hoạt động sự nghiệp			
36	Mầm non Hoa Hồng			5,880	1,056	1,056					
	Trường mầm non Hoa Hồng	Thị trấn Đăk Hà	1	5,880			BP 540169 ngày 17/9/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+Ngõ 1 (Nhà lớp học 5 phòng)				360	360		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 (Nhà học 2 phòng)				168	168		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3 (Dãy phòng Hiệu bộ)				131	131		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 (khu bếp ăn)				133	133		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 5 (Nhà học 1 phòng TDP 1)				95	95		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 6 (Nhà học 01 phòng TDP 8)				84	84		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 7 (Nhà học 01 phòng TDP 10)				84	84		Hoạt động sự nghiệp			
37	Mẫu giáo xã Đăk Hring			5,178	2,101	2,101					
	1. Điểm trường chính, thôn 12, xã Đăk Hring	thôn 12, xã Đăk Hring	1	3,799			BP 540487, ngày 10/4/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (nhà học 02 phòng thôn 12)				169	169		Hoạt động sự nghiệp			
	+ 'Ngõ 2 (nhà học 02 phòng thôn 12)				174	174		Hoạt động sự nghiệp			
	+ 'Ngõ 3 (nhà học 02 phòng)				181	181		Hoạt động sự nghiệp			
	+ 'Ngõ 4 (Nhà công vụ 03 phòng thôn 12)				98	98		Hoạt động sự nghiệp			
	+ 'Ngõ 5 (Nhà hiệu bộ 05 phòng thôn 12)				504	504		Hoạt động sự nghiệp			
	+ 'Ngõ 6 (Nhà vệ sinh 1 thôn 12)				43	43		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 7 (Nhà vệ sinh 2 thôn 12)				12	12		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm trường thôn 1, xã Đăk Hring	thôn 1, xã Đăk Hring	1	54			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8 (Nhà học 01 phòng thôn 1)				54	54		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm trường thôn 2A, xã Đăk Hring	thôn 2A, xã Đăk Hring	1	91			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ 'Ngôi 9 (Nhà học 1 phòng thôn 2a)				91	91		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	tục sử dụng	
	4. Điểm trường thôn 2B, xã Đăk Hring	thôn 2B, xã Đăk Hring	1	70			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 10 (Nhà học 1 phòng thôn 2b)				70	70		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm trường thôn 3, xã Đăk Hring	thôn 3, xã Đăk Hring	1	254			BP 540489, ngày 24/4/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 11 (Nhà học 01 phòng thôn 3)				57	57		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm trường thôn 6, xã Đăk Hring	thôn 6, xã Đăk Hring	1	54			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 12 (Nhà học 01 phòng thôn 6)				54	54		Hoạt động sự nghiệp			
	7. Điểm trường thôn 7A, xã Đăk Hring	thôn 7A, xã Đăk Hring	1	89			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 13 (Nhà học 01 phòng thôn 7a)				89	89		Hoạt động sự nghiệp			
	8. Điểm trường thôn 7B, xã Đăk Hring	thôn 7B, xã Đăk Hring	1	113			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 14 (Nhà học 01 phòng thôn 7b)				70	70		Hoạt động sự nghiệp			
	9. Điểm trường thôn 8, xã Đăk Hring	thôn 8, xã Đăk Hring	1	331			BP 540488, ngày 14/4/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 15 (Nhà học 02 phòng thôn 8)				112	112		Hoạt động sự nghiệp			
	10. Điểm trường thôn 9, xã Đăk Hring	thôn 9, xã Đăk Hring	1	54			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 16 (Nhà học 01 phòng thôn 9)				54	54		Hoạt động sự nghiệp			
	11. Điểm trường thôn 10, xã Đăk Hring	thôn 10, xã Đăk Hring	1	54			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 17 (Nhà học 01 phòng thôn 10)				54	54		Hoạt động sự nghiệp			
	12. Điểm trường thôn 11 A, xã Đăk Hring	thôn 11 A, xã Đăk Hring	1	54			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 18 (Nhà học 01 phòng thôn 11a)				54	54		Hoạt động sự nghiệp			
	13. Điểm trường thôn 11 B, xã Đăk Hring	thôn 11 B, xã Đăk Hring	1	57			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 19 (Nhà học 01 phòng thôn 11b)				57	57		Hoạt động sự nghiệp			
	14. Điểm trường thôn 13 A, xã Đăk Hring	thôn 13 A, xã Đăk Hring	1	49			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 20 (Nhà học 01 phòng thôn 13a)				49	49		Hoạt động sự nghiệp			
	15. Điểm trường thôn 13 B, xã Đăk Hring	thôn 13 B, xã Đăk Hring	1	55			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 21 (Nhà học 01 phòng thôn 13a)				55	55		Hoạt động sự nghiệp			
38	Mẫu giáo xã Hà Mòn			9,576	696	696					
	1. Điểm trường chính, thôn 2, xã Hà Mòn	thôn 2, xã Hà Mòn	1	8,217			BP 540176 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1 - Nhà học 3 phòng				295	295		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 2 - Nhà học 2 phòng				169	169		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngôi 3 - Nhà bếp + nhà ăn				82	82		Hoạt động sự nghiệp			
	2.1 Điểm trường thôn, thôn 1, xã Hà Mòn	thôn 1, xã Hà Mòn	1	571			BP 540175 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	2.2. Điểm trường thôn, thôn 5, xã Hà Mòn	thôn 5, xã Hà Mòn	1	788			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 4- Nhà học 4 phòng (02 phòng trường chính, 01 phòng thôn 1, 01 phòng thôn 5)				150	150		Hoạt động sự nghiệp			
39	Mẫu giáo xã Đăk Pxi			4,456	1,021	1,021					
	1. Điểm trường chính, thôn 5, xã Đăk Pxi	thôn 5, xã Đăk Pxi	1	2,144			CD 491375, ngày 8/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1 (Nhà 4 phòng học)				203	203		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 2 (Nhà học 2 lớp)				117	117		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 3 (Nhà học 02 phòng, nhà hiệu bộ 02 phòng)				225	225		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm trường thôn, thôn 4, xã Đăk Pxi	thôn 4, xã Đăk Pxi	1	108			BB xác minh tứ cận thửa đất ngày 29/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 4 (Nhà học 1phòng)				61	61		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm trường thôn, thôn 7, xã Đăk Pxi	thôn 7, xã Đăk Pxi	1	258			BB xác minh tứ cận thửa đất ngày 29/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 5 (Nhà học 2 phòng)				101	101		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm trường thôn, thôn 8, xã Đăk Pxi	thôn 8, xã Đăk Pxi	1	864			Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho trường MG Đăk Pxi..	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+' Ngôi 6 (Nhà lớp học)				70	70		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm trường thôn, thôn 10, xã Đăk Pxi	thôn 10, xã Đăk Pxi						Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+' Ngôi 7 (Nhà lớp học)				70	70		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm trường thôn, thôn 9, xã Đăk Pxi	thôn 9, xã Đăk Pxi	1	830			BB xác minh tứ cận thửa đất ngày 29/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+' Ngôi 8 (Nhà học 02 phòng)				119	119		Hoạt động sự nghiệp			
	7. Điểm trường thôn, thôn 13, xã Đăk Pxi	thôn 13, xã Đăk Pxi	1	252			BB xác minh tứ cận thửa đất ngày 29/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+' Ngôi 9 (Nhà 1 phòng học)				56	56		Hoạt động sự nghiệp			
40	Mẫu giáo xã Ngok Réo			3,568	1,323	1,323					
	1. Điểm trường chính thôn Kon Kon	thôn Kon Kon	1	1,604			BP 540059 ngày 12/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1 (điểm trường chính): Nhà công vụ 4 phòng				134	134		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 2 (điểm trường chính): Nhà học 2 phòng				112	112		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn Kon Rôn	thôn Kon Rôn	1	273			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 3 (điểm trường thôn Kon Rôn): 01 phòng học				127	127		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 4 (điểm trường thôn Kon Rôn): 01 phòng học				47	47		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	3. Điểm thôn, thôn Kon Jong	thôn Kon Jong	1	387			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 5 (điểm trường thôn Kon Jong): 01 phòng học				180	180		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm thôn, thôn Kon Bơ Băn	thôn KonBơ Băn	1	288			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 6 (điểm trường thôn KonBơ Băn): 02 phòng học				305	305		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 7 (điểm trường thôn KonBơ Băn): 01 phòng học				56	56		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm thôn, thôn Kon Hré	thôn Kon Hré	1	364			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8 (điểm trường thôn KonHRê): 01 phòng học				53	53		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 9 (điểm trường thôn KonHRê): 01 phòng học				59	59		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm thôn, thôn Đăk Phía	thôn Đăk Phía	1	169			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 10 (điểm trường thôn Đăk Phía): 01 phòng học				60	60		Hoạt động sự nghiệp			
	7. Đất thôn Kon Braỹ	thôn Kon Braỹ	1	169			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 11 (điểm trường thôn Kon Rẫy): 01 phòng học				60	60		Hoạt động sự nghiệp			
	8. Điểm thôn, thôn Kon Rốc	thôn Kon Rốc	1	315			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 12 (điểm trường thôn KonRốc): 01 phòng học				60	60		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 13 (điểm trường thôn KonRốc): 01 phòng học				70	70		Hoạt động sự nghiệp			
*	Bậc Tiểu học 20 đơn vị		72	251,260	29,212	32,429					
41	Tiểu học Tô Vĩnh Diện			13,929	1,289	1,289					
	1. Điểm trường chính, thôn 7, xã Đăk Pxi	thôn 7, xã Đăk Pxi	1	6,830			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (Nhà hiệu bộ, Nhà lớp học 3 phòng, nhà vệ sinh) thôn 7				284	284		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 (Nhà lớp học 4 phòng) thôn 7				225	225		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn 13, xã Đăk Pxi	thôn 13, xã Đăk Pxi	1	305			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 3 (Nhà lớp học 1 phòng) thôn 13				58	58		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm thôn, thôn 7, xã Đăk Pxi	thôn 7, xã Đăk Pxi	1	5,714			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 4 (Nhà lớp học 2 phòng) thôn 7				105	105		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 5 (Nhà lớp học 3 phòng) thôn 7				108	108		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 6 (Nhà lớp học 3 phòng) thôn 7				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm thôn, thôn 9, xã Đăk Pxi	thôn 9, xã Đăk Pxi	1	1,080			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 7 (Nhà lớp học 3 phòng) thôn 9				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 8 (Nhà lớp học 2 phòng) thôn 9				117	117		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngõ 9 (Nhà lớp học 4 phòng) thôn 9				122	122		Hoạt động sự nghiệp			
42	Tiểu học Lê Quý Đôn			10,501	899	1,299					
	Trường TH Lê Quý Đôn	Thị trấn Đăk Hà	1	10,501			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (dãy nhà 2 tầng 10 phòng học)				400	800		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 (Dãy nhà 4 phòng)				305	305		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3 (Dãy Nhà Hiệu bộ)				194	194		Hoạt động sự nghiệp			
43	Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc			7,108	780	780					
	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Thị trấn Đăk Hà	1	7,108			BP 540170	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 - Nhà học 04 lớp				216	216		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 - Nhà học 04 lớp				216	216		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3- Nhà học 04 lớp, nhà hiệu bộ				307	307		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 - Nhà vệ sinh				42	42		Hoạt động sự nghiệp			
44	TH và THCS xã Đăk Ngok (Tiểu học 30/4 cũ)			17,491	1,660	2,332					
	1. Điểm trường thôn Đăk Bình, xã Đăk Ngok	thôn Đăk Bình, xã Đăk Ngok	1	6,633			BP 540183 ngày 17/9/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (08 phòng học + 04 nhà vệ sinh)				337	674		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 (05 phòng làm việc + 02 phòng VS)				199	199		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn Đăk Tin	thôn Đăk Tin	1	2,224			BP 540184 ngày 17/9/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 3 (02 phòng học)				112	112		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 (02 phòng học)				112	112		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 5 (02 phòng VS)				22	22		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm trường thôn Thanh Xuân, xã Đăk Ngok	thôn Thanh Xuân, xã Đăk Ngok	1	1,575			BP 540174 ngày 30/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 6 (02 phòng học)				112	112		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 7 (02 vệ sinh)				19	19		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm thôn Đăk Kđem, xã Đăk Ngok	thôn Đăk Kđem, xã Đăk Ngok	1	1,060			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8 (02 học +nhà ở GV)				145	145		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 9 (01 phòng học)				56	56		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 10 (02 vệ sinh)				12	12		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Trường THCS xã Đăk Ngok	xã Đăk Ngok	1	6,000			QĐ số 1076/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh Kon Tum và sơ đồ trích lục ngày 11/10/2018 của Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Kon	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 11 (Nhà học 8 phòng)				336	671		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngôi 12 (Nhà Hiệu bộ 5 phòng)				199	199		Hoạt động sự nghiệp			
45	Tiểu học Lê Đình Chinh			5,015	1,511	1,511					
	1. Điểm chính, thôn 8	xã Đăk La	1	2,548			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1: Nhà hiệu bộ				200	200		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 2: Nhà học 08 phòng+ nhà bảo vệ				834	834		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn 9	xã Đăk La	1	1,553			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 3: Nhà học 04 phòng, thôn 9				223	223		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 4: Nhà học 02 phòng, thôn 9				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
	3.1. Điểm thôn, thôn 10A	xã Đăk La	1	470			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	3.2. Điểm thôn, thôn 10B	xã Đăk La	1	445			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 5: Nhà học 01 phòng, thôn 10				56	56		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 6: Nhà học 02 phòng, thôn 10				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
46	Tiểu học Trần Quốc Toàn			9,695	1,155	1,155					
	1. Điểm thôn, thôn Kon Braih, xã Ngọc Réo	thôn Kon Braih, xã Ngọc Réo	1	220			Sơ đồ vị trí nhà đất ngày 7/3/2017	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1, thôn Kon Braih nhà học 02 lớp, nhà gv				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn Đăk Phía, xã Ngọc Réo	thôn Đăk Phía, xã Ngọc Réo	1	216			Sơ đồ vị trí nhà đất ngày 7/3/2017	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 2, thôn Đăk Phía nhà học 02 lớp				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm thôn, thôn Kon Stiù, xã Ngọc Réo	thôn Kon Stiù, xã Ngọc Réo	1	1,438			Sơ đồ vị trí nhà đất ngày 7/3/2017	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 3, thôn Kon Stiù nhà học 02 lớp				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm chính, thôn Kon Rôn, xã Ngọc Réo	thôn Kon Rôn, xã Ngọc Réo	1	7,499			BP 540167, ngày 17/9/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 4, thôn Kon Rôn nhà học 02 lớp và nhà ở gv				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 5, nhà công vụ (nhà ở GV, nhà VS, nhà bếp)				128	128		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 6, nhà học 4 lớp + nhà làm việc 04 phòng				175	175		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 7, nhà làm việc + thư viện				87	87		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm thôn, thôn Kon Rôn, xã Ngọc Réo	thôn Kon Rôn, xã Ngọc Réo	1	322			CĐ 491471 ngày 08/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 8, thôn Kon Rôn - nhà học 04 lớp				296	296		Hoạt động sự nghiệp			
47	Tiểu học A Dừa			14,143	1,556	1,556					
	1. Điểm chính trường TH A Dừa, thôn 4, xã Ngok Wang	thôn 4, xã Ngok Wang	1	9,182			BP 540180, ngày 17/9/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo			
	+ Ngôi 1 (Nhà học 05 lớp + nhà học 03 lớp+ phòng làm việc, thư viện, nhà ở giáo viên + công + trụ cò) thôn 4				583	583		Hoạt động sự nghiệp			
										Giữ lại tiến	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngõ 2 (Nhà giáo viên, nhà vệ sinh, nhà bếp) thôn 4				128	128		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 3 (Nhà ở công vụ cho giáo viên 04 phòng)				159	159		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 (Nhà học 04 lớp) thôn 4				226	226		Hoạt động sự nghiệp			
	2. TH A Dừa, thôn 1, xã Ngọc Wang	thôn 1, xã Ngọc Wang	1	3,071			BP 540483, ngày 17/9/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 5 (Nhà học 02 lớp- nhà ở giáo viên)				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	3. TH A Dừa, thôn 2, xã Ngọc Wang	thôn 2, xã Ngọc Wang	1	791			BP 540262, ngày 17/9/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ 'Ngõ 6 (nhà học 02 lớp, nhà giáo viên, nhà vệ sinh)				162	162		Hoạt động sự nghiệp			
	4. TH A Dừa, thôn 3, xã Ngọc Wang	thôn 3, xã Ngọc Wang	1	1,100			BP 540179, ngày 17/9/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ 'Ngõ 7 (Nhà học 02 phòng, nhà vệ sinh) thôn3				162	162		Hoạt động sự nghiệp			
48	Tiểu học U Rê			5,964	709	709					
	1. Điểm chính, thôn 5, xã Ngọc Wang	thôn 5, xã Ngọc Wang	1	2,576			BP 540544 ngày 16/5/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (01 phòng học) thôn 5				57	57		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 (02 phòng học và 01 phòng công vụ) thôn 5				145	145		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3 (02 phòng học) thôn 5				117	117		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 (01 phòng học) thôn 5				66	66		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn 6, xã Ngọc Wang	thôn 6, xã Ngọc Wang	1	510			BP 540545 ngày 16/5/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 5 (03 phòng học) thôn 6				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm thôn, thôn 8, xã Ngọc Wang	thôn 8, xã Ngọc Wang	1	2,878			BP 540546 ngày 16/5/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 6 (03 phòng học) thôn 8				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 7 (01 phòng học) thôn 8				55	55		Hoạt động sự nghiệp			
49	Trường TH và THCS xã Đăk Ui (Tiểu học Lý Tự Trọng, Vừ A Dính, THCS xã Đăk Ui).			31,308	3,319	3,562					
	1. Điểm chính, thôn 1B, xã Đăk Ui (Lý Tự Trọng cũ)	thôn 1B, xã Đăk Ui	1	10,227			BP 540060 ngày 11/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (Nhà lớp học 5 phòng)				310	310		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 (Nhà lớp học 4 phòng)				236	236		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3 (Nhà ở giáo viên 6 phòng)				139	139		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm trường thôn, thôn 2 xã Đăk Ui (Lý Tự Trọng cũ)	thôn 2, xã Đăk Ui	1	371			BP 540061 ngày 11/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 4 (Điểm trường thôn 2,nhà học 2 phòng học)				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm trường thôn, thôn 4 xã Đăk Ui (Lý Tự Trọng cũ)	thôn 4, xã Đăk Ui	1	1,052			BP 540063 ngày 11/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngôi 5 (Điểm trường thôn 4, 4 phòng học)				229	229		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	tục sử dụng	
	4. Điểm trường thôn, thôn 5B, xã Đăk Uí (Lý Tư Trọng cũ)		1	756			BP 540062 ngày 11/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 6 (Điểm trường thôn 5, 2 phòng học và nhà giáo viên)				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm chính, thôn 8, xã Đăk Uí (Vừ A Dính cũ)	thôn 8, xã Đăk Uí	1	6,679			BP 540172 ngày 30/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 7 - Nhà làm việc 4 phòng				102	102		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 8- Nhà học số 1 - 5 phòng				220	220		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 9- Nhà học số 2 - 3 phòng				204	204		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 10 - Nhà học số - 4 phòng				206	206		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 11- Nhà công vụ				65	65		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm thôn, thôn 7, xã Đăk Uí (Vừ A Dính cũ)	thôn 7, xã Đăk Uí	1	1,566			BP 540173 ngày 30/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 12 - Điểm trường thôn 7, 4 phòng học				233	233		Hoạt động sự nghiệp			
	7. Trường THCS xã Đăk Uí cũ	xã Đăk Uí	1	10,658			PB 540528 24/4/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 13 - Nhà học 4 phòng				259	259		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 14 - Nhà học 2 tầng				243	486		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 15 - Nhà tập thể				227	227		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 16 - Nhà học 5 lớp				296	296		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 17 - TT học tập cộng đồng , nhà 01 lớp học				117	117		Hoạt động sự nghiệp			
50	Tiểu học Lê Hồng Phong			4,600	972	972					
	1. Điểm thôn, thôn Kon Hơ Drê, xã Ngok Réo	thôn Kon Hơ Drê, xã Ngok Réo	1	981			CD 491472 ngày 08/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1 - thôn Hơ Drê (Nhà học 02 lớp và nhà ở giáo viên)				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn Kon Krok, xã Ngok Réo	thôn Kon Krok, xã Ngok Réo	1	404			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 2 - thôn Kon Koc				66	66		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Thôn Kon Bành							Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 3 - thôn Kon Bành				104	104		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm thôn, thôn Kon Bành, xã Ngok Réo	thôn Kon Bành, xã Ngok Réo	1	884			BP 540066 ngày 11/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 4 - thôn Kon Bơ Bành				70	70		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm phụ thôn Kon Jong, xã Ngok Réo	thôn Kon Jong, xã Ngok Réo	1	490			BP 540065 ngày 11/7/2013	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 5 - thôn Kon Jong 02 lớp				140	140		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm chính, thôn Kon Jong, xã Ngok Réo	thôn Kon Jong, xã Ngok Réo	1	1,841			BP 540065 ngày 11/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngôi 6- thôn Kon Jong 04 phòng ở				130	130		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 7- 2 phòng học - Thôn Kon Jong				76	76		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 8- 4 phòng học - Thôn Kon Jong				175	175		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 9- 3 phòng học và làm việc - Thôn Kon Jong				76	76		Hoạt động sự nghiệp			
51	Tiểu học xã Đăk Long			20,904	1,831	1,831					
	1. Điểm chính, thôn Pa Cheng, xã Đăk Long	thôn Pa Cheng, xã Đăk Long	1	13,871			CL 961980 ngày 10/01/2018	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1- Nhà 3 phòng học				186	186		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 2- Nhà 4 phòng học				248	248		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 3- Nhà 2 phòng học				121	121		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn Tua Tem, xã Đăk Long	thôn Tua Tem, xã Đăk Long	1	2,289			BP 540026, ngày 12/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 4 -Nhà học 2 phòng				117	117		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 5- Nhà học 2 phòng				108	108		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 6- Nhà học 1 phòng				60	60		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 7 - Nhà vệ sinh				11	11		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm thôn, thôn Đăk Kơ Ne, xã Đăk Long	thôn Đăk Kơ Ne, xã Đăk Long	1	1,872			CĐ 491740 ngày 21/11/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 8- Nhà học 2 phòng				134	134		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 9 - Nhà học 1 phòng				55	55		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 10- Nhà học 2 phòng				123	123		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm thôn, thôn Kon Teo, xã Đăk Long	thôn Kon Teo, xã Đăk Long	1	721			CĐ 491762 ngày 21/11/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 11 - Nhà học 4 phòng				259	259		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 12 - Nhà học 1 phòng				55	55		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 13 - Nhà vệ sinh				11	11		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm thôn, thôn Đăk Lấp, xã Đăk Long	thôn Đăk Lấp, xã Đăk Long	1	304			CĐ 491764 ngày 21/11/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 14 - 1 phòng				58	58		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm thôn, thôn Kon Dao Yốp, xã Đăk Long	thôn Kon Dao Yốp, xã Đăk Long	1	1,847			BP 540027 ngày 12/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 15- Nhà học 2 phòng				113	113		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi thứ 16 - Nhà học 2 phòng				108	108		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 17 - Nhà học 1 phòng				55	55		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 18 - nhà vệ sinh				11	11		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
52	Tiểu học Kim Đồng			9,960	1,400	2,180					
	Trường Tiểu học Kim Đồng	Thị trấn Đắk Hà	1	9,960			BX 734456 ngày 04/9/2015	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 -Nhà học 10 phòng				349	697		Hoạt động sự nghiệp			
	+Ngõ 2 - Nhà 10 phòng học				314	627		Hoạt động sự nghiệp			
	+Ngõ 3 - Hội trường đa năng				476	476		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 - Nhà Hiệu bộ				118	236		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 5 -Nhà 2 phòng học				126	126		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 6 - Nhà bảo vệ				18	18		Hoạt động sự nghiệp			
53	Tiểu học Lê Văn Tám			10,824	1,406	1,406					
	1. Điểm chính - Đường U Rê- TDP 2, thị trấn Đắk Hà	TDP 2, thị trấn Đắk Hà	1	8,273			BP 540177 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (Nhà vệ sinh)				11	11		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 (gồm 2 dãy và mỗi dãy 05 phòng học)				583	583		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3 (Nhà thư viện)				148	148		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 (Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng)				350	350		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn Long Loi (Nhà học 02 lớp, phòng GV)	thôn Long Loi	1	1,301			BP 540178 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 5 (Nhà học 02 lớp + Nhà ở giáo viên)				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm thôn, thôn Long Loi (Nhà học 03 lớp, phòng ở GV)	thôn Long Loi	1	1,250			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 6 (Nhà học 3 lớp +Nhà ở giáo viên)				179	179		Hoạt động sự nghiệp			
54	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi			12,428	1,180	1,180					
	1. Điểm chính, thôn 1A, xã Đắk La	thôn 1A, xã Đắk La	1	9,823			BP 540570 ngày 16/5/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Ngõ 1: Dãy phòng học 6 phòng				438	438		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn 4, xã Đắk La	thôn 4, xã Đắk La	1	257			BP 540567 ngày 16/5/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 2: Dãy phòng học 8 phòng				223	223		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm thôn, thôn 5, xã Đắk La	thôn 5, xã Đắk La	1	288			BP 540566 ngày 16/5/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 3: Nhà Hiệu bộ				222	222		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm thôn, thôn 1B, xã Đắk La	thôn 1B, xã Đắk La	1	795			BP 540569 ngày 16/5/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 4: Phòng học thôn 1B (2 phòng)				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
	5. Điểm thôn, thôn 3, xã Đắk La	thôn 3, xã Đắk La	1	744			BP 540568 ngày 16/5/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 5: Phòng học thôn 3 (02 phòng)				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm thôn, thôn 6, xã Đắk La	thôn 6, xã Đắk La	1	521			BP 540565 ngày 16/5/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngôi 6: Phòng học thôn 6				99	99		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	tục sử dụng	
55	Trường TH và THCS xã Hà Môn (Tiểu học Nguyễn Viết Xuân cũ)			20,215	2,219	2,855					
	1. Điểm chính, thôn Quyết Thắng, xã Hà Môn	thôn Quyết Thắng, xã Hà Môn	1	6,450			BP 540064 ngày 12/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngôi 1 - Nhà hiệu bộ, hội trường, nhà vệ sinh lớp học trường chính thôn Quyết thắng				230	230		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 2- Nhà học 6 phòng điểm trường chính thôn Quyết thắng				400	400		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 3 - Nhà lớp học 02 tầng (08 lớp học) thôn Quyết thắng				325	640		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm trường, thôn 5, xã Hà Môn	thôn 5, xã Hà Môn	1	765			BP 540171 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngôi 4 - Nhà lớp học 04 phòng thôn 5				181	181		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 5 - Nhà lớp học 01 phòng thôn 5				51	51		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 6 - Nhà vệ sinh				26	26		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Trường THCS xã Hà Môn	xã Hà Môn	1	13,000			BN 379987 ngày 31/5/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 7- Nhà Hiệu bộ				204	204		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 8 - Nhà học 8 phòng				320	640		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 9 - Nhà chức năng 4 phòng				355	355		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 10 - Nhà ở công vụ				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 11 - Nhà bếp				18	18		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 12 - Nhà nhà vệ sinh				11	11		Hoạt động sự nghiệp			
56	Tiểu học Kơ Pa Kơ Long			13,138	921	921					
	Trường Tiểu học Kơ Pa Kơ Long	xã Đắk Mar	1	13,138			BP 540579 ngày 26/06/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Ngôi 1- Nhà học 4 phòng				225	225		Hoạt động sự nghiệp			
	- Ngôi 2 - Nhà Hiệu bộ, khu vệ sinh				200	200		Hoạt động sự nghiệp			
	-Ngôi 3- Nhà 5 phòng học				280	280		Hoạt động sự nghiệp			
	-Ngôi 4 - Nhà 3 phòng học + phòng thí nghiệm				216	216		Hoạt động sự nghiệp			
57	Tiểu học Nguyễn Văn Cừ			8,593	1,316	1,316					
	1. Điểm chính, thôn 6, xã Đắk Pxi	thôn 6, xã Đắk Pxi	1	8,180			CD 491431 ngày 08/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1 - thôn 6 (Dãy nhà làm việc)				198	198		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 2 thôn 6 (Dãy nhà tầng 06 phòng học)				406	406		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 3 thôn 6 (Dãy 04 phòng học)				229	229		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 4 thôn 6 (Điểm chính 02 phòng học)				103	103		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngôi 5 - thôn 6 (Nhà công vụ 04 phòng)				130	130		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 6 - thôn 6 (Nhà công vụ 05 phòng)				116	116		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn 4, xã Đăk Pxi	thôn 4, xã Đăk Pxi	1	413			CĐ 491432 ngày 08/7/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 7 - thôn 4 (Nhà học 2 lớp và nhà ở giáo viên)				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
58	Tiểu học Phan Đình Giót			13,068	1,344	1,553					
	1. Điểm chính, thôn 1, xã Đăk Hring	thôn 1, xã Đăk Hring	1	3,296			BP 540024 ngày 12/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1 - Nhà lớp học 3 phòng				175	175		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 2 - Nhà lớp học 2 phòng				104	104		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm trường thôn 3, xã Đăk Hring	thôn 3, xã Đăk Hring	1	552			BP 540025 ngày 12/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 3 - Nhà lớp học 2 phòng				136	136		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 4 - Nhà lớp học 1 phòng				55	55		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm chính, thôn 12, xã Đăk Hring	thôn 12, xã Đăk Hring	1	9,219			BP 540028 ngày 12/7/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 5 - Nhà lớp học 2 thằng 6 phòng				226	435		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 6 - Nhà hiệu bộ				200	200		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 7 - Nhà lớp học 2 phòng				141	141		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 8 - Nhà lớp học 2 phòng				108	108		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	4 Ngôi 9- Bể bơi				199	199		Hoạt động sự nghiệp			
59	Tiểu học Võ Thị Sáu			8,579	1,633	1,633					
	1. Điểm chính, thôn 3, xã Đăk Mar	thôn 3, xã Đăk Mar	1	6,676			BP 540181 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà học 1 - 3 phòng				127	127		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Nhà học 2 - 6 phòng				350	350		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Nhà học 3 -10 phòng				550	550		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Nhà học 4 - 3 phòng				135	135		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Nhà học 5 - nhà đa năng				185	185		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Nhà 6- nhà vệ sinh				15	15		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn Kon KLốc, xã Đăk Mar	thôn Kon KLốc, xã Đăk Mar	1	1,904			BP 540182 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà học 7- 2 phòng				94	94		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Nhà học 8-2 phòng				117	117		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Nhà học 9 : 1 phòng				60	60		Hoạt động sự nghiệp			
60	Tiểu học Bế Văn Đàn			13,799	2,112	2,388					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	1. Điểm chính, thôn 11, xã Đăk Hring	thôn 11, xã Đăk Hring	1	6,405			BP 540360 ngày 17/01/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 -Nhà Hiệu bộ				200	200		Hoạt động sự nghiệp			
	+Ngõ 2- Nhà học 8 phòng				276	552		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3- Nhà học 7 phòng (điểm chính thôn 11 có 5 phòng, thôn 9B 2 phòng)				257	257		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 - Nhà học 3 phòng				176	176		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 5 - Nhà 2 phòng				101	101		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 6 - Nhà ở giáo viên 5 phòng, nhà vệ sinh				124	124		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 7 - Nhà vệ sinh số 1 nhà vệ sinh học sinh				28	28		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 8 - Nhà vệ sinh số 2				33	33		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Điểm thôn, thôn 13, xã Đăk Hring	thôn 13, xã Đăk Hring	1	2,129			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 9 - Nhà học 1 phòng				53	53		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 10- Nhà học 2 lớp				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 11- Nhà học 2 phòng				138	138		Hoạt động sự nghiệp			
	3. Điểm thôn, thôn 7, xã Đăk Hring	thôn 7, xã Đăk Hring	1	1,478			BP 540258 ngày 11/11/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 12 - Nhà lớp học 1 phòng				54	54		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 13- Nhà lớp học 3 phòng				108	108		Hoạt động sự nghiệp			
	4. Điểm thôn, thôn 6, xã Đăk Hring Ngõ 14	thôn 6, xã Đăk Hring	1	877	99	99	BP 540354 ngày 06/12/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	5. Điểm thôn, thôn 9A, xã Đăk Hring	thôn 9A, xã Đăk Hring	1	1,156			BX 734023 ngày 18/3/2015	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 15- Nhà học 1 phòng				54	54		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 16- Nhà lớp học 2 phòng				99	99		Hoạt động sự nghiệp			
	6. Điểm thôn, thôn 9B, xã Đăk Hring	thôn 9B, xã Đăk Hring	1	1,755			BP 540259 ngày 11/11/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 17 -Nhàlớp học 2 phòng				110	110		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 18- Nhà lớp học 2 phòng				103	103		Hoạt động sự nghiệp			
*	Bậc Trung học cơ sở (10 đơn vị)		12	122,563	13,297	17,587					
61	Trường Trung học cơ sở A Ninh			11,309	884	884					
	Trường THCS A Ninh	xã Đăk Mar	1	11,309			BP 540578 ngày 27/6/2014	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 - Nhà Hiệu bộ				155	155		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 - Nhà học 4 phòng				225	225		Hoạt động sự nghiệp			
	+Ngõ 3 - Nhà học 4 phòng				216	216		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngõ 4 - Nhà học 3 phòng				159	159		Hoạt động sự nghiệp			
	+Ngõ 5 - Nhà vệ sinh				129	129		Hoạt động sự nghiệp			
62	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An			19,812	2,073	3,950					
	1. Trường THCS Chu Văn An	Thị trấn Đăk Hà	1	18,546			BP 540260, ngày 11/11/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 (Dãy phòng học 3 tầng)				721	2,064		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2 (Nhà hiệu bộ 2 tầng)				260	518		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3 (Nhà thư viện, chức năng 2 tầng)				316	591		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4 (Nhà công vụ 1)				124	124		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 5 (Nhà công vụ 2)				97	97		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 6 (Nhà vệ sinh học sinh)				64	64		Hoạt động sự nghiệp			
	+Ngõ 7 Bể bơi				245	245		Hoạt động sự nghiệp			
	2. Đất thư viện huyện Đăk Hà	Thị trấn Đăk Hà	1	1,266				Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 8 Nhà Thư viện				235	235		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 9 Khu vệ sinh thư viện				12	12		Hoạt động sự nghiệp			
63	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành			7,283	1,656	1,656					
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	Thị trấn Đăk Hà	1	7,283			Sơ đồ trích đo vị trí xây dựng trường năm 2009 của Phòng Tài Nguyên và Môi trường	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Nhà học 1- 18 phòng học				1,623	1,623		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Nhà trực				9	9		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Nhà vệ sinh				24	24		Hoạt động sự nghiệp			
64	Trường Trung học cơ sở xã Đăk La			21,341	1,619	2,735					
	Trường THCS xã Đăk La	xã Đăk La	1	17,658			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngõ 1 -Nhà học 8 phòng				247	494		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2- Nhà Hiệu bộ				193	193		Hoạt động sự nghiệp			
	Điểm trường thôn 9, xã Đăk La	xã Đăk La	1	3,683			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo			
	+ Ngõ 1- Nhà học 10 phòng				869	1,737		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 2- Nhà Hiệu bộ				200	200		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 3- phòng bộ môn				92	92		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngõ 4- Nhà bếp				19	19		Hoạt động sự nghiệp			
65	Trường PTDTBT THCS Đăk Pxi			19,689	2,059	2,059					
	Trường PTDTBT THCS Đăk Pxi	xã Đăk Pxi	1	19,689			CD 491537 ngày 09/8/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Ngôi - Nhà Hiệu bộ, nhà ăn,nhà bếp				386	386		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngôi 2 - Nhà học 8 phòngvà các hạng mục khác				580	580		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 3 - Nhà học 8 phòng xây dựng 2004				616	616		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 4 - Nhà công vụ 3 phòng				97	97		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 5- Nhà ở giáo viên, nhà ở học sinh, nhà vệ sinh				380	380		Hoạt động sự nghiệp			
66	Trường THSC Nguyễn Huệ			9,427	1,243	2,204					
	Trường THCS Nguyễn Huệ	xã Đăk Mar	1	9,427			BX 734399 ngày 21/8/2015	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngôi 1 - Nhà Hiệu bộ				322	322		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 2 - Nhà học 2 tầng 9 phòng				387	774		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 3 - Nhà học 2 tầng 6 phòng (2009)				256	552		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 4 - Nhà học 2 tầng 6 phòng				278	556		Hoạt động sự nghiệp			
67	Trường PTDTBT THSC xã Đăk Long			12,198	369	706					
	Trường PTDTBT THCS xã Đăk Long	xã Đăk Long	1	12,198			Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QĐ số 452/QĐ-UBND ngày 29/5/2017; Quyết định 1807/UBND-NNTN ngày 11/7/2017)	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1-Nhà lớp học 8 phòng và các hạng mục phụ trợ khác				337	674		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 2-Nhà vệ sinh				31	31		Hoạt động sự nghiệp			
68	Trường PTDTBT THSC xã Ngọc Réo			4,632	771	771					
	Trường PTDTBT THCS xã Ngọc Réo	xã Ngọc Réo	1	4,632			BP540168 ngày 11/10/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	'+ Ngôi 1- Nhà học 5 phòng				310	310		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 2 - Nhà làm việc				109	109		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 3- Nhà học 4 phòng				260	260		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 4- Nhà công vụ 2 phòng				65	65		Hoạt động sự nghiệp			
	+ Ngôi 5- Nhà vệ sinh				27	27		Hoạt động sự nghiệp			
69	Trường THSC xã Ngọc Wang			12,489	678	678					
	Trường THCS xã Ngọc Wang	xã Ngọc Wang	1	12,489			BP 540261 ngày 11/11/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	+ Ngôi 1 - Nhà học 6 phòng thôn 4				540	540		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Ngôi 2 -Nhà công vụ				138	138		Hoạt động sự nghiệp			
70	Trường THSC xã Đăk Hring			4,384	1,945	1,945					
	Trường THCS xã Đăk Hring	xã Đăk Hring	1	4,384			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp	
	'+ Nhà1- Nhà ở GV, nhà vệ sinh, giếng nước, nhà bếp				227	227		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Nhà 2- Nhag hiệu bộ				226	226		Hoạt động sự nghiệp			

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	+ Nhà 3 - Nhà học 8 lớp				616	616		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	tục sử dụng	
	'+ Nhà 4 - Nhà ở nội trú				78	78		Hoạt động sự nghiệp			
	'+ Nhà 5 - Nhà học 8 lớp				798	798		Hoạt động sự nghiệp			
	Tổng cộng	0	238	830,670	89,849	102,700					
IV	Huyện Tu Mơ Rông		167	347,756	56,342	70,559					
*	Khối Quản lý Nhà nước			63,216	8,477	14,311					
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện			9,730	1,462	3,003					
Đất khuôn viên				9,730							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	6,269			Chưa có giấy CNQSDĐ, TB giới thiệu địa điểm đất số 47/TB-UBND, ngày 17/7/2006 của UBND huyện	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất Hội trường chung		1	3,461			Chưa có giấy CNQSDĐ, đo thực tế			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,462	3,003					
1	Nhà làm việc cấp 3				491	1,964	QĐ số 31/QĐ-UBND, ngày 06/2/2007 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà trực bảo vệ				185	185		Hội trường chung	Hội trường chung	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe ô tô				79	79				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Hội trường chung				707	775	Đo thực tế			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch			2,668	321	570					
Đất khuôn viên				2,668							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	2,668			Giấy CNQSDĐ CU392058	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					321	570					
1	Nhà làm việc cấp 4				249	498	QĐ số 1085/QĐ-UBND, ngày 29/9/2010 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ				72	72	Đo thực tế	Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Phòng Nông nghiệp và PTNT			2,099	325	519					
Đất khuôn viên				2,099							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Mô Pá, xã Đăk Hà	1	2,099			Chưa có giấy CNQSDĐ, QĐ giao đất số 1329/QĐ-UBND, ngày 12/12/2011 của UBND tỉnh	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					325	519					
1	Nhà làm việc cấp 4				195	389	QĐ số 1087/QĐ-UBND, ngày 20/9/2010 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ				130	130	Đo thực tế	Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo			2,772	515	777					
Đất khuôn viên				2,772							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Mô Pá, xã Đăk Hà	1	2,772			GCNQSDĐ BP540627	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					515	777					
1	Nhà làm việc cấp 4				262	525	Đo thực tế	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà để xe				80	80	QĐ số 755/QĐ-UBND, ngày 25/7/2014 của UBND huyện	Nhà để xe	Nhà để xe	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà vệ sinh				16	16		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà công vụ				156	156		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Phòng Lao động thương binh và xã hội (Phòng Văn hóa Thông tin cũ)			2,000	425	744					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
Đất khuôn viên				2,000							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Mô Pá, xã Đăk Hà	1	2,000			Chưa có giấy CNQSDĐ, QĐ giao đất số 38/QĐ-UBND, ngày 11/1/2012 của UBND tỉnh			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					425	744					
1	Nhà làm việc				320	639	QĐ số 1086/QĐ-UBND, ngày 20/9/2010 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ				105	105	QĐ số 1228/QĐ-UBND, ngày 13/11/2011 của UBND huyện	Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Phòng Dân tộc			1,200	227	377					
Đất khuôn viên				1,200							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	1,200			Chưa có giấy CNQSDĐ, QĐ giao đất số 406/QĐ-UBND, ngày 7/6/2013 của UBND huyện			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					227	377					
1	Nhà làm việc				150	299	QĐ số 1412a/QĐ-UBND, ngày 20/10/2011 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà kho				78	78	QĐ số 840a/QĐ-UBND, ngày 9/10/2019 của UBND huyện	Nhà kho	Nhà kho	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			4,600	406	812					
Đất khuôn viên				4,600							
1	Đất XD quảng trường	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	4,600			TB số 50/TB-UBND, ngày 8/7/2009	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					406	812	Đo thực tế				
1	Nhà Rông				406	812		Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	UBND xã Đăk Rơ Ông			3,522	387	652					
Đất khuôn viên				3,522							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Măng Lờ, xã Đăk Rơ Ông	1	3,522			Giấy CNQSDĐ CD491322	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					387	652					
1	Trụ sở làm việc				265	530	QĐ số 428/QĐ-QĐ-UBND, ngày 11/4/2011 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà dân quân				70	70		Nhà dân quân	Nhà dân quân	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe				43	43		Nhà để xe	Nhà để xe	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà vệ sinh				9	9		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	UBND xã Đăk Tơ Kan			6,159	733	766					
Đất khuôn viên				6,159							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Kon Hnông, xã Đăk Tơ Kan	1	6,159			Giấy CNQSDĐ CD491322	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					733	766					
1	Trụ sở làm việc				366	400	QĐ số 23/QĐ-QĐ-UBND, ngày 04/1/2006 của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Nhà làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Hội trường, nhà bếp, kho				306	306		Hội trường, nhà bếp, kho	Hội trường chung	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà vệ sinh				15	15		Nhà vệ sinh			
4	Nhà để xe				45	45		Nhà để xe	Hội trường chung	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	UBND xã Đăk Na			3,352	391	639					
Đất khuôn viên				3,352							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Đăk Riệp 2, xã Đăk Na	1	3,352			Giấy CNQSDĐ CD491401	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					391	639				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Trụ sở làm việc cấp 3				249	498		Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
2	Trụ sở làm việc đội dân quân				70	70	QĐ số 465/QĐ-QĐ-UBND, ngày 14/5/2010 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe				62	62		Nhà để xe	Nhà để xe	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà vệ sinh				9	9		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	UBND xã Đắk Sao			2,483	393	681					
Đất khuôn viên				2,483							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Kach Lớn 2, xã Đắk Sao	1	2,483			Giấy CNQSDĐ BX734423	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					393	681	Do thực tế				
1	Nhà làm việc				288	576		Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà vệ sinh				6	6		Hội trường chung	Hội trường chung	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà công vụ				98	98		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	UBND xã Đắk Hà			1,731	441	687					
Đất khuôn viên				1,731							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Mô Pá, xã Đắk Hà	1	1,731			Giấy CNQSDĐ CD491320	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					441	687					
1	Trụ sở làm việc				236	483	QĐ số 188/QĐ-UBND, ngày 19/4/2007 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trụ sở khối đoàn thể, CA xã đội				70	70				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà đoàn thể VH-XH				82	82		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà vệ sinh				9	9		Công trình phụ	Công trình phụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà để xe				43	43				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	UBND xã Tu Mơ Rông			4,828	731	970					
Đất khuôn viên				4,828							
1	Cơ sở đất 1	Thôn Tu Mơ Rông, xã Tu Mơ Rông	1	3,965			Giấy CNQSDĐ CD491377	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Cơ sở đất 2	Thôn Tu Mơ Rông, xã Tu Mơ Rông	1	862			Giấy CNQSDĐ BP540745			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					731	970					
1	Trụ sở làm việc				239	479	QĐ số 874/QĐ-UBND, ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà vệ sinh				21	21		Hội trường chung	Hội trường chung	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe				52	52		Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà làm việc				418	418				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	UBND xã Văn Xuôi			3,091	368	608					
Đất khuôn viên				3,091							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Ba Khen, xã Văn Xuôi	1	3,091			Chưa có giấy CNQSDĐ, QĐ giao đất số 141/QĐ-UBND, ngày 5/2/2016	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					368	608					
1	Trụ sở làm việc cấp 3				239	479		Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
2	Nhà làm việc công an, xã đội				65	65	QĐ số 1047/QĐ-UBND, ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh	Nhà làm việc công an, xã đội	Nhà làm việc công an, xã đội	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà vệ sinh				21	21		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà để xe				43	43		Nhà để xe	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	UBND xã Ngọc Yêu			3,140	312	552					
Đất khuôn viên				3,140							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Ba Tu 2, xã Ngọc Yêu	1	3,140			Giấy CNQSDĐ CD491397	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					312	552					
1	Trụ sở làm việc cấp 3				239	479	QĐ số 875/QĐ-UBND, ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà vệ sinh				21	21		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe				52	52		Nhà để xe	Nhà để xe	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	UBND xã Măng Ri			4,249	381	620					
Đất khuôn viên				4,249							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Ba Khen, xã Măng Ry	1	4,249			Giấy CNQSDĐ CD491618	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					381	620					
1	Trụ sở làm việc cấp 3				239	479	QĐ số 466/QĐ-UBND, ngày 14/5/2010 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà trực dân quân				70	70		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà vệ sinh				9	9				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe				62	62		Nhà để xe	Nhà để xe	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	UBND xã Tê Xăng			2,968	312	552					
Đất khuôn viên				2,968							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Tân Ba, xã Tê Xăng	1	2,968			Chưa có giấy CNQSDĐ, QĐ giao đất số 185/QĐ-UBND, ngày 2/3/2016	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					312	552					
1	Trụ sở làm việc				239	479	Đo thực tế	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà vệ sinh				21	21		Hội trường chung	Hội trường chung	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe				52	52		Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	UBND xã Ngọc Lây			2,624	349	783					
Đất khuôn viên				2,624			Giấy CNQSDĐ CT066730	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Đăk Kinh 1A, xã Ngọc Lây	1	2,624							
Nhà					349	783					
1	Trụ sở làm việc				227	466	QĐ số 186/QĐ-UBND, ngày 19/4/2007 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà trực dân quân				70	265		Nhà trực dân quân	Nhà trực dân quân	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe				43	43		Nhà để xe	Nhà để xe	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà vệ sinh				9	9				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Khôi các tổ chức chính trị, Đoàn thể			23,674	2,188	4,465					
19	Văn Phòng Huyện ủy			7,881	1,157	2,648					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
Đất khuôn viên				7,881							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	5,878			Chưa có giấy CNQSDĐ, TB giới thiệu địa điểm đất số 44/TB-UBND, ngày 17/7/2006 của UBND huyện	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất XD nhà lưu trú	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	2,003			Chưa có giấy CNQSDĐ, đo thực tế	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,157	2,648					
1	Trụ sở làm việc				431	1,294	QĐ số 82/QĐ-UBND, ngày 29/1/2007 của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà trực bảo vệ				20	20		Nhà trực bảo vệ	Nhà trực bảo vệ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà để xe				79	79		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà kho lưu trữ				270	540	QĐ số 814/QĐ-UBND, ngày 29/8/2012 UBND huyện	Nhà trực bảo vệ	Nhà trực bảo vệ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà làm lưu trú				358	715	QĐ số 187/QĐ-UBND, ngày 24/4/2009 của UBND huyện	Nhà làm lưu trú	Nhà làm lưu trú	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
20	Ủy ban MTTQ huyện			3,724	465	923					
Đất khuôn viên				3,724							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	3,724			Chưa có giấy CNQSDĐ, TB số 49/TB-UBND, ngày 17/7/2006 của UBND huyện	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					465	923					
1	Trụ sở làm việc				229	686	QĐ số 81/QĐ-UBND, ngày 29/1/2007 UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà làm việc				140	140		Nhà làm việc	Nhà làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe				72	72		Nhà để xe	Nhà để xe	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà trực bảo vệ				25	25		Nhà trực bảo vệ	Nhà trực bảo vệ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện			12,069	566	895					
Đất khuôn viên				12,069							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Mô Pá, xã Đăk Hà	1	12,069			Chưa có giấy CNQSDĐ, QĐ số 387/QĐ-UBND, ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					566	895					
1	Trụ sở làm việc				329	659	QĐ số 873/QĐ-UBND, ngày 31/10/2013 UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà nội trú				236	236				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Khối sự nghiệp, sự nghiệp giáo dục			260,866	45,677	51,782					
*	Khối hành chính sự nghiệp			38,714	660	873					
22	Trung tâm VH-TT-DL&TT (Đài truyền thanh truyền hình huyện cũ)			13,566	660	873					
Đất khuôn viên				13,566							
1	Đất XD trụ sở làm việc ĐTTTH huyện	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	4,527			GCN QSD đất CD491323	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất XD trạm TT-TH xã Tu Mơ Rông	Thôn Tu Cấp, xã Tu Mơ Rông	1	959			GCN QSD đất BX734024			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất XD trạm TT-TH xã Tê Xăng	Thôn Đăk Viên, xã Tê Xăng	1	3,000			GCN QSD đất 057310			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất XD trạm TT-TH xã Đăk Sao	Thôn Năng Lớn 3, xã Đăk Sao	1	1,600			GCN QSD đất 057363			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất XD trạm TT-TH xã Đăk Na	Thôn Kon Chai, xã Đăk Na	1	1,600			GCN QSD đất 057374			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất XD trụ sở	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	1,880			QĐ số 36/QĐ-UBND, ngày 7/1/2010			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					660	873					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
1	Trụ sở làm việc ĐTTTH huyện				213	425	QĐ số 89/QĐ-UBND, ngày 23/1/2009 của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc chính	Trụ sở làm việc chính	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà để xe				25	25		Nhà để xe	Nhà để xe	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trạm TT-TH xã Tu Mơ Rông				120	120	GCN QSD đất BX734024	Trạm TT-TH	Trạm TT-TH	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trạm TT-TH xã Tê Xăng				57	57	GCN QSD đất 057310			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trạm TT-TH xã Đăk Sao				54	54	GCN QSD đất 057363			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trạm TT-TH xã Đăk Na				69	69	GCN QSD đất 057374			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà làm việc				123	123	QĐ số 36/QĐ-UBND, ngày 23/1/2009 của UBND tỉnh	Nhà làm việc	Nhà làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
23	Trung tâm GDNN-GDTX huyện			20,449	1,411	1,636					
Đất khuôn viên				20,449							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Mô Pá, xã Đăk Hà	1	20,449			Chưa có giấy CNQSDĐ, QĐ giao đất số 160/QĐ- UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,411	1,636					
1	Trụ sở làm việc				225	450	QĐ số 1028/QĐ-UBND, ngày 31/10/2012 của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 4 phòng				310	310		Nhà học 4 phòng	Nhà học 4 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà thực hành				371	371		Nhà thực hành	Nhà thực hành	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà ký túc xá				384	384		Nhà ký túc xá	Nhà ký túc xá	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà bếp				121	121		Nhà bếp	Nhà bếp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành lập mới (Trạm khuyến nông huyện cũ)			1,200	198	500					
Đất khuôn viên											
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	1,200			Chưa có giấy CNQSDĐ, QĐ giao đất số 160/QĐ- UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					198	500					
1	Trụ sở làm việc				94	187	QĐ số 540/QĐ-UBND, ngày 26/6/2012 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà kho				84	253				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà để xe				20	60				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng (Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình huyện - tỉnh Kon Tum)			1,200	161	321					
Đất khuôn viên											
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	1,200			Chưa có giấy CNQSDĐ, QĐ số 51/QĐ-UBND, ngày 22/1/2008của UBND tỉnh	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					161	321					
1	Trụ sở làm việc				94	187	QĐ số 51/QĐ-UBND, ngày 22/1/2008của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà để xe				67	134		Nhà để xe	Nhà để xe	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
26	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị thành lập mới (Trạm thú ý huyện cũ)			2,299	158	158					
Đất khuôn viên				2,299							
1	Đất trụ sở làm việc	Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	1	2,299			Chưa có giấy CNQSDĐ, CV giới thiệu địa điểm đất số 74/UBND, ngày 29/3/2007 của UBND huyện	Đất XD trụ sở	Đất XD trụ sở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
Nhà					158	158					
1	Trụ sở làm việc				142	142	QĐ số 1338/QĐ-UBND, ngày 30/11/2007 của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà để xe				17	17					
*	Khởi sự nghiệp giáo dục và Đào tạo			222,152	43,247	48,452					
*	BÁC MAM NON			50,172	13,470	13,470					
27	Trường Mầm non xã Đắk Na			4,541	1,598	1,598					
Đất khuôn viên				4,541							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Hà Lãng 2	1	450			GCN QSD đất BP540711	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Đắk Rế 2	1	442			GCN QSD đất BP491427			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Đắk Riếp 1	1	115			GCN QSD đất BP540652			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Đắk Riếp 2	1	224			GCN QSD đất BP540653			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Mô Pánh 1	1	197			GCN QSD đất BP540654			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đất cơ sở 06	Thôn Mô Pánh 2	1	500			GCN QSD đất 540651			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Đất cơ sở 07	Thôn Kon Chai	1	783			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Đất cơ sở 08	Thôn Lê Văng	1	748			GCN QSD đất ĐĐ491426			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Đất cơ sở 09	Thôn Ba Ham	1	553			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Đất cơ sở 10	Thôn Đắk Rê 1	1	530			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,598	1,598	Đo thực tế				
1	Nhà học 3 phòng gồm 1 phòng ở, 2 phòng làm việc thôn Hà Lãng 2				124	124		Nhà học 3 phòng gồm 1 phòng ở, 2 phòng làm việc	Nhà học 3 phòng gồm 1 phòng ở, 2 phòng làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 3 phòng gồm 1 phòng học, 1 phòng làm việc, 1 phòng bếp thôn Hà Lãng 2				293	293		Nhà học 3 phòng gồm 1 phòng học, 1 phòng làm việc, 1 phòng bếp	Nhà học 3 phòng gồm 1 phòng học, 1 phòng làm việc, 1 phòng bếp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà vệ sinh 1 phòng, Thôn Hà Lãng 2				12	12		Nhà vệ sinh 1 phòng	Nhà vệ sinh 1 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học, 01 phòng bếp thôn Đắk Rê 2				179	179		Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học, 01 phòng bếp	Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học, 01 phòng bếp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 1 phòng, thôn Đắk Riếp 1				89	89		Nhà học 1 phòng,	Nhà học 1 phòng,	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà học 1 phòng, thôn Đắk Riếp 2				88	88		Nhà học 1 phòng,	Nhà học 1 phòng,	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà học 02 phòng, gồm 01 phòng học, 01 phòng ở thôn Mô Pánh 1				96	96		Nhà học 02 phòng, gồm 01 phòng học, 01 phòng ở	Nhà học 02 phòng, gồm 01 phòng học, 01 phòng ở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà học 2 phòng thôn Mô pánh 2				176	176		Nhà học 2 phòng	Nhà học 2 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà vệ sinh 01 phòng thôn Mô Pánh 2				33	33		Nhà vệ sinh 01 phòng	Nhà vệ sinh 01 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
10	Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học, 01 phòng bếp thôn Kon Chai				176	176		Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học, 01 phòng bếp	Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học, 01 phòng bếp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà học 1 phòng học, thôn Lê Văng				87,91	87,91		Nhà học 1 phòng học	Nhà học 1 phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học 01 phòng bếp thôn Ba Ham				175	175		Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học 01 phòng bếp	Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học 01 phòng bếp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học, 01 nhà bếp thôn Đăk Rê 1				157	157		Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học, 01 nhà bếp	Nhà học 02 phòng gồm 01 phòng học, 01 nhà bếp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
28	Trường Mầm Non xã Đăk Sao			4,736	1,562	1,562					
Đất khuôn viên				4,736							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Kạch Nhỏ	1	509			GCN QSD đất BP540590	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Kạch Lớn 1	1	252			GCN QSD đất BP540593			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Năng Lớn 3	1	261			GCN QSD đất BP540592			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Năng Lớn 2	1	477			GCN QSD đất CD491408			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Kon Cung	1	253			GCN QSD đất CD491409			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đất cơ sở 06	Thôn Năng Nhỏ 1	1	154			GCN QSD đất CD491410			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đất cơ sở 07	Thôn Năng Nhỏ 1	1	130			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Đất cơ sở 08	Thôn Kach Lớn 2	1	2,000			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Đất cơ sở 09	Thôn Đăk Giá	1	300			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Đất cơ sở 10	Thôn Năng Nhỏ 2	1	400			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,562	1,562	Đo thực tế				
1	Nhà học 02 phòng, Thôn Kạch Nhỏ				117	117		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 02 phòng, Thôn Kạch Lớn 1				81	81				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 01 phòng, Thôn Năng Lớn 3				66	66				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 02 phòng, Thôn Năng Lớn 2				102	102				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 02 phòng, Thôn Kon Cung				90	90				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà học 02 phòng, Thôn Năng Nhỏ 1				117	117				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà học 02 phòng, Thôn Năng Nhỏ 1				100	100				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà hiệu bộ, Thôn Kach Lớn 2				155	155		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà công vụ, Thôn Kach Lớn 2				155	155		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà học 04 phòng, Thôn Kach Lớn 2				310	310		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
11	Nhà ăn học sinh, Thôn Kach Lớn 2				50	50		Nhà ăn học sinh	Nhà ăn học sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà học 01 phòng, Thôn Đăk Giá				117	117		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Nhà học 02 phòng, Thôn Năng Nhỏ 2				101	101				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
29	Trường Mầm non xã Đăk Rơ Ông			6,971	1,263	1,263					
Đất khuôn viên				6,971							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Mô Pành	1	860			GCN QSD đất BP540713	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Măng Lờ	1	4,490			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Ngọc Năng 2	1	200			GCN QSD đất CD491407			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Ngọc Năng 1	1	267			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn La giong	1	208			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đất cơ sở 06	Thôn Đăk Plò	1	437			GCN QSD đất BP540714			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Đất cơ sở 07	Thôn Kon Hia 1	1	101			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Đất cơ sở 08	Thôn Kon Hia 2	1	162			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Đất cơ sở 09	Thôn Kon Hia 3	1	247			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,263	1,263	Đo thực tế				
1	Nhà học 02 phòng, thôn Mô Pành				350	350		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ 04 phòng, thôn Mô Pành				154	154		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 02 phòng, thôn Măng Lờ				169	169		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 01 phòng, thôn Ngọc Năng 2				62	62				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 01 phòng, thôn Ngọc Năng 1				58	58				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà học 01 phòng, thôn La Giong				76	76				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà học 01 phòng, thôn Kon Hia 1				62	62				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà học 01 phòng, thôn Kon Hia 2				62	62				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà học 01 phòng, thôn Kon Hia 3				62	62				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà học 03 phòng, thôn Đăk Plò				209	209				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
30	Trường Mầm non xã Đăk Tờ Kan			3,196	494	494					
Khuôn viên đất				3,196							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Đăk P Rông	1	1,787			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Đăk Nông	1	757			GCN QSD đất CD491460			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Đăk HNăng	1	361			GCN QSD đất CD491424			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Tê Xô Trong	1	291			GCN QSD đất CD491425			Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
Nhà					494	494	Đo thực tế				
1	Nhà học 2 phòng, Thôn Đăk Prông				90	90		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ 3 phòng, Thôn Đăk Prông				156	156		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 3 phòng, thôn Đăk Nông				105	105		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 2 phòng, thôn Đăk H Năng				98	98				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 1 phòng, thôn Tê Xô Trong				45	45				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
31	Trường Mầm Non xã Đăk Hà			5,325	2,153	2,153					
Đất khuôn viên				5,325							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Mô Pá	1	1,391			GCN QSD đất BP540632	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Mô Pá	1	600			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Kon Pia	1	551			GCN QSD đất BP540631			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Kon Pia	1	604			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Kon Linh	1	270			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đất cơ sở 06	Thôn Đăk Pờ Trang	1	215			GCN QSD đất BP540633			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Đất cơ sở 07	Thôn Ty Tu	1	410			GCN QSD đất CD491367			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Đất cơ sở 08	Thôn Tu Mơ Rông (Kon Tùn)	1	440			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Đất cơ sở 09	Thôn Ngọc Leng	1	340			GCN QSD đất CD491368			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Đất cơ sở 10	Thôn Ngọc Leng	1	504			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					2,153	2,153	Đo thực tế				
1	Nhà hiệu bộ, thôn Mô Pá				90	90		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ, thôn Mô Pá				65	65		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 4 phòng dãy A, thôn Mô Pá				264	264		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 2 phòng dãy B, thôn Mô Pá				264	264				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Bếp ăn, thôn Mô Pá				81	81		Bếp	Bếp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Phòng kho, thôn Mô Pá				60	60		Phòng kho	Phòng kho	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà học 2 phòng số 3, thôn Kon Pia				186	186		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà học 2 phòng số 3, thôn Kon Pia				209	209				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà học 1 phòng số 4 thôn Kon Linh				150	150				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà học 1 phòng số 5 thôn Đăk Pờ Trang				76	76				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà học 2 phòng số 6, thôn Ty Tu				172	172				Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
12	Nhà học 2 phòng số 7, thôn Tu Mơ Rông (Kon Tum)				108	108				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Nhà học 2 phòng số 8, thôn Ngọc Leng				260	260				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Nhà học 1 phòng số 8, thôn Ngọc Leng				168	168				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
32	Trường Mầm non xã Tu Mơ Rông			6,337	1,994	1,994					
Đất khuôn viên				6,337							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Tu Mơ Rông	1	1,289			GCN QSD đất BP540624	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Tu Mơ Rông	1	422			GCN QSD đất CD491406			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Tu Cấp	1	2,409			GCN QSD đất BP540625			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Đăk Ka	1	250			GCN QSD đất BP540626			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Đăk Chum I	1	395			GCN QSD đất BP540626			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đất cơ sở 06	Thôn Đăk Chum II	1	354			GCN QSD đất BP540626			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Đất cơ sở 07	Thôn Văn Song	1	480			GCN QSD đất BP540626			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Đất cơ sở 08	Thôn Long Leo	1	360			GCN QSD đất BP540626			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Đất cơ sở 09	Thôn Đăk Neang	1	379			GCN QSD đất BP540626			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,994	1,994	Đo thực tế				
1	Nhà học 3 phòng, thôn Tu Mơ Rông (điểm trường trung tâm)				176	176		Nhà học 3 phòng,	Nhà học 3 phòng,	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ, thôn Tu Mơ Rông				195	195		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà vệ sinh 04 phòng, thôn Tu Mơ Rông				31	31		Nhà vệ sinh 04 phòng	Nhà vệ sinh 04 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 3 phòng, thôn Tu Mơ Rông				170	170		Nhà học 3 phòng	Nhà học 3 phòng	Không SD	
5	Nhà học 8 phòng, thôn Tu Cấp				758	758		Nhà học 8 phòng	Nhà học 8 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà vệ sinh 02 phòng, thôn Tu Cấp				14	14		Nhà vệ sinh 02 phòng	Nhà vệ sinh 02 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà học 01 phòng, thôn Đăk Ka				50	50		Nhà học 01 phòng	Nhà học 01 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà ở 01 phòng, thôn Đăk Ka				23	23		Nhà ở 01 phòng	Nhà ở 01 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà học 03 phòng, thôn Đăk Neang				114	114		Nhà học 03 phòng	Nhà học 03 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà học 02 phòng, thôn Đăk Chum I				77	77		Nhà học 02 phòng	Nhà học 02 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà vệ sinh 01 phòng, thôn Đăk Chum I				12	12		Nhà vệ sinh 01 phòng	Nhà vệ sinh 01 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà học 02 phòng, thôn Đăk Chum II				78	78		Nhà học 02 phòng	Nhà học 02 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Nhà vệ sinh 01 phòng, thôn Đăk Chum II				12	12		Nhà vệ sinh 01 phòng	Nhà vệ sinh 01 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Nhà học 03 phòng, thôn Văn Săng				117	117		Nhà học 03 phòng	Nhà học 03 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Nhà học 02 phòng, thôn Long Leo				169	169		Nhà học 02 phòng	Nhà học 02 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
16	Nhà học 3 phòng, thôn Đăk Neang				113,52	113,52		Nhà học 3 phòng	Nhà học 3 phòng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
33	Trường Mầm Non xã Văn Xuôi			4,382	857	857					
Đất khuôn viên				4,382							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Đăk Văn Linh	1	975			GCN QSD đất BP540638	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Đăk Văn 2	1	450			GCN QSD đất BP540637			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Đăk Văn 1	1	553			GCN QSD đất BP540636			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Ba Khen	1	1,592			GCN QSD đất BP540635			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Long Tro	1	812			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					857	857	Đo thực tế				
1	Nhà học 1 phòng, thôn Đăk Văn Linh				67	67		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 2 phòng, Thôn Đăk Văn 2				111	111		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 1 phòng, Thôn Đăk Văn 1				67	67		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 3 phòng, Thôn Ba Khen				192	192		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà hiệu bộ , Thôn Ba Khen				170	170				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà công vụ, Thôn Ba Khen				112	112				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà vệ sinh, Thôn Ba Khen				20	20				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà học 2 phòng, Thôn Long Tro				119	119		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
34	Trường Mầm Non xã Ngọc Yêu			3,960	975	975					
Đất khuôn viên				3,960							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Ba Tu 2	1	3,000			GCN QSD đất BP540615	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Ba Tu I	1	300			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Long Láy 2	1	360			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 05	Thôn Tam Rin	1	300			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					975	975	Đo thực tế				
1	Nhà học 2 phòng, Thôn Ba Tu II				545	545		Phòng học + nhà làm việc	Phòng học + nhà làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 2 phòng, Thôn Ba Tu I				50	50		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà vệ sinh thôn Ba Tu I				10	10		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 2 phòng , thôn Long Láy 2				245	245		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 2 phòng, Thôn Tam Rin				125	125				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
35	Trường Mầm non xã Ngọc Láy			3,227	1,059	1,059					
Đất khuôn viên				3,227							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Đăk Kinh	1	1,597			GCN QSD đất CD491384			Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
2	Đất cơ sở 02	Thôn Đăk Kinh	1	209			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Lộc Bông	1	295			GCN QSD đất CD491396			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Mô Za	1	104			GCN QSD đất CD491395			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Kô Xia	1	397			GCN QSD đất CD491394			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đất cơ sở 06	Thôn Đăk Pré		231			GCN QSD đất CD491383			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Đất cơ sở 07	Thôn Măng Rương	1	394			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,059	1,059	Đo thực tế				
1	Nhà học 2 phòng thôn Đăk Kinh				175	175		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 1 phòng, phòng bếp, phòng vệ sinh thôn Đăk Kinh				144	144				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà công vụ 2 phòng thôn Đăk Kinh				67	67		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà hiệu bộ 5 phòng thôn Đăk Kinh				206	206		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 02 phòng, Thôn Lộc Bông				115	115		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà học 02 phòng, Thôn Kô Xia 2				51	51				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà học 01 phòng, Thôn Mô Za				49	49				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà học 02 phòng, Thôn Đăk Pré				108	108				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà học 02 phòng thôn Măng Rương				144	144				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
36	Trường Mầm non xã Tê Xăng			5,209	804	804					
Đất khuôn viên				5,209							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Đăk Sông	1	1,029			GCN QSD đất CD491382	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Tu Thỏ Trong (Điểm Tu Thỏ A)	1	1,132			GCN QSD đất CD491381			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Tu Thỏ (Điểm Tu Thỏ B)	1	249			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Tu Thỏ ngoài	1	1,622			GCN QSD đất CD540644			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Tân Ba	1	573			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đất cơ sở 06	Thôn Đăk Viên	1	605			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					804	804	Đo thực tế				
1	Nhà học 03 phòng, nhà công vụ 2 phòng thôn Đăk Sông				431	431		Phòng học, nhà công vụ	Phòng học, nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 01 phòng, thôn Tu Thỏ trong(Điểm trường Tu Thỏ A)				67	67		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 01 phòng, thôn Tu Thỏ (Điểm trường Tu Thỏ B)				169	169				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 01 phòng, Thôn Tân Ba				79	79				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà học 01 phòng, thôn Đăk Viên				57	57				Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
37	Trường Mầm non xã Măng Ri			2,289	711	711					
Đất khuôn viên				2,289							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Ngọc La	1	1,002			GCN QSD đất CD540641	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Chum Tam	1	550			GCN QSD đất CD491403			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Pu Tá	1	463			GCN QSD đất CD491402			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Đăk Đơn	1	274			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					711	711	Đo thực tế				
1	Nhà học 4 phòng, thôn Ngọc La				300	300		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 1 phòng, Thôn Ngọc La				108	108				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà công vụ 3 phòng, Thôn Chum Tam				110	110		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 1 phòng, Thôn Pu Tá				108	108		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 3 phòng, Thôn Đăk Đơn				85	85				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	BẠC TIỂU HỌC			100,585	17,971	19,060					
38	Trường PTDTBT tiểu học Xã Đăk Na			13,284	1,516	2,170					
Đất khuôn viên				13,284							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Hà Lãng	1	8,300			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Lê Văng	1	506			GCN QSD đất CD540649			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Đăk Riệp I	1	1,500			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Đăk Rê I	1	2,582			GCN QSD đất BP540650			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Đăk Rê II	1	396			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,516	2,170	Đo thực tế				
1	Nhà hiệu, Thôn Hà Lãng				174	174		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ 04, Thôn Hà Lãng				160	160		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 13 phòng, Thôn Hà Lãng				654	1,308		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 2 phòng, Thôn Lê Văng				110	110				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà công vụ 04 phòng, Thôn Đăk Riệp I				72	72				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà học 3 phòng, Thôn Đăk Riệp I				128	128				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà học 4 phòng, Thôn Đăk Rê I				126	126				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà học 1 phòng, Thôn Đăk Rê II				92	92				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
39	Trường PTDTBT tiểu học xã Đăk Sao			9,717	2,106	2,106					
Đất khuôn viên				9,717							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Khách Nhỏ	1	3,997			GCN QSD đất CD540589			Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
2	Đất cơ sở 06	Thôn Kạch Lớn 2 (Điểm Trường Trung Tâm)	1	4,089			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 02	Thôn Kạch Lớn 2	1	302			GCN QSD đất BP540587			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 03	Thôn Năng Nhò 1	1	544			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 04	Thôn Đăk Giá	1	785			GCN QSD đất BP540588			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					2,106	2,106	Đo thực tế				
1	Nhà học 12 phòng, Thôn Kạch Nhỏ				565	565		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ 04 phòng, Thôn Kạch Nhỏ				72	72		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà hiệu bộ, Thôn Kạch Lớn 2				251	251		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 03 phòng, Thôn Kạch Lớn 2				164	164		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 03 phòng, Thôn Kạch Lớn 2				179	179				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà ăn học sinh, Thôn Kạch Lớn 2				220	220		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà công vụ 04 phòng, Thôn Kạch Lớn 2				135	135		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà học 2 phòng, Thôn Kạch Lớn 2				198	198		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà học 02 phòng, Thôn Năng Nhò 1				198	198		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà học 02 phòng, Thôn Đăk Giá				125	125				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
40	Trường tiểu học Xã Đăk Rơ Ông			15,956	2,474	2,474					
Đất khuôn viên				15,956							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Ngọc Năng 2	1	10,300			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Ngọc Năng 1	1	1,006			GCN QSD đất BP540712			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Kon Hia 1	1	1,524			GCN QSD đất CD491413			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Kon Hia 2	1	744			GCN QSD đất CD491411			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Kon Hia 3	1	678			GCN QSD đất CD491412			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đất cơ sở 06	Thôn Đăp Plò	1	1,704			GCN QSD đất CD491414			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					2,474	2,474	Đo thực tế				
1	- Nhà học A 2 phòng, Thôn Ngọc Năng 2				136	136				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	- Nhà học B 4 phòng, Thôn Ngọc Năng 2				215	215				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học C 4 phòng, Thôn Ngọc Năng 2				274	274				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học D 2 phòng, Thôn Ngọc Năng 2				165	165				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học đa năng, Thôn Ngọc Năng 2				222	222				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà công vụ 5 phòng, Thôn Ngọc Năng 2				154	154				Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
7	Nhà Hiệu bộ, Thôn Ngọc Năng 2				179	179		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà vệ sinh dây A, Thôn Ngọc Năng 2				65	65				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà vệ sinh dây B, Thôn Ngọc Năng 2				37	37				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà vệ sinh dây C, Thôn Ngọc Năng 2				16	16				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà học 02 phòng + 01 phòng GV, Thôn Ngọc Năng 1				170	170				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà vệ sinh, Thôn Ngọc Năng 1				22	22				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Nhà học 03 phòng +01 phòng GV, Thôn Kon Hia 1				212	212				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Nhà vệ sinh, Thôn Kon Hia 1				18	18				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Nhà học 03 phòng, Thôn Kon Hia 2				197	197				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Nhà học 02 phòng +01 phòng GV, Thôn Kon Hia 3				162	162				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Nhà vệ sinh, Thôn Kon Hia 3				21	21				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Nhà học 03 phòng, Thôn Đăk Plò				199	199				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19	Nhà vệ sinh, Thôn Đăk Plò				13	13				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
41	Trường Tiểu học xã Đăk Tô Kan			3,756	1,657	1,657					
Đất khuôn viên				3,756							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Đăk Prông	1	4083,5			GCN QSD đất BP540647	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Kon HNông	1	1,004			GCN QSD đất BP540715			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Đăk Nông	1	538			GCN QSD đất CD491429			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Tê Xô Ngoài	1	1,619			GCN QSD đất CD491430			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Tê Xô Trong	1	596			GCN QSD đất CD491428			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,657	1,657	Đo thực tế				
1	Nhà học 17 phòng, Thôn Đăk Prông				995	995		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ 4 phòng, Thôn Đăk Prông				137	137		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 3 phòng, Kon HNông				152	152		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà học 3 phòng, Đăk Nông				125	125		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà học 3 phòng, Tê Xô Ngoài				125	125				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà học 3 phòng, Tê Xô Trong				125	125				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
42	Trường Tiểu học xã Đăk Hà			10,658	2,344	2,344					
Đất khuôn viên				10,658							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Mô Pá	1	4,494			GCN QSD đất 057370			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Ngọc Leang	1	1,180			GCN QSD đất CD491359			Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
3	Đất cơ sở 03	Thôn Ty Tu	1	3,930			GCN QSD đất CD491361	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Kon Pia	1	884			GCN QSD đất BP540630			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Đất cơ sở 05	Thôn Đăk Hà	1	170			GCN QSD đất CD491360			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					2,344	2,344	Đo thực tế				
1	Nhà làm việc 05 phòng dãy số 1	Thôn Mô Pá			157	157		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà lớp học 03 phòng dãy số 2	Thôn Mô Pá			215	215				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà lớp học 04 phòng dãy số 3	Thôn Mô Pá			269	269				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà lớp học 02 phòng dãy số 4	Thôn Mô Pá			142	142				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà vệ sinh 02 phòng dãy số 5	Thôn Mô Pá			5	5		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà đa năng 01 phòng dãy số 6	Thôn Mô Pá			84	84		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà hiệu bộ 04 phòng dãy số 7	Thôn Mô Pá			197	197		Phòng làm việc	Phòng làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà công vụ 06 phòng dãy số 8	Thôn Mô Pá			207	207		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà học 2 phòng dãy số 9	Thôn Mô Pá			147	147		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà vệ sinh 02 phòng dãy số 10	Thôn Mô Pá			39	39		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà vệ sinh 04 phòng dãy số 11	Thôn Mô Pá			26	26				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà lớp học 03 phòng	Thôn Đăk Hà			156	156		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Nhà vệ sinh 02 phòng	Thôn Đăk Hà			13	13		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Nhà lớp học 03 phòng dãy số 1	Thôn Ty Tu			169	169		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Nhà vệ sinh 02 phòng dãy số 2	Thôn Ty Tu			21	21		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Nhà lớp học 02 phòng dãy số 3	Thôn Ty Tu			145	145		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Nhà vệ sinh 01 phòng dãy số 4	Thôn Ty Tu			11	11		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Nhà lớp học 03 phòng	Thôn Ngọc Leang			136	136		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19	Nhà vệ sinh 02 phòng	Thôn Ngọc Leang			10	10		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
20	Nhà lớp học 04 phòng	Thôn Kon Pia			186	186		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	NHà vệ sinh 2 phòng	Thôn Kon Pia			10	10		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
43	Trường tiểu học xã Tu Mơ Rông			6,287	661	895					
Đất khuôn viên				6,287							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Tu Mơ Rông	1	3,490			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Tu Mơ Rông	1	2,311			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Đăk Neng	1	485			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sản sử dụng nhà					
Nhà					661	895	Đo thực tế				
1	Nhà 2 tầng, học 5 phòng, 02 phòng hiệu bộ, 01 nhà vệ sinh	Thôn Tu Mơ Rông			383	617		Đất XD trường học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 4 phòng, 01 nhà vệ sinh	Thôn Tu Mơ Rông			149	149				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 5 phòng, 01 phòng công vụ, 01 nhà vệ sinh	Thôn Đăk Neng			129	129				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
44	Trường PTDTBT TH-THCS Văn Xuôi (Trường PTDT bán trú Tiểu học xã Văn Xuôi cũ do sát nhập trường)			6,600	985	985					
Đất khuôn viên				6,600							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Ba Khen	1	5,440			GCN QSD đất BP540634	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 03	Thôn Đăk Văn Linh	1	1,160			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					985	985	Đo thực tế				
1	Nhà công vụ 04 phòng, điểm trường, Thôn Ba Khen				94	94		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 9 phòng, Thôn Ba Khen				764	764		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 3 phòng, Thôn Đăk Văn Linh				127	127				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
45	Trường PTDT bán trú Tiểu học xã Ngọc Yêu			9,041	1,414	1,414					
Đất khuôn viên				9,041							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Ba Tu 2	1	6,752			GCN QSD đất BP540611	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Ngọc Đo	1	662			GCN QSD đất CD491406			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Long Láy 2	1	1,628			GCN QSD đất BP540614			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,414	1,414	Đo thực tế				
1	Nhà học 15 phòng, Thôn Ba Tu 2				980	980		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ 04 phòng, Thôn Ba Tu 2				120	120		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 3 phòng, Thôn Ngọc Đo				125	125		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 2 phòng, Thôn long Láy				189	189				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
46	Trường PTDT bán trú Tiểu học xã Ngọc Lây			12,162	2,420	2,621					
Đất khuôn viên				12,162							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Tu Pung	1	10,429			GCN QSD đất BP540628	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Đăk Kinh 1A	1	1,340			GCN QSD đất CD491421			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Măng Rương	1	394			GCN QSD đất CD491422			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					2,420	2,621	Đo thực tế				
1	Nhà học 6 phòng 2 tầng, Thôn Tu Pung				202	403		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 05 phòng, Thôn Tu Pung				665	665				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà công vụ 03 phòng, Thôn Tu Pung				393	393		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
4	Nhà học 07 phòng, Thôn Tu Pung				931	931		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 03 phòng, Thôn Đăk Kinh 1A				114	114				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà học 03 phòng, Thôn Măng Rưng				114	114				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
47	Trường PTDTBT tiểu học xã Tê Xăng			5,892	1,010	1,010					
Đất khuôn viên				5,892							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Đăk Sông	1	1,650			Số vào sổ GCN CT01139	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Đăk Viên	1	1,814			Số vào sổ GCN CT02196			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Tu Thỏ Trong (bia đỏ cấp Thôn Tân Ba)	1	573			Số vào sổ GCN CT02197			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Đất cơ sở 04	Thôn Tu Thỏ Ngoài	1	1,856			Số vào sổ GCN CT02198			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,010	1,010	Đo thực tế				
1	Nhà hiệu bộ 01, Thôn Đăk Sông				63	63		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà hiệu bộ 02, Thôn Đăk Sông				65	65		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà công vụ 04 phòng, Thôn Đăk Sông				132	132		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 04 phòng, Thôn Đăk Sông				245	245		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà vệ sinh giáo viên, thôn Đăk Sông				9	9		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà vệ sinh học sinh, thôn Đăk Sông				24	24		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà học 03 phòng, Thôn Đăk Viên				152	152		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà học 03 phòng, Thôn Thu Thỏ Trong (bia đỏ cấp thôn Tân Ba)				187	187				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà học 03 phòng, Thôn Tu Thỏ Ngoài				133	133				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
48	Trường PTDTBT TH-THCS Măng Ri (Trường PTDT bán trú Tiểu học xã Măng Ri cũ do sát nhập trường)			7,233	1,383	1,383					
Đất khuôn viên				7,233							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Long Hy 1	1	4,786			GCN QSD đất BP540640	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Đất cơ sở 02	Thôn Long Hy 2	1	1,603			GCN QSD đất CD491365			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đất cơ sở 03	Thôn Long Láy	1	844			GCN QSD đất CD491366			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,383	1,383	Đo thực tế				
1	Nhà học 3 phòng Long Hy 1				163	163		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 5 phòng gồm: 3 phòng học, 1 phong làm việc, 1 phòng ở Thôn Long Hy 1				276	276		Nhà học 5 phòng gồm: 3 phòng học, 1 phong làm việc, 1 phòng ở	Nhà học 5 phòng gồm: 3 phòng học, 1 phong làm việc, 1 phòng ở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 5 phòng, Thôn Long Hy 1				295	295		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
4	Nhà ở 5 phòng	Long Hy 1			123	123		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Phòng thư viên 2 phòng	Long Hy 1			82	82		Phòng thư viên	Phòng thư viên	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Phòng y tế 2 phòng	Long Hy 1			65	65		Phòng y tế	Phòng y tế	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà vệ sinh 2 phòng	Long Hy 1			37	37		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà vệ sinh 4 phòng	Long Hy 1			23	23		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà học 02 phòng,	Thôn Long Hy 2			128	128		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà công vụ 3 phòng,	Thôn Long Láy			192	192		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
III	BẠC TRUNG HỌC CƠ SỞ				71,396	11,806	15,921				
49	Trường PTDTBT THCS Đắk Na				6,397	905	1,139				
Đất khuôn viên					6,397						
1	Đất cơ sở 01	Thôn Hà Lãng II	1	6,397			GCN QSD đất BP540640	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					905	1,139	Đo thực tế				
1	Nhà học 4 phòng học cấp 4 ở Thôn Hà lãng II				190	190		Nhà học 4 phòng học cấp 4	Nhà học 4 phòng học cấp 5	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 2 tầng 6 phòng gồm 4 phòng học, 1 phòng thư viện. 1 phòng làm việc ở Thôn Hà lãng II				234	468		Nhà học 2 tầng 6 phòng gồm 4 phòng học, 1 phòng thư viện. 1 phòng làm việc ở	Nhà học 2 tầng 6 phòng gồm 4 phòng học, 1 phòng thư viện. 1 phòng làm việc ở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà công vụ 4 phòng thôn Hà lãng II				155	155		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà công vụ 4 phòng thôn Hà lãng II				140	140				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà ở bán trú 1 phòng Thôn Hà Lãng II				160	160		Nhà ở bán trú	Nhà ở bán trú	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà vệ sinh 2 phòng Thôn Hà Lãng II				26	26		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
50	Trường PTDTBT THCS xã Đắk Sao				5,417	1,098	1,494				
Đất khuôn viên					5,417						
1	Đất cơ sở 01	Thôn Kạch Lớn	1	5,417			GCN QSD đất BP540586	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,098	1,494	Đo thực tế				
1	Nhà hiệu bộ, Thôn Kạch Lớn				240	240		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ 04 phòng, Thôn Kạch Lớn				168	168		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 04 phòng, Thôn Kạch Lớn				294	294		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 08 phòng (2 tầng), Thôn Kạch Lớn				396	792				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
51	Trường THCS xã Đắk Rơ Ông				3,960	768	1,053				
Đất khuôn viên					3,960						
1	Đất cơ sở 01	Thôn Măng Lở	1	3,960			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					768	1,053	Đo thực tế				
1	Nhà học 2 tầng, Thôn Măng Lở				284	569				Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
2	Nhà học 2 phòng dãy A, Măng Lỡ				40	40		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 4 phòng dãy B, Thôn Măng Lỡ				173	173				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 4 phòng dãy C, Thôn Măng Lỡ				120	120				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà hiệu bộ, Thôn Măng Lỡ				15	15		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà công vụ dãy A, Thôn Măng Lỡ				67	67		Nhà công vụ A	Nhà công vụ A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà công vụ dãy B, Thôn Măng Lỡ				45	45		Nhà công vụ B	Nhà công vụ B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà vệ sinh học sinh				16	16		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà vệ sinh giáo viên				8	8				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
52	Trường Trung học cơ sở xã Đăk Tô Kan			2,671	720	945					
Đất khuôn viên				2,671							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Đăk Nông	1	2,671			GCN QSD đất BP540645	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					720	945	Đo thực tế				
1	Nhà học 06 phòng 2 tầng, Thôn Đăk Nông				225	450		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 04 phòng, Thôn Đăk Nông				267	267				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà hiệu bộ, Thôn Đăk Nông				135	135		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà công vụ, Thôn Đăk Nông				94	94		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
53	Trường THCS BT PTDT huyện Tu Mơ Rông (Trường Trung học cơ sở Đăk Hà cũ sát nhập)			5,386	730	939					
Đất khuôn viên				5,386							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Mô Pá	1	5,386			GCN QSD đất CD 491362	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					730	939	Đo thực tế				
1	Nhà công vụ 3 phòng, Thôn Mô Pá				79	79		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 04 phòng dãy A, Thôn Mô Pá				221	221				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 04 phòng dãy B, Thôn Mô Pá				221	221				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 6 phòng 2 tầng, Thôn Mô Pá				209	418				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
54	Trường PTDTBT THCS xã Tu Mơ Rông			8,288	727	945					
Đất khuôn viên				8,288							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Tu Mơ Rông	1	8,288			GCN QSD đất BP540620	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					727	945	Đo thực tế				
1	Nhà hiệu bộ, Thôn Tu Mơ Rông				87	87		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ số 1, Thôn Tu Mơ Rông				97	97		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà công vụ số 2, Thôn Tu Mơ Rông				150	150				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 03 phòng 01 tầng, Thôn Tu Mơ Rông				176	176		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
5	Nhà học 6 phòng 02 tầng, Thôn Tu Mơ Rông				217	435		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
55	Trường THCS BT PTDT huyện Tu Mơ Rông			22,828	2,799	3,807					
Đất khuôn viên				22,828							
1	Đất cơ sở 01	Thôn Mô Pá	1				GCN QSD đất BP540629	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					2,799	3,807	Đo thực tế				
1	Nhà hiệu bộ, Thôn Mô Pá				392	784		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 06 phòng dãy A, Thôn Mô Pá				308	616				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 06 phòng dãy B, Thôn Mô Pá				308	616				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà học 02 phòng dãy C, Thôn Mô Pá				160	160				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà công vụ 04 phòng, dãy A, Thôn Mô Pá				160	160		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà công vụ 04 phòng dãy B, Thôn Mô Pá				160	160				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà ở Bán trú học sinh 08 phòng khu A, Thôn Mô Pá				243	243		Nhà bán trú HS	Nhà bán trú HS	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà ở Bán trú học sinh 09 phòng khu B, Thôn Mô Pá				288	288				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà ở Bán trú học sinh 08 phòng khu C, Thôn Mô Pá				243	243				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà ăn học sinh, Thôn Mô Pá				176	176		Nhà ăn BT	Nhà ăn BT	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà bếp học sinh, Thôn Mô Pá				153	153		Nhà bếp BT	Nhà bếp BT	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà bảo vệ				10	10		Nhà bảo vệ	Nhà bảo vệ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Khu vệ sinh học sinh khu A				66	66		Nhà vệ sinh BT	Nhà vệ sinh BT	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Khu vệ sinh học sinh khu B				66	66				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Khu vệ sinh học sinh khu C				66	66				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
56	Trường PTDTBT TH-THCS Văn Xuôi (Trường PTDT bán trú THCS xã Văn Xuôi cũ do sát nhập trường)			3,847	678	887					
Đất khuôn viên										Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Đất cơ sở 01	Thôn Ba Khen	1	3,847			GCN QSD đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học		
Nhà					678	887	Đo thực tế			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	- Nhà học 6 phòng 02 tầng, Thôn Ba Khen				209	418		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	- Nhà học 4 phòng, Thôn Ba Khen				212	212				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	- Nhà hiệu bộ 3 phòng, Thôn Ba Khen				107	107		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	- Nhà công vụ 4 phòng, Thôn Ba Khen				150	150		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
57	Trường PTDT bán trú THCS xã Ngọk			6,479	964	1,429					

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
Đất khuôn viên				6,479				Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Đất cơ sở 01	Thôn Ba Tu 2	1				GCN QSD đất BP540594				
Nhà					964	1,429	Đo thực tế				
1	Nhà hiệu bộ 02 tầng, Thôn Ba Tu 2				240	480		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 6 phòng 02 tầng, Thôn Ba Tu 2				225	450		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 4 phòng, Thôn Ba Tu 2				184	184		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà ở 4 phòng				141	141		Nhà ở	Nhà ở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà bếp				152	152		Nhà bếp	Nhà bếp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà vệ sinh				22	22		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
58	Trường PTDT BT THCS xã Tê Xăng			3,875	1,234	1,802					
Đất khuôn viên				3,875						Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Đất cơ sở 01	Thôn Đăk Sông	1	3,875			Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trường học	Đất XD trường học		
Nhà					1,234	1,802	Đo thực tế			Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Nhà hiệu bộ 2 tầng, Thôn Đăk Sông				240	480		Nhà hiệu bộ	Nhà hiệu bộ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà công vụ dãy A, Thôn Đăk Sông				70	70		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà công vụ dãy B, Thôn Đăk Sông				116	116				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà công vụ dãy C, Thôn Đăk Sông				25	25				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà học 02 tầng, Thôn Đăk Sông				329	657		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà bán trú khu A, Thôn Đăk Sông				198	198		Nhà bán trú HS	Nhà bán trú HS	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà bán trú khu B, Thôn Đăk Sông				162	162				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà vệ sinh 1				39	39		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà vệ sinh 2				14	14				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà vệ sinh 3				28	28				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà bảo vệ				12	12		Nhà bảo vệ	Nhà bảo vệ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
59	Trường PTDT BT Trung học cơ sở xã Măng Ri			4,207	1,162	1,467					
Đất khuôn viên				4,207							
1	Đất cơ sở 01		1	4,207			GCN QSD đất BP540639	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					1,162	1,467	Đo thực tế				
1	Nhà 5 phòng gồm: 01 phòng hiệu bộ, 2 phong làm việc, 2 phòng ở Thôn Ngọc La				140	445		Nhà 5 phòng gồm: 01 phòng hiệu bộ, 2 phong làm việc, 2 phòng ở	Nhà 5 phòng gồm: 01 phòng hiệu bộ, 2 phong làm việc, 2 phòng ở	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
2	Nhà 4 phòng , Thôn Ngọc La				351	351		Nhà làm việc	Nhà làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà học 6 phòng (02) tầng, Thôn Ngọc La				305	305		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà công vụ 4 phòng, Thôn Ngọc La				184	184		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà ở bán trú 2 phòng Thôn Ngọc La				147	147		Nhà ở bán trú	Nhà ở bán trú	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà vệ sinh 2 phòng				35	35		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
60	Trường PTDT bán trú THCS xã Ngọc			4,438	927	1,155					
Đất khuôn viên											
1	Đất cơ sở 01	Thôn Kô Xia	1	4,438			GCN QSD đất CD491405	Đất XD trường học	Đất XD trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Nhà					927	1,155	Đo thực tế				
1	Nhà học 06 phòng 2 tầng, Thôn Kô Xia				228	456		Phòng học	Phòng học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà học 04 phòng, Thôn Kô Xia				204	204				Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà công vụ 04 phòng, Thôn Kô Xia				207	207		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà bếp, nhà ăn học sinh				180	180		Nhà bếp, nhà ăn học sinh	Nhà bếp, nhà ăn học sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà công vụ 02 phòng				86	86		Nhà công vụ	Nhà công vụ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà vệ sinh				22	22		Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
Tổng cộng			334	347,756	56,342	70,559					
V	Huyện Đắk Tô		131	591,926	66,616	70,088					
*	Khối Quản lý Nhà nước										
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	217 Lê Duẩn, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô	1	11,872	2,012	3,269	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Khối 3, thị trấn Đắk Tô	1	315	123	492	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Đường Hùng Vương, Khối 5, thị trấn Đắk Tô	1	519	176	352	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Khối 3, thị trấn Đắk Tô	1	710	180	540	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Khối 8, thị trấn Đắk Tô	1	1,500	362	551	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Phòng Văn hóa Thông tin	Khối 3, thị trấn Đắk Tô	1	642	300	300	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Tô	Khối 5, thị trấn Đắk Tô	1	2,112	975	975	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Ủy ban nhân dân xã Tân Cảnh										
8.1	- Đất XD trụ sở làm việc	Thôn 2, xã Tân Cảnh	1	10,000	880	880	Các đơn vị xác định diện tích đất trên cơ sở bản đồ địa chính chính quy	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.2	- Khuôn viên đất trường MN Vành Khuyên	Thôn 1, xã Tân Cảnh	1	2,805	349	349	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Ủy ban nhân dân xã Văn Lem	Thôn Tê Hơ Ô, xã Văn Lem	1	4,775	738	738	Các đơn vị xác định diện tích đất trên cơ sở bản đồ địa chính chính quy	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
10	Ủy ban nhân dân xã Đăk Trăm	Thôn Đăk Trăm, xã Đăk Trăm	1	7,963	710	710	Các đơn vị xác định diện tích đất trên cơ sở bản đồ địa chính chính quy	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Ủy ban nhân dân xã Kon Đào	Thôn 6, xã Kon Đào	1	8,717	593	1,187	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tụ	Thôn Đăk Nu, xã Ngọc Tụ									
	- Đất XD trụ sở làm việc	Thôn Đăk Nu, xã Ngọc Tụ	1	3,605	650	650	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất MN Ngọc Tụ	Thôn Đăk Nu, xã Ngọc Tụ	1	1,136	83	83	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 5	Thôn Đăk Nu, xã Ngọc Tụ	1	1,814			GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Ủy ban nhân dân xã Pô Kô	Thôn KonTuPeng, xã Pô Kô	1	2,405	674	674	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Ủy ban nhân dân xã Diên Bình										
14.1	Trụ sở UBND xã	Thôn1, xã Diên Bình	1	12,630	749	749	Các đơn vị xác định diện tích đất trên cơ sở bản đồ địa chính chính quy	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14.2	Nhà văn hóa	Thôn1, xã Diên Bình	1	18,152			Các đơn vị xác định diện tích đất trên cơ sở bản đồ địa chính chính quy	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Ủy ban nhân dân xã Đăk Rơ Nga	Thôn Đăk Đé, xã Đăk Rơ Nga	1	7,047	1,051	1,051	Các đơn vị xác định diện tích đất trên cơ sở bản đồ địa chính chính quy	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Khối sự nghiệp										
1	Trung Tâm VH-TT-DL-TT huyện										
	- Đất trụ sở (Đài TTH điều chuyển)	Khối 7, thị trấn Đăk Tô	1	2,680	352	352	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Đất trụ sở (Nhà văn hóa điều chuyển)	Khối 3, thị trấn Đăk Tô	1	6,104	511	511	GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trung Tâm Dịch vụ Nông nghiệp										
	- Đất trụ sở (Chi cục Trồng trọt BVTV)	Khối 8, thị trấn Đăk Tô	1	1,197	58	58	GCN QSD đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Đất trụ sở (Chi cục CNTY)	Khối 8, thị trấn Đăk Tô	1	617	142	142	GCN QSD đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trung tâm môi trường và DVĐT										
	- Đất XD trụ sở	Khối 8, thị trấn Đăk Tô	1	1,597	571	571	GCN QSD đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Đất Cơ sở giết mổ gia súc tập trung	Khối 6, thị trấn Đăk Tô	1	15,000	763	763	QĐ thu hồi giao đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Đất trụ sở làm việc Ban QL chợ (Trụ sở Trạm khuyến nông cũ)	Khối 8, thị trấn Đăk Tô	1	288	112	112	GCN QSD đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Đất Chợ trung tâm	Khối 8, thị trấn Đăk Tô	1	8,716	2,595	2,595	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trung tâm GDNN-GDTX	Khối 9, thị trấn Đăk Tô	1	45,539	5,930	5,930	GCN QSD đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
III	Khối các tổ chức										
1	Văn Phòng Huyện ủy	Khối 3, thị trấn Đăk Tô	1	9,860	1,071	1,071	GCN QSD đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Ủy ban MTTQ huyện	Khối 3, thị trấn Đăk Tô	1	3,237	775	775	GCN QSD đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	Khối 3, thị trấn Đăk Tô	1	6,268	842	842	GCN QSD đất	Đất XD trụ sở	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Khối sự nghiệp giáo dục và Đào tạo										
A	Khối trường Mầm non										
1	Trường Mầm non Sơn Ca										
	- Đất Cơ sở 1	Thôn Đăk Kang Peng, xã Diên Bình	1	2,071	145	145	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	- Đất Cơ sở 2	Thôn 8, xã Diên Bình	1	4,259	782	782	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
		Thôn 5, xã Diên Bình			197	197		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trưởng TH Lê Văn
2	Trường Mầm non Ánh Dương										
	- Đất Cơ sở 1	Thôn 1, xã Diên Bình	1	1,694	153	153	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Đất Cơ sở 2	Thôn 4, xã Diên Bình	1	1,046	213	213	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Đất Cơ sở 3	Thôn 2, xã Diên Bình	1	600	307	307	QĐ 166/QĐ-UBND ngày 9/3/2017	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường Mầm non Pô Kô										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô	1	2,205	212	212	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Kon Tu Dốp 1, xã Pô Kô	1	192	89	89	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Kon Tu Dốp 2, xã Pô Kô	1	218	117	117	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Đăk Rao Nhỏ, xã Pô Kô	1	331	89	89	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 5	Thôn Đăk Mơ Ham, xã Pô Kô	1	322	96	96	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường Mầm non Sao Mai										
	- Khuôn viên đất 1	Khối 8, thị trấn Đăk Tô	1	6,225	1,562	1,562	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Khối 6, thị trấn Đăk Tô	1	647	209	209	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Đăk Rao Lớn, thị trấn Đăk Tô	1	328	310	310	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường Mầm non Bình Minh										
	- Khuôn viên đất 1	Khối 1, thị trấn Đăk Tô	1	1,029	264	264	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Khối 2, thị trấn Đăk Tô	1	4,488	209	209	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Khối 3, thị trấn Đăk Tô	1	6,082	1,427	1,427	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	-Nhà học 1 phòng điểm trường khối 7	Khối 7, thị trấn Đăk Tô			45	45		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường Mầm non Hòa Mi										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn 5, xã Tân Cảnh	1	4,213	297	297	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn 4, xã Tân Cảnh	1	1,270	209	209	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Đăk Ri Peng 1, xã Tân Cảnh	1	441	326	326	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Đăk Ri Peng 2, xã Tân Cảnh	1	1,198	109	109	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường Mầm non Vành Khuyên										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn 2, xã Tân Cảnh	1	4,561	844	844	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm thôn 3, xã Tân Cảnh	thôn 3, xã Tân Cảnh			74	74		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Đất trường TH Kim Đồng

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	Điểm thôn Đăk Rí Jóp, xã Tân Cảnh	thôn Đăk Rí Jóp, xã Tân Cảnh			148	148		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Đất trường TH Kim Đồng
8	Trường Mầm non Hoa Phượng										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn 6, xã Kon Đảo	1	3,187	493	493	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Lung, xã Kon Đảo	1	476	77	77	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 5	Thôn Kon Đảo 2, xã Kon Đảo	1	555	160	160	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 6	Thôn Kon Đảo 1, xã Kon Đảo	1	414	328	328	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường Mầm non Ngọc Tú										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Đăk No, xã Ngọc Tú	1	4,337	135	135	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Kon Pring, xã Ngọc Tú (2)	1	746	94	94	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tú	1	1,069	88	88	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Kon Pring, xã Ngọc Tú (1)	1	962	213	213	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 6	Thôn Đăk Tông, xã Ngọc Tú	1	417	-	-	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 7	Thôn Đăk Nu, xã Ngọc Tú	1	4,056	96	96	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường Mầm non Đăk Rơ Nga										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Đăk Mạnh 1, xã Đăk Rơ Nga	1	1,151	72	72	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Dê, xã Đăk Rơ Nga	1	1,583	447	447	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Đăk Pung, xã Đăk Rơ Nga	1	290	100	100	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Đăk Kon, xã Đăk Rơ Nga	1	228	105	105	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 5	Thôn Đăk Mạnh, xã Đăk Rơ Nga	1	4,900	363	363	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm Thôn Đăk Kon, xã Đăk Rơ Nga	Thôn Đăk Kon, xã Đăk Rơ Nga			80	80		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Xây trên đất với TH Đăk Rơ
11	Trường Mầm non Đăk Trăm										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Đăk Trăm, xã Đăk Trăm	1	2,861	213	213	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Mông, xã Đăk Trăm	1	1,198	214	214	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Đăk Hà, xã Đăk Trăm	1	460			GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Đăk Rò (1), xã Đăk Trăm	1	465			GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 5	Thôn Đăk Rò (2), xã Đăk Trăm	1	94			GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trường Mầm non Đăk Rô Gia										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Đăk Rô Gia, xã Đăk Trăm	1	7,957	655	655	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Tê Pheo, xã Đăk Trăm	1	934	192	192	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	- Khuôn viên đất 4	thôn Đăk Dring, xã Đăk Trăm	1	1,115	192	192	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Trường Mầm non Văn Lem										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Tê Rông, xã Văn Lem	1	840	281	281	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Măng Rương, xã Văn Lem	1	321	88	88	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Tê Pên, xã Văn Lem	1	405	88	88	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Đăk Sing, xã Văn Lem	1	278	88	88	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 5	Thôn Đăk Xanh, xã Văn Lem	1	1,312	213	213	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
B	BẠC TIỂU HỌC										
1	Trường Tiểu học Lê Văn Tám										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn 8, xã Diên Bình	1	4,418	320	320	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Kang Peng, xã Diên Bình	1	1,724	161	161	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn 5, xã Diên Bình	1	6,792	420	420	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm Thôn Đăk Kang Peng, xã Diên Bình	Thôn Đăk Kang Peng, xã Diên Bình			240	240		Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Chung với MN Sơn Ca
2	Trường Tiểu học Chu Văn An										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn 3, xã Diên Bình	1	25,824	1,000	1,000	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn 1, xã Diên Bình	1	1,503	358	358	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường Tiểu học Pô Kô										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô	1	8,457	1,014	1,014	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Rao Nhỏ, xã Pô Kô	1	1,258	137	137	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Kon Tu Dốp 1, xã Pô Kô	1	229	368	368	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Kon Tu Dốp 2, xã Pô Kô	1	623	158	158	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 5	Thôn Kon Tu Dốp 1, xã Pô Kô	1	1,135	160	160	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 6	Thôn Kon Tu Dốp 2, xã Pô Kô	1	1,018	392	392	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 7	Thôn Đăk Mơ Ham, xã Pô Kô	1	655	218	218	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường Tiểu học Nguyễn B.Khiêm										
	- Khuôn viên đất 1	Khối 2, thị trấn Đăk Tô	1	3,416	1,238	1,238	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Khối 1, thị trấn Đăk Tô	1	1,318	340	340	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Đăk Rao Lớn, thị trấn Đăk Tô	1	1,229	107	107	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Rao Lớn, thị trấn Đăk Tô (Tân Mai)	1	8,658	240	240	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	- Khuôn viên đất 3	Khối 11, thị trấn Đăk Tô	1	4,910			GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Khối 5, thị trấn Đăk Tô	1	23,913	1,716	2,017	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường Tiểu học Kim Đồng										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn 2, xã Tân Cảnh	1	7,700	894	894	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn 3, xã Tân Cảnh	1	2,438	131	131	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Đăk Rí Dốp, xã Tân Cảnh	1	3,105	451	451	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn 1, xã Tân Cảnh	1	6,150	211	211	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn 7, xã Kon Đào	1	6,932	997	997	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Lung, xã Kon Đào	1	478	306	306	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	8. Trường Tiểu học Nơ Trang Long		1	6,982	775	775	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Tách từ trường TH Lê Hồng Phong
9	Trường Tiểu học Ngọc Tú										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tú	1	4,572	1,132	1,132	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Tông, xã Ngọc Tú	1	2,511	342	342	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Kon Pring, xã Ngọc Tú	1	695	198	198	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường Tiểu học Đăk Rơ Nga										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Đăk Dế, xã Đăk Rơ Nga	1	3,399	1,040	1,040	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Manh 2, xã Đăk Rơ Nga	1	1,745	304	304	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Đăk Pung, xã Đăk Rơ Nga	1	1,190			GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Đăk Kon, xã Đăk Rơ Nga	1	764	150	150	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trường Tiểu học Đăk Trăm										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Đăk Trăm, xã Đăk Trăm	1	4,435	787	787	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Mông, xã Đăk Trăm	1	1,574	387	387	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Đăk Rô Gia, xã Đăk Trăm	1	2,767	420	420	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Đăk Dring, xã Đăk Trăm	1	1,293	274	274	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc										
	- Khuôn viên đất 1	Thôn 5, xã Tân Cảnh	1	3,012	396	396	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 2	Thôn Đăk Rí Peng 1, xã Tân Cảnh	1	1,942	221	221	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn 4, xã Tân Cảnh	1	20,000	623	623	Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 18/01/2015	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Trường Tiểu học Văn Lem										

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
	- Khuôn viên đất 1	Thôn Đăk Xanh, xã Văn Lem	1	4,206	613	613	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Khuôn viên đất 3	Thôn Tê Pên, xã Văn Lem	1	844	285	285	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm Thôn Đăk Sing, xã Văn Lem				75	75					
	- Khuôn viên đất 4	Thôn Tê Hơ Ô, xã Văn Lem	1	9,155	554	554	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ								Đang sử dụng đúng mục đích		
1	Trường THCS Nguyễn Du	Thôn 1, xã Diên Bình	1	8,601	783	1,010	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trường THCS Pô Kô	Thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô	1	7,808	318	318	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường THCS Lương Thế Vinh	Khối 8, thị trấn Đăk Tô	1	33,844	2,440	2,440	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường THCS Nguyễn Trãi	Thôn 2, xã Kon Đào	1	14,892	1,151	1,151	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường THCS 24-4	Thôn 2, xã Tân Cảnh	1	10,305	874	874	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường THCS Ngọc Tụ	Thôn Đăk No, xã Ngọc Tụ	1	8,283	1,101	1,101	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường PTDTBT-THCS Đăk Rơ Nga	Thôn Đăk Dê, xã Đăk Rơ Nga	1	15,847	518	518	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường THCS Đăk Trăm	Thôn Đăk Trăm, xã Đăk Trăm	1	6,586	799	799	GCN QSD đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường THCS Văn Lem	Thôn Tê Hơ Ô, xã Văn Lem	1	4,950	644	644	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
VI	Huyện Ngọc Hồi		79	448,036	78,587	99,096					
*	CƠ QUAN ĐANG, CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ										
1	Trụ sở Khối Huyện ủy	Thôn 6 - TT.Plei Kần	1	18,985	5,226	5,226	Giấy CNQSD đất số: 537351 ngày 03/03/2017 do Sở TNMT cấp ; QĐ số 36/QĐ-UBND ngày 01/2/2016 của UBND huyện về phê duyệt QTDAHT; QĐ số 510/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND huyện về phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trụ sở Khối Đoàn thể Mặt trận huyện	Thôn 6 -TT.Plei Kần	1	4866	516	941.6	Giấy CNQSD đất số: CT 177713 ngày 20/11/2019 do Sở TNMT cấp; QĐ số 242/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 UBND huyện về phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trụ sở HĐND - UBND huyện	Thôn 6 - TT.Plei Kần	1	15,270	2664	6091	Thông báo số 81/TB-UBND ngày 09/11/2006 về việc giới thiệu vị trí đất (có trích lục kèm theo); QĐ số 280/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 UBND tỉnh Kon Tum Vv phê duyệt QT DAHT" ; QĐ số: 477/QĐ-UBND ngày 22/08/2016 của UBND huyện về phê duyệt QTDAHT ; QĐ số: 44a/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND huyện về phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Hội trường chung	Thôn 6 - TT.Plei Kần	1	15,838	1,676	1,676	Thông báo số: 80/TB-UBND ngày 09/11/2006 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc giới thiệu vị trí, diện tích đất XD Hội trường chung huyện Ngọc Hồi; Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của UBND huyện về thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất để lập phương án bồi thường thiệt hại XD Hội trường chung huyện Ngọc Hồi, kèm theo trích lục đất; QĐ số 754/QĐ-UBND ngày 8/8/2017 của UBND tỉnh Kon Tum Vv phê duyệt QT DAHT	Đất Hội trường	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
9	UBND thị trấn Plei Kần	TDP 7 -TT.Plei Kần	1	5,992	1064	1474	Giấy CNQSD đất số 491506 ngày 05/8/2016 do Sở TNMT cấp; QĐ số 254/QĐ-UBND ngày 11/10/2002 của UBND huyện; QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND huyện về phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	UBND xã Đắk Ang	Thôn Đắk Giá I-Đắk Ang	1	3,840	1064	1064	Trích lục đất; QĐ số 1875/QĐ-UB ngày 31/12/2019 của UBND huyện Vv phê duyệt QTDAHT SC, NC	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	UBND xã Đắk Dục	Thôn Ngọc Hiệp -Đắk Dục	1	4,889	1023	1023	Trích lục đất; QĐ số 592/QĐ-UB ngày 4/7/2019 của UBND huyện Vv phê duyệt QTDAHT; QĐ số 1032/QĐ-STC ngày 10/5/2016 của Sở Tài chính Vv phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	UBND xã Đắk Nông	Thôn Kà Nhảy -Đắk Nông	1	3,545	874	874	Giấy CNQSD đất số BX 734444 do Sở TNMT cấp; QĐ số 368/QĐ-UBND ngày 23/5/2011 của UBND huyện về phê duyệt QTDAHT; QĐ số 488/QĐ-UBND ngày 18/9/2014 của UBND huyện về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư DAHT ; QĐ số 1031/QĐ-STC ngày 10/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum Vv phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	UBND xã Pờ Y	Thôn Tà Ka - Pờ Y	1	7,048	1179	1179	Trích lục đất; QĐ số 1092/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND về phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	UBND xã Đắk Xú	Thôn Chiên Chiếc -Đắk Xú	1	6,648	739	739	Giấy CNQSD đất số CĐ 491473 ngày 08/08/2016 do Sở TNMT cấp; QĐ số 265/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của UBND huyện về phê duyệt QTDAHT; QĐ số 383/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của UBND huyện về phê duyệt QTDAHT; QĐ số 1035/QĐ-STC ngày 10/5/2016 của STC về việc phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	UBND xã Sa Loong	Thôn Giang Lố 1 - Sa Loong	1	5,760	1773	1773	Giấy CNQSD đất số BX 734428 ngày 25/09/2015 do Sở TNMT cấp do Sở TNMT cấp; QĐ số 1034/QĐ-STC ngày 10/5/2016 của STC về việc phê duyệt QTDAHT;	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	UBND xã Đắk Kan	Thôn Ngọc Tặng -Đắk Kan	1	8,310	1152	1152	Trích lục đất; QĐ số 1147/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về phê duyệt DAHT ; QĐ số 613/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 về phê duyệt DAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ										
1	Trụ sở Ban quản lý đầu tư Xây dựng huyện	TDP 1 -TT.Plei Kần	1	1,000	160	250	QĐ số 958/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về điều chuyển tài sản nhà đất thuộc trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi; QĐ số 192/QĐ-UBND về thu hồi và giao đất cho Phòng thi hành án tỉnh Kon Tum để XD trụ sở có trích lục đất kèm theo; QĐ1187/QĐ-TP-KHTC ngày 14/11/2000 của Bộ Tư pháp về phê duyệt quyết toán	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trung tâm MT và DVĐT										
a	Trụ sở TTMT & DV đô thị (Trụ sở TC-KH cũ)	TDP 1 -TT.Plei Kần	1	914	236	200	Trích lục đất tờ bản đồ số: 37, thửa đất số: 30	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Ban quản lý chợ	TDP 2 -TT.Plei Kần	1	5,204	1,842	2,562	Trích lục đất	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Nhà ban quản lý Bến xe huyện	TDP 3 -TT.Plei Kần	1	5,156	2,008	2,008	Thông báo số 135/TB-UBND ngày 05/12/2011 của UBND huyện Ngọc Hồi ; QĐ số 1140/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trụ sở Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông	TDP 7 -TT.Plei Kần	1	15,535	190	396	Trích lục đất	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trụ sở phòng Văn hóa và Thông tin	TDP 7 -TT.Plei Kần	1	6,937	3,541	3,541	Trích lục đất; QĐ số 356/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 về phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
5	Trụ sở Ban quản lý Rừng phòng hộ Đăk Ang	Thôn Nông Nhảy - xã Đăk Dục	1	3,600	826	1167	- QĐ số: 525/QĐ-UBND Ngày 18/5/2016 về việc giao đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Ang để xây dựng trụ sở làm việc; Giấy CNQSDĐ số: CĐ 491511 ngày 26/7/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; QĐ số: 10/QĐ-STC ngày 15/4/2011 của Sở Tài chính phê duyệt QTDAHT; QĐ số: 39/QĐ-STC ngày 15/4/2011 của Sở Tài chính về việc phê duyệt QTDAHT; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản công; Quyết định số 1804/QĐ-STC ngày 25/7/2016 của Sở tài chính về phê duyệt quyết toán dựa án hoàn thành	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trụ sở Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	TDP 7 -TT.Plei Kần	1	1,159	198	198	Trích lục đất; QĐ số: 67, 68/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh về Điều chuyển cơ sở nhà đất của Chi Cục TT & BVTV, Chi cục Chăn nuôi và Thú Y; QĐ số 100-CT ngày 05/3/2019 của UBND huyện về tạm giao tài sản cho TT dịch vụ nông nghiệp huyện quản lý sử dụng	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Lò giết mổ tập trung	TDP 6 -TT.Plei Kần	1	5,000	1,748	1,748	QĐ số: 1417/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Kon Tum; QĐ số: 420/QĐ-UBND NGÀY 03/8/2016 của UBND huyện về QTDAHT Lò giết mổ tập trung	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trụ sở Trung tâm GDNN&GDTX huyện	TDP 6 - TT.Plei Kần	1	21,834	2,095	2,322	Thông báo số 68/TB-UBND ngày 30/7/2012 của UBND huyện; Thông báo số 79/TB-UBND ngày 17/8/2011 của UBND huyện; QĐ số 248, 249, 250/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 của UBND huyện về thu hồi vị trí, diện tích để xây dựng công trình Trung tâm dạy nghề huyện Ngọc Hồi; QĐ số 70/QĐ-UBND ngày 18/1/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt QTDAHT	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC										
a)	KHÔI TRUNG HỌC CƠ SỞ										
1	Trường THCS thị trấn	TDP 6 -TT.Plei Kần	1	11,038	1798	3548	Giấy CNQSD đất số BX 734440 ngày 26/08/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; Biên bản bàn giao ngày 06/2/2002; Biên bản bàn giao ngày 20/8/2009	Đất trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	TDP 5 - TT.Plei Kần	1	9,620	1323	1632	QĐ số 865/QĐ-UBND ngày 10/08/2016 của UBND tỉnh; Thông báo số 28a/TB-UBND ngày 17/7/2015 của UBND huyện Ngọc Hồi, kèm theo trích lục đất số thửa 3 kèm theo trích lục đất; QĐ số 658/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND huyện ngọc Hồi về việc phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường THCS Lê Hồng Phong	Thôn Chiên Chiềc - Đăk Xú	1	11,455	1,141	1,774	Giấy CNQSD đất số BX 734350 ngày 10/08/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường THCS Pờ Y	Thôn Măng Tôn - Pờ Y	1	18,456	2,601	3,205	Giấy CNQSD đất số BX 734291 ngày 24/07/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 1252/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTDAHT; QĐ số 418/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt quyết QTDAHT; Biên bản bàn giao công trình, đưa vào sử dụng ngày 15/5/2010	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
5	Trường THCS Lý Tự Trọng	Thôn 1 - Đăk Kan	1	13,143	1,819	2,616	Giấy CNQSD đất số BX 734292 ngày 31/07/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 451/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 241/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 10/4/2014; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng năm 2014 số 01/HĐXD ngày 20/4/2014; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 03/2014/BBNT/TL ngày 20/5/2014; (Nguồn XHH); Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 09/2017 (Nguồn XHH)	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường THCS Nguyễn Huệ	Thôn Giang Lố 1 - Sa Loong	1	16,234	1,228	1,601	Giấy CNQSD đất số BX 734422 ngày 26/08/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 540/QĐ-UBND ngày 25/06/2019 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 258/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường THCS Đăk Nông	Thôn Kà Nhảy - Đăk Nông	1	9,403	1,648	2,019	Giấy CNQSD đất số BX 734196 ngày 11/06/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 284/QĐ-UBND ngày 14/06/2016 V/v phê duyệt VDDAHT; QĐ số 450/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường THCS Đăk Dục	Thôn Ngọc Hiệp- Đăk Dục	1	12,749	784	1949	Thông báo giao đất số: 94/TB-UBND ngày 18/9/2007 của UBND huyện Ngọc Hồi và trích lục đất thửa 213, tờ bản đồ 52 ngày 10/12/2018 kèm theo trích lục đất	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường PT DT BT THCS Ngô Quyền	Thôn Đăk Giá 1- Đăk Ang	1	5,328	2341	3820	Giấy CNQSD đất số CD 491523 ngày 02/08/2016 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 537/QĐ-UBND ngày 25/06/2019 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b)	KHOI TIỂU HỌC										
1	Trường TH Số 1 - TT.Plei Kăn	Thôn TDP 4- TT.Plei Kăn	1	7,602	1,568	2,376	Giấy CNQSD đất số BX 734443 ngày 26/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; Biên bản bàn giao ngày 11/10/2009; QĐ số 666/QĐ-UBND ngày 24/07/2012 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 229/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 844/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 294/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trường TH Số 2 - TT.Plei Kăn	Thôn TDP 6- TT.Plei Kăn	1	7,662	902	1,362	Giấy CNQSD đất số BX 734439 ngày 26/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường TH Trần Quốc Toàn (Điểm mới)	Thôn Thôn 4- TT.Plei Kăn	1	9,100	1,670	2,130	Thông báo giới thiệu vị trí đất số: 104/TB-UBND ngày 23/11/2015 của UBND huyện Ngọc Hồi; QĐ 659/QĐ-UBND ngày 17/7/ 2019 của UBND huyện Ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường TH Đăk Xú	Thôn Chiên Chiểu - Đăk Xú	1	6,738	1,531	1,954	Giấy CNQSD đất số BX 734346 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 540a/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 phê duyệt QTD AHT; QĐ số 1016A/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 1052/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
a	Điểm Trường	Thôn Ngọc Thụ - Đăk Xú	1	1,150	131	131	Giấy CNQSD đất số BX 734347 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
b	Điểm Trường	Thôn Đắc Long- Đắc Xú	1	253	98	98	Giấy CNQSD đất số BX 734349 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc										
a	Điểm chính	Thôn Măng Tôn - Pờ Y	1	4,314	1,050	1,264	Giấy CNQSD đất số BX 734304 ngày 24/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 417/QĐ-UBND ngày 10/08/2017 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số: 304/QĐ-STC ngày 28/11/2019 của Sở Tài Chính phê duyệt QTD AHT; QĐ số 656/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường TH Bé Văn Đàn										
a	Điểm trung tâm	Thôn Đắc Mế - Pờ Y	1	12,000	851	1,268	Thông báo số: 87/TB-UBND ngày 28/10/2008 của UBND huyện Ngọc Hồi và trích lục đất; QĐ số 765/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường TH Võ Thị Sáu										
a	Điểm chính	Thôn 3 - Đắc Kan	1	6,481	1,417	1,993	Giấy CNQSD đất số BX 734302 ngày 20/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 1014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 1004a/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 453/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm Trường	Thôn Ngọc Tăng - Đắc Kan	1	2,905	303	303	QĐ giao đất số 227/QĐ-UBND ngày 20/9/2004 ,có sơ đồ trích lục kèm theo	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường TH Nguyễn Huệ										
a	Điểm chính	Thôn Giang Lồ I - Sa Loong	1	5,783	1,052	1,372	Giấy CNQSD đất số BX 734334 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số: 304/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT, kèm theo Biên bản bàn giao hồ sơ và giá trị tài sản cố định; QĐ số 408/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi										
a	Điểm chính	Thôn Cao Sơn - Sa Loong	1	5,629	1,397	1,924	Giấy CNQSD đất số BX 734330 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 551/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 108/QĐ-UBND ngày 28/2/2019 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 409/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; QĐ số 547/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm Trường	Thôn Cao Sơn - Sa Loong			230	230	Chung hồ sơ đất trường MN Hòa Mi: Giấy CN số: BX 734425 cấp ngày 24/08/2015	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trường TH Đắc Nông	Thôn Nông Nội - Đắc Nông	1	8,196	1,385	1,781	Giấy CNQSD đất số BX 734327 ngày 10/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 1013/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT; Biên bản bàn giao ngày 13/5/2009; QĐ số 452/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trường TH Lê Văn Tám	Thôn Đắc Ba - Đắc Dục	1	12,236	1,134	1,992	Thông báo số: 23/TB-UBND ngày 20/03/2012 của UBND huyện Ngọc Hồi ; QĐ số 167/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Trường TH Đắc Dục	Thôn Ngọc Hiệp - Đắc Dục	1	6,385	1,175	1,632	Giấy CNQSD đất số BX 734214 ngày 20/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Trường TH Đắc Ang										

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
a	Điểm chính	Thôn Đắc Giá I - Đắc Ang	1	3,101	894	1,678	Giấy CNQSD đất số BX 734356 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số 1006/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTDAHT; QĐ số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm Trường	Thôn Đắc Blái - Đắc Ang	1	1,648	643	643	Giấy CNQSD đất số BX 734358 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; Biên bản bàn giao năm 2008; QĐ số 304/QĐ-STC ngày 28/11/2019 của Sở Tài Chính phê duyệt QTDAHT; Biên bản bàn giao năm 2009	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Trường TH Kim Đồng										
a	Điểm chính	Thôn Đắc Sút II- Đắc Ang	1	2,973	612	816	Giấy CNQSD đất số BX 734274 ngày 20/07/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	KHỎI MẮM NON										
1	Trường Mầm non Hoa Hồng	TDP 7- TT.Plei Kần	1	7,965	1,925	1,925	Giấy CNQSD đất số BX 734547 ngày 15/9/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp;Biên bản xác nhận số liệu thanh quyết toán hoàn thành ngày 21/5/2020	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trường Mầm non Chợ Rao	Thôn 4- TT.Plei Kần	1	5,102	726	726	QĐ số: 429/QĐ-UBND ngày 06/4/2006 thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng đất; - Theo trích lục đất năm 2015 Số thửa 115; tờ bản đồ 58; QĐ số: 1015/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTDAHT; QĐ số: 240/QĐ-UBND ngày 19/05/2016 của UBND huyện ngọc Hồi phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường Mầm non Bình Minh (trường mầm non số 2)	Thôn 6- TT.Plei Kần	1	3,604	1,020	1,335	QĐ số: 1103/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất; QĐsố: 220/QĐ-UBND ngày 17/05/2016 của UBND huyện phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường Mầm non Đắc Xú							Đất hoạt động sự nghiệp			
a	Điểm chính	Thôn Chiên Chiết - Đắc Xú	1	4,549	1,316	1,316	Giấy CNQSD đất số BX 734351 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số: 304/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt QTDAHT, kèm theo Biên bản bàn giao hồ sơ và giá trị tài sản cố định; QĐ số: 411/QĐ-UBND ngày 08/08/2017 của UBND huyện phê duyệt qQTDAHT; QĐsố: 502/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện PDQTDATH; QĐ số: 481/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện phê duyệt QTDAHT		Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm Trường	Thôn Long Giao - Đắc Xú	1	603	98	98	Thông báo số 71/TB-UBND ngày 11/12/2014 của UBND huyện về việc giới thiệu vị trí		Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Điểm Trường	Thôn Ngọc Thụ - Đắc Xú	1	349	158	158	Giấy CNQSD đất số BX 734352 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp		Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường Mầm non Pờ Y										
a	Điểm chính	Thôn Bắc Phong - Pờ Y	1	9,638	1,351	1,351	Giấy CNQSD đất số BX 734290 ngày 31/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số: 191/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 UBND huyện phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm Trường	Thôn Đắc Mế - Pờ Y	1	940	156	156	Trích lục đất số thửa 135b,153b,159b,160b	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
d	Điểm trường	Thôn Iệc B - Pờ Y	1	1,373	158	158	Trích lục đất; QĐ số: 240/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 UBND huyện phê duyệtQTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
i	Điểm Trường	Thôn Tà Ka - Pờ Y	1	137	77	77	Trích lục đất số thửa 42	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường Mầm non Sơn Ca										

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
a	Điểm chính	Thôn 3 - Đăk Kan	1	5,223	1,394	1,394	Giấy CNQSD đất số BX 734294 ngày 24/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số: 817/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT; QĐ số: 518/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT; QĐ số: 268/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm Trường	Thôn Ngọc Tăng - Đăk Kan			76	76	Chung với trường tiểu học Võ Thị Sáu (Quyết định giao đất số 227/QĐ-UBND ngày 20/9/2004 về việc giao đất để xây dựng và mục đích XD trường TH thôn Ngọc Tăng, có sơ đồ trích lục kèm theo)	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Điểm Trường	Thôn Hòa Bình - Đăk Kan			59	59	Chung Giấy CNQSDĐ với trường tiểu học Võ Thị Sáu (Giấy CNQSD đất số BX 734293 ngày 20/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp)	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
e	Điểm Trường	Thôn Hào Nưa - Đăk Kan	1	925	138	138	Giấy CNQSD đất số BX 734296 ngày 24/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ 69b/QĐ-UBND ngày 04/07/2016 phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
g	Điểm Trường	Thôn Tân Bình - Đăk Kan	1	4,400	124	124	QĐ số 1504/QĐ - UBND, ngày 06/12/2005 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và giao đất; QĐ số 1011/QĐ - UBND, ngày 10/12/2014 của UBND huyện Ngọc Hồi phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường Mầm non Họa Mi										
a	Điểm chính	Thôn Giang Lồ I - Sa Loong	1	5,699	1,064	1,064	Giấy CNQSD đất vào sổ cấp CT01606 ngày 20/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp, QĐ ngày 24/6/2005; QĐ số: 304/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT, kèm theo Biên bản bàn giao hồ sơ và giá trị tài sản cố định ngày tháng năm 2019; QĐ số: 192/QĐ-UBND ngày 22/05/2017 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT; QĐ số: 1254/QĐ-UBND ngày 28/09/2009 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT; QĐ số: 1047/QĐ-UBND ngày 12/06/2011 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT; QĐ số: 1182/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT; Quyết định số: 539/QĐ-UBND ngày 25/06/2019	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm Trường	Thôn Giang Lồ II - Sa Loong	1	310	124	124	Giấy CNQSD đất số BX 734298 ngày 20/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số: 283/QĐ-UBND ngày 14/06/2016 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Điểm Trường	Thôn Hào Lý - Sa Loong			65	65	Trích lục đất Sổ thửa 25; tờ bản đồ 113 (Chung đất với trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi)	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
d	Điểm Trường	Thôn Bun Ngai - Sa Loong	1	278	65	65	Giấy CNQSD đất vào sổ số CT01608 ngày 20/7/2015	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường Mầm non Đăk Nông										
a	Điểm chính	Thôn Kà Nhảy - Đăk Nông	1	3,680	787	787	Sơ đồ trích lục đất của Phòng TN&MT huyện Ngọc Hồi; QĐ số: 304/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT, kèm theo Biên bản bàn giao hồ sơ và giá trị tài sản cố định ngày tháng năm 2019; QĐ số: 289/QĐ-UBND ngày 13/06/2014 của UBND huyện phê duyệt QTD AHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm chính	Thôn Đăk Giảng- Đăk Nông	1	276	77	77	Sơ đồ trích lục đất của Phòng TN&MT huyện Ngọc Hồi	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
d	Điểm Trường	Thôn Tà Pook - Đăk Nông	1	345	77	77	Giấy CNQSD đất số BX 734323 ngày 10/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
g	Điểm Trường	Thôn Chả Nội 2 - Đăk Nông	1	319	77	77	Giấy CNQSD đất số BX 734322 ngày 10/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
i	Điểm Trường	Thôn Nông Nhảy 2 B- Đăk Nông	1	365	63	63	Sơ đồ trích lục đất của Phòng TN&MT huyện Ngọc Hồi; QĐ số: 02/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường Mầm non Đăk Dục										
a	Điểm chính	Thôn Nông Kon - Đăk Dục	1	2,542	900	900	Giấy CNQSD đất số BX 734266 ngày 20/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2014; QĐ số:1007/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND huyện phê duyệt QTDAHT; QĐ số:1007/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND huyện phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm trường	Thôn Dục Nhảy (Dục Nhảy I) - Đăk Dục	1	5,400	180	180	Thông báo số: 02/TB-UBND ngày 19/1/2010 của UBND huyện về việc thông báo thỏa thuận vị trí, diện tích XD trường MN, có trích lục kèm theo	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Điểm trường	Thôn Chả Nhảy - Đăk Dục	1	463	150	150	Giấy CNQSD đất số BX 734264 ngày 20/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số:286/QĐ-UBND ngày 14/06/2016 của UBND huyện phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
d	Điểm Trường	Thôn Đăk Răng - Đăk Dục	1	267	77	77	Giấy CNQSD đất số BX 734267 ngày 20/7/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
e	Điểm Trường	Thôn Nông Nhảy I - Đăk Dục	1	200	53	53	Sơ đồ trích lục đất của Phòng TN&MT huyện Ngọc Hồi; Biên bản thỏa thuận	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường Mầm non Đăk Ang									Giữ lại tiếp tục sử dụng	
a	Điểm chính	Thôn Đăk Giá I - Đăk Ang	1	2,811	714	714	Giấy CNQSD đất số CĐ 491508 ngày 29/7/2016 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Điểm Trường	Thôn Đăk Blai - Đăk Rơ Me Đăk Ang	1	728	292	292	Giấy CNQSD đất số CĐ 491510 ngày 29/7/2016 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Điểm Trường	Thôn Long Zôn- Đăk Ang			153	153	Chung Giấy CNQSDĐ với trường tiểu học Giấy CNQSD đất số BX 734283 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
d	Điểm Trường	Thôn Đăk Giá II- Đăk Ang			136	136	Chung Giấy CNQSDĐ với trường tiểu học Giấy CNQSD đất số BX 734357 ngày 12/8/2015 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số: 270/QĐ-UBND ngày 31/05/2016 của UBND huyện phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
e	Điểm Trường	Thôn Đăk Sút II- Đăk Ang	1	179	77	77	Giấy CNQSD đất số CĐ 491509 ngày 29/7/2016 do Sở TNMT tỉnh cấp	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
i	Điểm Trường	Thôn Gia Tun trên - Đăk Ang	1	457	159	159	Giấy CNQSD đất số CĐ 491507 ngày 29/7/2016 do Sở TNMT tỉnh cấp; QĐ số: 257/QĐ-UBND ngày 27/05/2014 của UBND huyện phê duyệt QTDAHT	Đất hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
VII	Huyện Kon Plông		228	537,036	73,974	78,887					
*	Khối cơ quan đảng, đoàn thể, chính										
1	VP Huyện ủy Kon Plông	TT Măng đen, H.Kon Plông	1	9,162	934	1,681	Giấy chứng nhận QSD đất số BP 540373 ngày 30/12/2013 do UBND tỉnh cấp; QĐ số 230/QĐ-STC ngày 16/11/2012 của Sở tài chính; QĐ số 501/QĐ-UBND ngày 20/04/2020 của UBND huyện Kon Plông	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	VP HĐND-UBND huyện Kon Plông	TT Măng đen, H.Kon Plông	1	13,186	1,578	2,633	Giấy CNQSD Đất số CĐ 491685 ngày 21/9/2016 do UBND tỉnh cấp; Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND huyện về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; Quyết định số 227/QĐ-STC ngày 16/11/2012 của Sở Tài chính về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
3	Khối Mặt trận, đoàn thể	TT Măng đen, H.Kon Plông	1	8,651	725	1,135	Giấy CNQSD Đất số CD 491783 ngày 06/1/2017 do UBND tỉnh cấp; Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND huyện; Quyết định số 558/QĐ-STC ngày 30/10/2015 của UBND huyện.	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	UBND Thị trấn Măng đen TT Măng đen, H.Kon Plông	TT Măng đen, H.Kon Plông	1	3,848	474	474	Đang làm thủ tục cấp GCN QSD đất; Trích lục đất; Quyết định số 170/QĐ-STC ngày 30/10/2015 của UBND huyện về phê duyệt QTDAHT	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	UBND xã Măng cãnh	Thôn Kon Chênh - Măng cãnh - .Kon Plông	2	5,794	785	1,305	Đang làm thủ tục cấp GCN QSD đất; Quyết định số 39/QĐ-STC ngày 24/01/2019 của STC về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; QĐ số 2394 ngày 24/10/2019 cuay UBND huyện Kon Plông	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	UBND xã Ngọc Tem	Thôn Điek Nót, xã Ngọc Tem	2	3,664	350	580	Giấy CN QSD đất số CD 491331 và CD 491332 ngày 24/5/2016 do UBND tỉnh cấp.	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	UBND xã Đăk Rìng	Thôn Vac Y Nhông, xã Đăk Rìng	1	4,625	586	586	Giấy CN QSD đất số CD 491330 ngày 24/5/2016 do UBND tỉnh cấp; QĐ số 176/QĐ-STC ngày 27/8/2012 của Sở Tài chính	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	UBND xã Pờ ê	Thôn Vi Ktau, xã Pờ ê	1	2,415	704	976	Giấy CN QSD đất số CD 491372 ngày 20/6/2016 do UBND tỉnh cấp; QĐ số 2385/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	UBND xã Măng Bút	Thôn Măng Bút, xã Măng Bút	1	6,451	510	510	Giấy CNQSD đất số CD 491492 ngày 08/7/2016 do UBND tỉnh cấp; QĐ số 503/QĐ-UBND ngày 20/5/2013 của UBND huyện	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	UBND xã Đăk Tăng	Thôn Vi xây, xã Đăk Tăng	1	6,471	789	789	Giấy CN QSD đất số BX 734584 ngày 29/9/2015 do UBND tỉnh cấp; QĐ số 167/QĐ-STC ngày 22/8/2012 của Sở Tài chính	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	UBND xã Đăk Nên	Thôn Đăk Lúp, xã Đăk Nên	1	3,067	450	900	Đang làm thủ tục cấp GCN QSD đất; Quyết định số 229/QĐ-STC ngày 16/11/2012 của STC về phê duyệt QTDAHT	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	UBND xã Hiếu	Thôn Vi ching, xã Hiếu	1	4,123	422	422	Đang làm thủ tục cấp GCN QSD đất; Quyết định số 559/QĐ-STC ngày 23/9/2018 của STC về phê duyệt QTDAHT	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Phòng Giáo dục và Đào tạo	TT Măng đen. Kon Plông	1	3,771	649	855	Đang làm thủ tục cấp GCN QSD đất; Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của UBND huyện Kon Plông	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp đào tạo										
14	Ban quản lý Khu ứng dụng NNCNC	TT Măng đen. Huyện Kon Plông	1	54,623	3,854	3,854	Giấy CN quyền sử dụng đất: ký hiệu BĐ 631797 ngày 31/5/2011 do UBND tỉnh cấp ; quyết định số 791/QĐ-UBND, ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh Kon Tum.	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Trung tâm VH TTDL và Truyền thông	TT Măng đen. Huyện Kon Plông	3	50,789	1,368	1,536	Giấy CNQSD Đất số BP 540244 ngày 11/10/2013 do UBND tỉnh cấp; Đang thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với các vị trí còn lại theo quy định Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Kon Tum	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	TT Măng đen. Huyện Kon Plông	2	30,316	1,982	2,259	Giấy CNQSD đất số BĐ 631797 ngày 31/5/2011 do UBND tỉnh cấp ; QĐ số 791/QĐ-UBND, ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh	Trụ sở làm việc + cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp TT Măng đen, huyện Kon Plong	TT Măng đen. Huyện Kon Plông	3	5,244	561	561	Giấy CNQSD đất số BK 082228 nGAY 11/01/2013 do UBND tỉnh cấp; Quyết định số 788/QĐ- UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh Kon Tum; Thông báo số 58/TB-UBND ngày 6/6/2016 của UBND huyện Kon Plông	Trụ sở làm việc+ cơ sở hoạt động SN	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc chính		1	3,144	224	224					
	Trạm chăn nuôi và thú ý cũ		1	800	273	273					
	Trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật		1	1,300	65	65					
18	Trung tâm Chính trị huyện	TT Măng đen. Huyện Kon Plông	1	4,764	1,163	1,685	Đang thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định; Quyết định số 644/QĐ- UBND ngày 16/9/2015 của huyện Kon Plông .	Trụ sở làm việc+ cơ sở hoạt động SN	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
19	Trung tâm Môi trường và dịch vụ đô thị	TT Măng đen. Huyện Kon Plông	6	50,155	5,092	5,092	Đang thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định; Quyết định số 343/QĐ- UBND ngày 13/3/2017 của huyện Kon Plông ; Quyết định số 346/QĐ- UBND ngày 06/8/2014 của huyện Kon Plông ; Quyết định số 708/QĐ- UBND ngày 27/11/2014 của huyện Kon Plông ; Quyết định số 763/QĐ- UBND ngày 31/12/2014 của huyện Kon Plông.	Trụ sở làm việc + Cơ sở hoạt động SN	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Đất trụ sở làm việc chính		1	3,131	429	429					
-	Nhà vận hành máy bơm cấp 1		1	453	94	94					
-	Nhà máy bơm cấp 2		1	1,337	27	27					
-	Khu trung tâm thương mại		1	3,910	800	800					
-	Khu hồ Đăk ke		1	33,599							
-	Khu vui chơi giải trí hồ Đăk ke		1	7,725	3,742	3,742					
20	Ban quản lý DA ĐTXDCB huyện	TT Măng đe. Huyện Kon Plông	1	800	56	113	GCN QSD đất số BP 540574 ngày 11/7/2014 do UBND tỉnh cấp; Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh.	Trụ sở Làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	Hội đồng đền bù	TT Măng đen. Huyện Kon Plông	1	3,073	291	291	Đang thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định; Quyết định số 644/QĐ- UBND ngày 16/9/2015 của huyện Kon Plông .	Trụ sở Làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
*	Khôi sự nghiệp giáo dục										
1	Trường Mầm non TT Măng Đen	TT Măng Đen	8	5,325	2,169	2,169		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường Thôn Kon Leng 2, TT Măng đen		1	2,408	1,070	1,070	Giấy CN QSD đất số BX734255				
-	Điểm trường Thôn Kon Leng 1, TT Măng đen		1	662	191	191	Giấy CN QSD đất số BX734254				
-	Điểm trường Thôn Kon Rẫy, TT Măng đen		1	555	131	131	Giấy CN QSD đất số BX734222; Quyết định: 1938/QĐ- UBND, ngày 15/12/2011				
-	Điểm trường Thôn Kon Sù , TT Măng đen		1	286	150	150	Giấy CN QSD đất số BX734221; Quyết định: 565/QĐ- UBND, ngày 16/11/2017				
-	Điểm trường Thôn Kon Chôt, TT Măng đen		1	191	40	40	Giấy CN QSD đất số BX734248				
-	Điểm trường Thôn Kon Ke I, TT Măng đen		1	419	137	137	Giấy CN QSD đất số X734253				
-	Điểm trường Thôn Kon Ke II, TT Măng đen		1	338	250	250	Trích lục đất				
-	Điểm trườngThôn Kon Sù - Làng Nước Năng, TT Măng đen		1	465	200	200	Trích lục đất				
2	Trường Mầm non Ngọc Tem	xã Ngọc Tem	14	4,841	1,244	1,244		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường thôn Măng Kri		1	513	40	40	Giấy CN QSD đất sốBX734197				
-	Điểm trường thôn Điek Chê		1	286	97	97	Giấy CN QSD đất số BX734227				
-	Điểm trường thôn Điek Lò 1		1	221	70	70	Giấy CN QSD đất số BX734224				
-	Điểm trường thôn Điek Lò 2		1	366	93	93	Giấy CN QSD đất số BX734225				
-	Điểm trường thôn Điek Tem 1		1	239	40	40	Giấy CN QSD đất số BX734236				
-	Điểm trường thôn Điek Tem 2		1	225	40	40	Giấy CN QSD đất số BX734226				
-	Điểm trường thôn Điek Tà Cốt		1	335	111	111	Giấy CN QSD đất số BX734243				
-	Điểm trường thôn Điek Nốt		1	920	241	241	Giấy CN QSD đất số BX734242				
-	Điểm trường thôn Điek Kua 1		1	276	40	40	Giấy CN QSD đất số BX734240				
-	Điểm trường thôn Kíp Linh		1	414	134	134	Giấy CN QSD đất số BX734198				
-	Điểm trường thôn Điek Tà ầu1		1	250	72	72	Giấy CN QSD đất số BX734200				
-	Điểm trường thôn Điek Tà ầu2		1	96	66	66	Giấy CN QSD đất số BX734238				
-	Điểm trường thôn Điek Pét		1	199	66	66	Giấy CN QSDđất số BX734241				
-	Điểm trường thôn Măng Nách		1	500	134	134	Giấy CN QSD đất số BX734199				
3	Trường MN Đăk Nền	xã Đăk Nền	12	9,479	1,133	1,133		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường thôn Đăk Lúp		1	1,066	352	352	Giấy CN QSD đất số BX734554				
-	Điểm trường thôn Xô Thác 1		1	367	55	55	Trích lục				
-	Điểm trường thôn Xô Thác 2		1	561	55	55	Giấy CN QSD đất số BX734555				
-	Điểm trường thôn Đăk Lai		1	1,044	50	50	Giấy CN QSD đất số BX734559				
-	Điểm trường thôn Xô Luông		1	759	55	55	Giấy CN QSD đất số BX734517				
-	Điểm trường thôn Đăk Bút		1	680	50	50	Giấy CN QSD đất số BX734557				
-	Điểm trường thôn Đăk Tiều		1	1,629	110	110	Trích lục				
-	Điểm trường thôn Thôn Vương		1	821	110	110	Trích lục				
-	Điểm trường thôn Tu Thôn		1	202	86	86	Trích lục				

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
-	Điểm trường thôn Tu Rét		1	707	110	110	Giấy CN QSD đất số BX734558				
-	Điểm trường thôn Tu Ngủ		1	210	55	55	Giấy CN QSD đất số BX734556				
-	Điểm trường thôn Tu Rí		1	1,433	45	45	Trích lục				
4	Trường MN Đăk Ríng		13	3,540	950	950		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường Thôn Vác Y Nhông,	xã Đăk Ríng	1	789	155	155	Giấy CN QSD đất số BX 734477				
-	Điểm trường Thôn Đăk Chờ		1	462	90	90	Giấy CN QSD đất số BX: 734478				
-	Điểm trường Thôn Đăk Lóa (Ngọc Ríng)		1	181	89	89	trích lục				
-	Điểm trường Thôn Ngọc Ríng,		1	177	50	50	Giấy CN QSD đất số BX 734481				
-	Điểm trường Thôn Đăk Da,		1	182	54	54	Giấy CN QSD đất số BX: 734486				
-	Điểm trường Thôn Đăk Niêu (Đăk Da),		1	157	50	50	Giấy CN QSD đất số BX: 734488				
-	Điểm trường Thôn Đăk Sao (Đăk Da),		1	223	50	50	Quyết định số : 283, của UBND huyện.				
-	Điểm trường Thôn Đăk Lâng,		1	279	50	50	Giấy CN QSD đất số BX: 734485				
-	Điểm trường Thôn Đăk Doa,		1	365	50	50	Giấy CN QSD đất số BX: 734483				
-	Điểm trường Thôn Đăk La,		1	229	100	100	Giấy CN QSD đất số BX: 734482				
-	Điểm trường Thôn Đăk Ang		1	120	50	50	Giấy CN QSD đất số BX: 734479				
-	Điểm trường Thôn Ngọc Hoàng		1	114	112	112	Giấy CN QSD đất số BX: 734489				
-	Điểm trường Thôn Tăng Pơ		1	263	50	50	Giấy CN QSD đất số BX: 734484				
5	Trường MN Xã Hiếu		10	8,519	1,496	1,496		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường Thôn Vi ChRíng, Xã Hiếu	xã Hiếu	1	1,327	185	185	Giấy CN QSD đất số 734475				
-	Điểm trường Thôn Đăk Liêu, Xã Hiếu		1	1,479	931	931	Giấy CN QSD đất số BX: 734471				
-	Điểm trường Thôn Đăk Lom, Xã Hiếu		1	512	55	55	Giấy CN QSD đất số BX: 734472				
-	Điểm trường Thôn Đăk Xô, Xã Hiếu		1	678	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734473				
-	Điểm trường Thôn Kon Plinh2, Xã Hiếu		1	390	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734474				
-	Điểm trường Thôn Kon Plông, Xã Hiếu		1	1,166	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734468				
-	Điểm trường Thôn Tu Cản, Xã Hiếu		1	641	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734467				
-	Điểm trường Thôn Vi Glong, Xã Hiếu		1	315	55	55	Giấy CN QSD đất số BX: 734469				
-	Điểm trường Thôn Kon Klung, Xã Hiếu		1	1,471	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734470				
-	Điểm trường Thôn Kon Plinh1, Xã Hiếu		1	541	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734466				
6	Trường Mầm Non Măng Cành		10	8,516	1,190	1,190		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường Thôn Kon Chênh, xã Măng cành	Xã Măng Cành	1	2,933	326	326	Giấy CN QSD đất số BX: 734501				
-	Điểm trường Thôn Đăk Ne, xã Măng cành		1	450	80	80	Giấy CN QSD đất số BX: 734509				
-	Điểm trường Thôn Tu Ma, xã Măng cành		1	2,552	77	77	Giấy CN QSD đất số BX: 734508				
-	Điểm trường Thôn Kon Kum, xã Măng cành		1	372	77	77	Giấy CN QSD đất số BX: 734506				
-	Điểm trường Thôn Măng Pánh, xã Măng cành		1	196	110	110	Giấy CN QSD đất số BX: 734504; Quyết định số : 562, của UBND huyện.				
-	Điểm trường Thôn Măng Cành, xã Măng cành		1	432	110	110	Giấy CN QSD đất số BX: 734502				
-	Điểm trường Thôn Măng Mô, xã Măng cành		1	189	77	77	Giấy CN QSD đất số BX: 734507				
-	Điểm trường Thôn Tu Răng, xã Măng cành		1	452	90	90	Giấy CN QSD đất số BX: 734453				
-	Điểm trường Thôn Kon Du, xã Măng cành		1	509	130	130	Giấy CN QSD đất số BX: 734505; Quyết định số : 307, của UBND huyện.				
-	Điểm trường Thôn Kon Năng, xã Măng cành		1	430	113	113	trích lục				
7	Trường Mầm Non Pờ Ê		7	5,698	470	470		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường Thôn Vi K Tàu, xã Pờ ê	xã Pờ ê	1	2,848	190	190	Giấy CN QSD đất số BX: 734524				
-	Điểm trường Thôn Vi Klâng 1, xã Pờ ê		1	1,021	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734530				
-	Điểm trường Thôn Vi Klâng 2, xã Pờ ê		1	676	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734531				
-	Điểm trường Thôn Vi Pờ Ê 1, xã Pờ ê		1	204	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734528				
-	Điểm trường Thôn Vi Pờ Ê 2, xã Pờ ê		1	343	50	50	Giấy CN QSD đất số BX: 734527				
-	Điểm trường Thôn Vi Koa, xã Pờ ê		1	353	50	50	Giấy CN QSD đất số BX: 734526				
-	Điểm trường Thôn Vi Ô Lắc, xã Pờ ê		1	254	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734525				

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú	
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà						
8	Trường Mầm Non Măng Đen		2	8,696	2,315	2,315		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
-	Thôn Măng đen, TT Măng đen	TT Măng đen	1	8,301	2,150	2,150	Giấy CN QSD đất số BX: 734055; Giấy CN QSD đất số BX: 734056; Trích lục					
-	Điểm Trường Thôn Kon Pring		1	395	165	165						
9	Trường Mầm Non Đắk Tăng		6	5,558	834	834		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
-	Điểm Trường thôn Đắk Tăng	xã Đắk Tăng	1	1,284	93	93	Trích lục					
-	Điểm Trường thôn Vi Xây		1	869	320	320	Giấy CN QSD đất số BX: 734576					
-	Điểm Trường thôn Rô Xía		1	423	93	93	Giấy CN QSD đất số BX: 734579					
-	Điểm Trường thôn Vi Rìng		1	2,126	93	93	Trích lục					
-	Điểm Trường thôn Vi Rơ Ngheo		1	320	110	110	Giấy CN QSD đất số BX: 734577					
-	Điểm Trường thôn Đắk Prô		1	536	125	125	Giấy CN QSD đất số BX: 734578					
-												
10	Trường Mầm Non Măng Bút 1		9	4,675	1,106	1,106		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
-	Điểm Trường Thôn Măng Bút	xã Măng bút	1	1,749	410	410	Giấy CN QSD đất số BX: 734416					
-	Điểm Trường Thôn Đắk Pông 1		1	154	110	110	Giấy CN QSD đất số BX: 734571					
-	Điểm Trường Thôn Đắk Pông 2		1	415	159	159	Giấy CN QSD đất số BX: 734421					
-	Điểm Trường Thôn Văng Loa		1	553	98	98	Giấy CN QSD đất số BX: 734420					
-	Điểm Trường Thôn Đắk Niêng		1	347	111	111	Giấy CN QSD đất số BX: 734418					
-	Điểm Trường Thôn Tu Nông		1	115	70	70	Giấy CN QSD đất số BX: 734417					
-	Điểm Trường Thôn Kô Chắt		1	216	54	54	Giấy CN QSD đất số BX: 734543					
-	Điểm Trường Thôn Đắk giắc			163	20	20	Trích lục chung Trường THCS Măng Bút 2					
-	Điểm Trường Thôn Đắk lạnh		1	198	54	54	Trích lục					
-	Điểm Trường Thôn Đắk Chun		1	765	20	20	Trích lục					
11	Trường PTDTBT Tiểu học Măng Cành		9	15,148	2,160	2,160		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
-	Điểm trường Thôn Kon Chênh	xã Măng cành	1	7,654	1,116	1,116	Giấy CN QSD đất số BX: 734094					
-	Điểm trường Thôn Kon Du		1	1,181	266	266	Giấy CN QSD đất số BX: 734100					
-	Điểm trường Thôn Măng Mô		1	407	118	118	Giấy CN QSD đất số BX: 734102					
-	Điểm trường Thông Măng Cành		1	855	118	118	Giấy CN QSD đất số BX: 734095					
-	Điểm trường Thôn Tu Răng 1		1	438	118	118	Giấy CN QSD đất số BX: 734097					
-	Điểm trường Thôn Tu Răng 2		1	349	56	56	Giấy CN QSD đất số BX: 734126					
-	Điểm trường Thôn Tu Ma		1	1,007	130	130	Giấy CN QSD đất số BX: 734096					
-	Điểm trường Thôn Đắk Ne		1	479	108	108	Giấy CN QSD đất số BX: 734099					
-	Điểm trường Thôn Kon Kum		1	2,778	130	130	Giấy CN QSD đất số BX: 734101					
12	Trường PTDTBT Tiểu học Xã Hiếu		8	14,786	3,171	3,171		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
-	Điểm trường Thôn Kon Plông, Xã Hiếu	Xã Hiếu	1	1,324	281	281	Giấy CN QSD đất số BX: 7343339					
-	Điểm trường Thôn Vi Glong, Xã Hiếu		1	1,082	302	302	Giấy CN QSD đất số BX: 7343337					
-	Điểm trường thôn Đắk Xô, Xã Hiếu		1	1,832	237	237	Giấy CN QSD đất số BX: 7343338					
-	Điểm trường thôn Kon Plinh, Xã Hiếu		1	1,469	442	442	Giấy CN QSD đất số BX: 7343340					
-	Điểm trường Thôn Tu Cản, Xã Hiếu		1	2,020	426	426	Giấy CN QSD đất số BX: 7343476					
-	Điểm trường thôn Kon Klung, Xã Hiếu		1	2,002	259	259	Giấy CN QSD đất số BX: 7343341					
-	Điểm trường thôn Đắk Liêu, Xã Hiếu		1	1,652	423	423	Giấy CN QSD đất số BX: 734335					
-	Điểm trường thôn Đắk Liêu, Xã Hiếu		1	3,405	801	801	Giấy CN QSD đất số BX: 734336					
13	Trường PTDTBT Tiểu học Thị trấn Măng Đen		8	9,077	1,764	1,764		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
-	Điểm trường thôn Kon Rẫy	TT Măng đen	1	878	157	157	Giấy CN QSD đất số BX: 734230					
-	Điểm trường thôn Kon Xú		1	2,205	235	235	Giấy CN QSD đất số BX: 734229					
-	Điểm trường thôn Kon Vong Kia 2		1	432	135	135	Giấy CN QSD đất số BX: 734232					
-	Điểm trường thôn Nước La		1	405	135	135	Giấy CN QSD đất số BX: 734228					
-	Điểm trường thôn Kon Leng 2		1	405	210	210	Giấy CN QSD đất số BX: 734235					
-	Điểm trường thôn Kon Leng 1		1	4,108	604	604	Giấy CN QSD đất số BX: 734234					
-	Điểm trường thôn Kon Chốt		1	230	160	160	Giấy CN QSD đất số BX: 734231					
-	Điểm trường thôn Kon Chốt		1	414	128	128	Trích lục					
14	Trường PTDTBT Tiểu học Đắk Tăng		6	7,839	1,130	1,130			Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
-	Điểm trường thôn Vĩ Xây, xã Đắk Tăng	xã Đắk Tăng	1	2,081	428	428	Giấy CN QSD đất số BX: 734580	Cơ sở hoạt động sự nghiệp			
-	Điểm trường thôn Rô Xia, xã Đắk Tăng		1	796	195	195	Giấy CN QSD đất số BX: 734583				
-	Điểm trường thôn Đắk Tăng, xã Đắk Tăng		1	2,043	117	117	Trích lục				
-	Điểm trường thôn Vĩ Rơ Ngheo, xã Đắk Tăng		1	452	78	78	Giấy CN QSD đất số BX: 734581				
-	Điểm trường thôn Đắk Pro, xã Đắk Tăng		1	567	195	195	Giấy CN QSD đất số BX: 734582				
-	Điểm trường thôn Vĩ Rìng, xã Đắk Tăng		1	1,900	117	117	Trích lục				
15	Trường PTDTBT Tiểu học Đắk Rìng		15	10,383	3,083	3,083		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường thôn Vac Y Nhông, xã Đắk Rìng	xã Đắk Rìng	1	5,617	1,501	1,501	Giấy CN QSD đất số BX: 734454				
-	Điểm trường thôn Đắk Chờ, xã Đắk Rìng		1	489	124	124	Giấy CN QSD đất số BX: 734492				
-	Điểm trường thôn Ngọc Rìng, xã Đắk Rìng		1	121	158	158	Giấy CN QSD đất số BX: 734493				
-	Điểm trường thôn Ngọc Rìng, xã Đắk Rìng		1	131	97	97	Giấy CN QSD đất số BX: 734495				
-	Điểm trường thôn Ngọc Rìng (Đắk Ló), xã Đắk Rìng		1	411	42	42	Giấy CN QSD đất số BX: 734494				
-	Điểm trường thôn Đắk Da, xã Đắk Rìng		1	328	231	231	Giấy CN QSD đất số BX: 734515				
-	Điểm trường thôn Đắk Da (Đắk Sao), xã Đắk Rìng		1	1,220	143	143	Trích lục				
-	Điểm trường thôn Ngọc Hoàng		1	261	126	126	Giấy CN QSD đất số BX: 734513				
-	Điểm trường thôn Đắk Sao, xã Đắk Rìng		1	300	59	59	Giấy CN QSD đất số BX: 734514				
-	Điểm trường thôn Đắk Lăng, xã Đắk Rìng		1	167	62	62	Giấy CN QSD đất số BX: 734500				
-	Điểm trường thôn Đắk Doa, xã Đắk Rìng		1	420	134	134	Giấy CN QSD đất số BX: 734497				
-	Điểm trường thôn Đắk Doa, xã Đắk Rìng		1	205	124	124	Giấy CN QSD đất số BX: 734498				
-	Điểm trường thôn Đắk La, xã Đắk Rìng		1	248	97	97	Giấy CN QSD đất số BX: 734496				
-	Điểm trường thôn Đắk Ang		1	187	59	59	Giấy CN QSD đất số BX: 734491				
-	Điểm trường thôn Tăng Pơ		1	280	126	126	GCN BX: 734499				
16	Trường PTDTBT Tiểu học Ngọc Tem		12	10,313	2,136	2,136		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường thôn Điek Lò 1, xã Ngọc tem	xã Ngọc tem	1	4,792	775	775	Giấy CN QSD đất số BX: 734173				
-	Điểm trường Thôn Điek Tem, xã Ngọc tem		1	537	84	84	Giấy CN QSD đất số BX: 734174				
-	Điểm trường Thôn Điek Chê, xã Ngọc tem		1	616	84	84	Giấy CN QSD đất số BX: 734175				
-	Điểm trường Thôn Măng Kri, xã Ngọc tem		1	707	84	84	Giấy CN QSD đất số BX: 734176				
-	Điểm trường Thôn Điek Cua A, xã Ngọc		1	303	50	50	Giấy CN QSD đất số BX: 734184				
-	Điểm trường Thôn Điek Cua B, xã Ngọc		1	534	140	140	Giấy CN QSD đất số BX: 734178				
-	Điểm trường Thôn Điek Nốt , xã Ngọc tem		1	197	90	90	Giấy CN QSD đất số BX: 734239				
-	Điểm trường Thôn Điek Tà Cót, xã Ngọc tem		1	702	100	100	Giấy CN QSD đất số BX: 734185				
-	Điểm trường thôn Kíp Linh, xã Ngọc tem		1	234	94	94	Giấy CN QSD đất số BX: 734180				
-	Điểm trường thôn Đắk Tà Âu, xã Ngọc tem		1	276	45	45	Giấy CN QSD đất số BX: 734181				
-	Điểm trường thôn Đắk pết, xã Ngọc tem		1	932	480	480	Giấy CN QSD đất số BX: 734177				
-	Điểm trường thôn Măng nách, xã Ngọc tem		1	483	110	110	Giấy CN QSD đất số BX: 734179				
17	Trường TH Măng Đen		2	10,379	826	826		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường Thôn Măng đen, TT Măng đen	TT Măng đen	1	9,444	731	731	Giấy CN QSD đất số BX: 734585				
-	Điểm trường Thôn Kon Bring, TT Măng đen		1	935	95	95	Giấy CN QSD đất số BX: 734586				
18	Trường PTDTBT TH Đắk Nền		10	7,572	2,077	2,077		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường Thôn Đắk Lúp, xã Đắk Nền	xã Đắk Nền	1	1,744	698	698	Giấy CN QSD đất số BX: 73432				
-	Điểm trường Thôn Đắk Lúp, xã Đắk Nền		1	460	93	93	Giấy CN QSD đất số BX: 734539				
-	Điểm trường Thôn Đắk Lúp, xã Đắk Nền		1	252	86	86	Giấy CN QSD đất số BX: 734533				
-	Điểm trường Thôn Xô Thác 2, xã Đắk Nền		1	748	200	200	Giấy CN QSD đất số BX: 734540				
-	Điểm trường Thôn Đắk Púk		1	1,312	243	243	Giấy CN QSD đất số BX: 734536				
-	Điểm trường Thôn Tu Thôn, xã Đắk Nền		1	245	70	70	Giấy CN QSD đất số BX: 734538				
-	Điểm trường Thôn Tu Ngú, xã Đắk Nền		1	211	90	90	Giấy CN QSD đất số BX: 734535				

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sân sử dụng nhà					
-	Điểm trường Thôn Tu Rét, xã Đắk Nền		1	1,224	292	292	Giấy CN QSD đất số BX: 734537				
-	Điểm trường Thôn Xô Luông, xã Đắk Nền		1	988	208	208	Giấy CN QSD đất số BX: 734541				
-	Điểm trường Thôn Xô Thác 1, xã Đắk Nền		1	390	98	98	Giấy CN QSD đất số BX: 734534				
19	Trường PTDTBT Tiểu học Pờ Ê	xã Pờ Ê	9	9,063	2,080	2,080		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường Thôn Vi Klăng 1, xã Pờ ê		1	728	59	59	Giấy CN QSD đất số BX: 734114; Giấy CN QSD đất số BX: 73413				
-	Điểm trường Thôn Vi Klăng 1, xã Pờ ê		1	367	144	144					
-	Điểm trường thôn Vi Klăng 2, xã Pờ ê		1	638	116	116	Giấy CN QSD đất số BX: 734115				
-	Điểm trường thôn Vi Pờ Ê 1, xã Pờ ê		1	1,556	261	261	Giấy CN QSD đất số BX: 734116				
-	Điểm trường Thôn Vi Pờ Ê 2, xã Pờ ê		1	676	72	72	Giấy CN QSD đất số BX: 734117				
-	Điểm trường thôn Vi K Tàu, xã Pờ ê		1	3,399	239	239	Giấy CN QSD đất số BX: 734111; Giấy CN QSD				
-	Điểm trường thôn Vi K Tàu, xã Pờ ê		1	844	1,003	1,003	đất số BX: 734112				
-	Điểm trường thôn Vi Ô Lắc, xã Pờ ê		1	394	72	72	Giấy CN QSD đất số BX: 734119				
-	Điểm trường thôn Vi K Oa, xã Pờ ê		1	462	114	114	Giấy CN QSD đất số BX: 734120				
20	Trường PTDTBT THCS Cấp 1,2 Măng Bút 1		8	21,148	3,308	3,308					
-	Trường thôn Măng Bút. bậc THCS	xã Măng Bút	1	12,986	1,890	1,890	Giấy CN QSD đất số CH : 272851	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Điểm trường thôn Măng Bút bậc Tiểu học	xã Măng Bút	1	3,028	449	449	Giấy CN QSD đất số BX: 734275; Giấy CN QSD đất số BX: 734276				
-	Điểm trường thôn Măng Bút bậc Tiểu học		1	2,416	460	460					
-	Điểm trường thôn Tu Nông bậc Tiểu học		1	366	113	113	Giấy CN QSD đất số BX: 734282				
-	Điểm trường thôn Măng Bút bậc Tiểu học		1	476	113	113	Giấy CN QSD đất số BX: 734277				
-	Điểm trường thôn Đắk Pông 1 bậc Tiểu học		1	542	113	113	Giấy CN QSD đất số BX: 734280				
-	Điểm trường thôn Đắk Pông 2 bậc Tiểu học		1	766	113	113	Giấy CN QSD đất số BX: 734278				
-	Điểm trường thôn Văng Loa bậc Tiểu học		1	569	57	57	Giấy CN QSD đất số BX: 734279				
21	Trường PTDTBT THCS Cấp 1,2 Măng Bút 2		6	14,931	2,360	2,360	-	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Đất thôn Đắk Chun		1	8,690	745	745	Trích lục				
-	Đất thôn Kon CHật		1	1,152	136	136	Giấy CN QSD đất số BX: 734542				
-	Đất thôn Kon CHật		1	2,253	1,098	1,098	Trích lục				
-	Đất thôn Đắk Chun		1	180	20	20	Giấy CN QSD đất số BX: 734544; Trích lục				
-	Đất thôn Đắk Giắt		1	1,515	163	163	Giấy CN QSD đất số BX: 734545				
-	Đất thôn Đắk Lanh		1	1,141	198	198	Trích lục				
22	Trường PTDTBT THCS Đắk Nền	Thôn Đắk Lúp, xã Đắk Nền	1	6,239	2,288	2,288	Giấy CN QSD đất số BX: 734516	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
23	Trường PTDTBT THCS Măng Cành	thôn Kon Chênh, xã Măng Cành	1	17,690	1,652	1,652	Giấy CN QSD đất số BX: 734160	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24	Trường PTDTBT THCS Pờ Ê	Thôn Vi Ktau, xã Pờ ê	1	5,426	1,447	1,447	Giấy CN QSD đất số BX: 734516	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25	Trường PTDTBT THCS Đắk Rìng		2	4,413	1,686	1,686	Giấy CN QSD đất số BX: 734370	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Thôn Vác Y nhông, xã Đắk Rìng (Thửa số1)	xã Đắk Rìng	1	1,796	495	495					
-	Thôn Vác Y nhông, xã Đắk Rìng (Thửa số2)	xã Đắk Rìng	1	2,617	1,191	1,191			Giấy CN QSD đất số BX: 734369		
26	Trường PTDTBT THCS Đắk Tăng		2	5,086	965	965		Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Thôn Vi xây, xã Đắk tăng (Điểm trường học)	xã Đắk tăng	1	3,075	615	615	Giấy CN QSD đất số BX: 734159				
-	Thôn Vi xây, xã Đắk tăng (Điểm bán trú)		1	2,011	350	350	Giấy CN QSD đất số BX: 734158				
27	Trường THCS Măng Đen	TT Măng đen	-	9,443	987	987	Giấy CN QSD đất số BX: 734585 cùng GCN TH Măng Đen	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
28	Trường PTDTBT THCS Xã Hiếu		2	6,290	1,066	1,066	Giấy CN QSD đất số 734190; Giấy CN QSD đất số 734188	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
-	Thôn Vi Chring, xã Hiếu	Xã Hiếu	1	5,564	728	728					
-	Mảnh thứ hai	Xã Hiếu	1	726	338	338					
29	Trường PTDTBT THCS Ngọc Tem	Thôn Diệc nốt, xã Ngọc Tem	1	6,448	1,650	1,650	Giấy CN QSD đất số BX: 734223	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
30	Trường PTDTBT THCS Thị trấn Măng đen	Thôn Măng đen, TT Măng đen	1	5,526	1,907	1,907	Giấy CN QSD đất số BX: 734172	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
VIII	Huyện Đắk Gai		1	131	67	67					
1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện	1	131	67	67	Sơ đồ trích lục đất	Làm CSHDSN	Đang sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THEO HÌNH THỨC ĐIỀU CHUYỂN**

(Kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng				
	TỔNG CỘNG		77	123,863	12,609	12,819				
A	KHỐI TỈNH		15	41,970	2,613	2,823				
I	Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế		12	11,577	1,777	1,987				
1	Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei		5	6,272	820	1,030				
-	Trạm Y tế xã Đắk Pét (trạm cũ)	xã Đắk Pét, huyện Đắk Glei	1	759	70	70	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	
-	Trạm Y tế xã Đắk Kroong (trạm cũ)	xã Đắk Kroong, huyện Đắk Glei	1	1,073	137	137	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	
-	Trạm Y tế xã Đắk Môn	xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei	1	858	158	158	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	
-	Trạm Y tế xã Đắk Choong (trạm cũ)	xã Đắk Choong, huyện Đắk Glei	1	910	137	137	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Không sử dụng được	Điều chuyển	
-	Phòng khám đa khoa khu vực Mường Hoong	xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei	1	2,673	317	527	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Điều chuyển	
2	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi		2	691	115	116				
-	Trạm Y tế xã Đắk Ang (trạm cũ)	Thửa số 11, tờ bản đồ số 4 xã Đắk Ang	1	646	70	70	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	
-	Trạm Y tế xã Đắk Nông (nhà bác sĩ)	xã Đắk Nông	1	45	45	46	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Điều chuyển	
3	Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông		2	1,616	403	403				
-	Trạm Y tế xã Đắk Na (cơ sở cũ)	Thôn Đắk Riếp, xã Đắk Na	1	416	190	190	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Không hoạt động	Điều chuyển	
-	Trạm Y tế xã Đắk Hà	Thôn Mô Pá, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông-Kon Tum	1	1,200	214	214	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Điều chuyển	
4	Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum		2	1,338	437	437				
-	PKĐK Ngô Mây	Phường Ngô Mây, TPKT	1	730	250	250	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Đang sử dụng	Điều chuyển	
-	TYT Đắk rơ wa (Cũ)	Xã Đắk rơ wa, TPKT	1	608	187	187	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Không còn sử dụng	Điều chuyển	
5	Trung tâm Y tế huyện Kon Plông		1	1,659	-	-				

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng				
-	Trạm y tế Măng cãnh (cũ)	thôn Kon Chênh, xã Măng Cãnh	1	1,659	-	-	Cơ sở hoạt động sự nghiệp Y tế	Không còn sử dụng	Điều chuyển	
II	Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		3	30,394	836	836				
1	Trung tâm khuyến nông	Khối phố 6, Thị trấn Đăk Tô, tỉnh	1	27,042	394	394	Vườn ươm	Không có nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
2	Đội KLCĐ &PCCCR số 1	Thôn 2-xã Hòa Bình - TP. Kon Tum - Tỉnh Kon Tum	1	3,199	366	366	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Điều chuyển	
3	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật huyện Kon Rẫy)	Thôn 5 thị trấn Đăk Rve	1	153	77	77	Trụ sở làm việc	Không có nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
B	KHỐI HUYỆN		62	81,893	9,996	9,996				
I	Thành phố Kon Tum		9	6,157	1,168	1,168				
1	Trụ sở Thành uỷ	Trần Phú	1	1,825	899	2,092	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển	
2	Điểm trường MN Bằng Lăng	Thôn Konhongokotu, xã Vinh Quang	1	315	168	168	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển	
3	Điểm trường MN Hoa Anh Đào	Đường Sư Vạn Hạnh- Tổ 2- P.Duy Tân- TP Kon Tum	1	126			Hoạt động sự nghiệp	Không sử dụng	Điều chuyển	
4	UBND thành phố Kon Tum	40 Trương Hán Siêu- P.Duy Tân- TP Kon Tum	1	458	158	158	Hoạt động sự nghiệp	Đang sử dụng làm Điểm trường MN Hoa Anh Đào	Điều chuyển	
5	Trường MN Hoa Thạch Thảo	Tổ 6 , Hẻm Thi Sách - P. Thắng Lợi	1	1,095	633	633	Hoạt động sự nghiệp	Không sử dụng	Điều chuyển	
6	Điểm trường MN Vàng Anh	Thôn Trung Nghĩa Tây, xã Kroong	1	1,368	89	89	Hoạt động sự nghiệp	Không sử dụng	Điều chuyển	
7	Điểm trường MN Vàng Anh	Thôn Trung Nghĩa Đông, xã Kroong	1	1,600	89	89	Hoạt động sự nghiệp	Không sử dụng	Điều chuyển	
8	Điểm trường MN Hoa Sen	Điểm trường Thôn KonhraKLã, xã Chư Hreng	1	1,000		-	Hoạt động sự nghiệp	Không sử dụng	Điều chuyển	
9	Điểm trường MN Hoa Pơ Lang	Điểm trường thôn Plei Lech, xã Ngok Bay	1	195	31	31	Hoạt động sự nghiệp	Không sử dụng	Điều chuyển	
II	Huyện Ia H'Drai		3	12,229	346	346				

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng				
1	Văn phòng Huyện ủy- HĐND-UBND huyện	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	9,059			Đất trụ sở làm việc	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
2	Ủy ban MTTQVN huyện	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	295	239	239	Đất trụ sở làm việc	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
3	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện	Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1	2,875	107	107	Đất trụ sở làm việc	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
III	Huyện Đắk Tô		9	22,350	2,095	2,095				
1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Khối 7, thị trấn Đắk Tô	1	1,413	304	304	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển	
2	Trường Mầm non Bình Minh	Khối 4, thị trấn Đắk Tô	1	1,659	179	179	Hoạt động sự nghị	Không sử dụng	Điều chuyển	
3	Trường Mầm non Hoa Phượng									
	- Khuôn viên đất 3	Thôn 1, xã Kon Đào	1	610	50	50	Hoạt động sự nghị	Không sử dụng	Điều chuyển	
	- Khuôn viên đất 4	Thôn 3, xã Kon Đào	1	117	61	61	Hoạt động sự nghị	Không sử dụng	Điều chuyển	
4	Trường Mầm non Đắk Rô Gia									
	Khuôn viên đất 2	Thôn Tê Pheo, xã Đắk Trăm	1	232	192	192	Hoạt động sự nghị	Không sử dụng	Điều chuyển	
	Điểm thôn Đắk Dring, xã Đắk Trăm	Xây trên đất TH Đắk Trăm			286	286	Hoạt động sự nghị	Đang sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển	
5	Trường Tiểu học Ngọc Tụ	Thôn Đắk Tăng, xã Ngọc Tụ	1	2,775	198	198	Hoạt động sự nghị	Không sử dụng	Điều chuyển	
6	Trường Tiểu học Đắk Rơ Nga	Xây trên đất MN Đắk Rơ Nga			218	218	Hoạt động sự nghị	Không sử dụng	Điều chuyển	
7	Trường Tiểu học Đắk Trăm									
	Điểm thôn Đắk Hà, xã Đắk Trăm	Xây trên đất MN Đắk Trăm			103	103	Hoạt động sự nghị	Đang sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển	
	Điểm thôn Tê Pheo, xã Đắk Trăm	Xây trên đất Trường Mầm non Đắk Rô Gia - Đắk Trăm			103	103	Hoạt động sự nghị	Đang sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển	
8	Trường Tiểu học Văn Lem	Thôn Đắk Sing, xã Văn Lem	1	386	139	139	Hoạt động sự nghị	Đang sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển	
9	Trường THCS Lương Thế Vinh	Khối 11, thị trấn Đắk Tô	1	5,861			Hoạt động sự nghị	Đang sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển	

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng				
10	Trường PTDTBT-THCS Đăk Rơ Nga	Thôn Đăk Mạnh 1, xã Đăk Rơ Nga	1	9,298	263	263	Hoạt động sự nghiệp	Không sử dụng	Điều chuyển	
IV	Huyện Ngọc Hồi		41	41,157	6,387	6,387				
1	Trường PT DT BT THCS xã Đăk Ang									
-	Điểm chính	Thôn Chả Nội1- Đăk Dục	1	2,818	759	759	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm trường	Thôn Chả Nội1 - Đăk Dục	1	425	140	140	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm trường	Thôn Đăk Nai - xã Đăk Môn - Đăk Glei	1	440	258	258	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
2	Trường TH Trần Quốc Toàn (Điểm cũ)	Thôn 4-TT.Plei Kăn	1	7,057	815	815	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
3	Trường TH Đăk Xú	Thôn Phia Pháp - Đăk Xú	1	377	98	98	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
4	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Thôn Tà Ka - Pờ Y	1	2,119	336	336	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
5	Trường TH Bế Văn Đàn									
-	Điểm Trường	Thôn Bắc Phong - Pờ Y	1	1,885	465	465	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Đăk Mế - Pờ Y	1	1,061	183	183	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
6	Trường TH Võ Thị Sáu									
-	Điểm Trường	Thôn Hòa Bình - Đăk Kan	1	1,601	197	197	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
7	Trường TH Nguyễn Huệ	Thôn Giang Lố 2 - Sa Loong	1	3,974	244	244	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
8	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi									

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng				
-	Điểm Trường	Thôn Bun Ngai - Sa Loong	1	242	123	123	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Hào Lý - Sa Loong	1	1,405	123	123	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Giang Lố II - Sa Loong	1	1,446	123	123	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
9	Trường TH Đắc Nông									
-	Điểm Trường	Thôn Tà Pook - Đắc Nông	1	497	100	100	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Dục Nội - Đắc Nông	1	960	100	100	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
10	Trường TH Đắc Ang									
-	Điểm Trường	Thôn Đắc Giá II- Đắc Ang	1	719	95	95	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Long Don- Đắc Ang	1	935	131	131	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
11	Trường TH Kim Đồng									
-	Điểm Trường	Thôn Đắc Sút I- Đắc Ang	1	445	118	118	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Ja Tun- Đắc Ang	1	658	127	127	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
12	Trường Mầm non Chợ Rao									
-	Điểm trường	Thôn 5- TT.Plei Kản	1	610	80	80	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn 7- TT.Plei Kản	1	746	80	80	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
13	Trường Mầm non Đắc Xú									

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng				
-	Điểm Trường	Thôn Ngọc Tiền - Đăk Xú	1	168	77	77	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Kei Joi - Đăk Xú	1	572	66	66	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Thung Nai - Đăk Xú	1	1,221	66	66	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
14	Trường Mầm non Pờ Y									
-	Điểm Trường	Thôn Iệc A - Pờ Y	1	90	57	57	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Kon Khôn - Pờ Y	1	178	77	77	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Măng Tôn - Pờ Y	1	366	138	138	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Ngọc Hải - Pờ Y	1	556	77	77	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Đăk Răng - Pờ Y	1	290	77	77	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
15	Trường Mầm non Sơn Ca									
-	Điểm Trường	Thôn Sơn Phú - Đăk Kan	1	629	116	116	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn 4 - Đăk Kan	1	913	65	65	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
16	Trường Mầm non Họa Mi									
-	Điểm Trường	Thôn Cao Sơn - Sa Loong	2	853	110	110	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
17	Trường Mầm non Đăk Nông									

STT	Tên đơn vị/ Địa chỉ khuôn viên đất		Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng				
-	Điểm Trường	Thôn Dục Nội - Đắc Nông	1	997	181	181	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Nông Nội - Đắc Nông	1	1,460	156	156	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Nông Nhảy 2 A- Đắc Nông	1	676	74	74	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Lộc Nông - Đắc Nông	1	662	77	77	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Kà Nhảy - Đắc Nông	1	373	45	45	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
18	Trường Mầm non Đắc Dục									
-	Điểm Trường	Thôn Đắc Hú - Đắc Dục	1	150	77	77	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
-	Điểm Trường	Thôn Đắc Ba - Đắc Dục	1	186	77	77	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	
19	Trường Mầm non Đắc Ang	Thôn Gia Tun dưới- Đắc Ang	1	401	82	82	Đất hoạt động sự nghiệp	Không còn nhu cầu sử dụng	Điều chuyển	

**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO HÌNH THỨC
BÁN TÀI SẢN TRÊN ĐẤT, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên trụ sở cơ quan, đơn vị	Địa chỉ	Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng					
	TỔNG CỘNG		20	24,975	5,397	10,585					
A	KHỐI TỈNH		6	15,672	3,156	7,799					
1	Bảo tàng- Thư viện tỉnh	659 Nguyễn Huệ, TP Kon Tum	1	10,726.8	1,465.0	3,736.0	Quyết định số: 327/QĐ-UBND, ngày 06/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao đất cho Sở Văn hóa thông tin để sử dụng vào mục đích xây dựng Bảo tàng tổng hợp tỉnh Kon Tum;-Quyết định số: 806/QĐ-UBND ngày 14/03/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Kon Tum về việc thu hồi đất để xây dựng công trình đường nối từ Hồ Chí Minh vào Khu di tích Ngục Kon Tum.	Hoạt động sự nghiệp	Đúng mục đích xây dựng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Hẻm 403 Đường Bà Triệu- Phường Quyết Thắng- TP Kon Tum	1	1,033.4	163.3	163.3	Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 22/12/2019 của UBND tỉnh về điều chuyển tài sản cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Hoạt động sự nghiệp	Không sử dụng; tài sản trên đất đã hư hỏng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
3	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	số 844 Phan Đình Phùng - Kon Tum	1	787.0	272.9	783.4	biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất của liên ngành	Trụ sở làm việc	Sử dụng đúng mục đích	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
4	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	số 842 Phan Đình Phùng - Kon Tum	1	918.0	318.0	473.0	GCNQSDĐ số 096093 NGÀY 16/9/1999 của Sở TN&MT; GCNQQLSDND số N000563 ngày 01/10/2000 của Sở Tài chính	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
5	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản cũ (nay thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh)	số 224A Bà Triệu - Kon Tum	1	584.0	284.0	1,029.0	GCNQSDĐ số 057229 ngày 29/6/2004 F616	Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng đúng mục đích	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	

STT	Tên trụ sở cơ quan, đơn vị	Địa chỉ	Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng					
6	Sở xây dựng	số 345 Bà Triệu - Kon Tum	1	1,623.0	653.0	1,614.0	GCNQSDĐ số P096091 ngày 30/8/1999	Hoạt động quản lý nhà nước	Sử dụng đúng mục đích	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
B	KHỐI HUYỆN		14	23,387	6,434	10,527					
I	Huyện Ngọc Hồi		4	9,302.5	2,241.3	2,786.3					
1	Trụ sở Kho bạc (cũ)	TDP 1 -TT.Plei Kần	1	1879.5	397.3	502.3	Trích lục đất; QĐ số 1191/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 UBND tỉnh Vv điều chuyển nhà đất Trụ sở Kho bạc NN huyện Ngọc Hồi	Đất trụ sở làm việc	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
2	Trụ sở Chi cục thuế (cũ)	TDP 1 -TT.Plei Kần	1	1733	489.0	854.0	Trích lục đất; QĐ số 3451/CT-HCQTTVAC ngày 09/6/2016 chuyển giao trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện Ngọc Hồi (cũ); VB số 3256/STC-QLGCS ngày 21/11/2018 của Sở Tài chính	Đất trụ sở làm việc	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
3	Trụ sở Trung tâm chính trị (cũ)	TDP 1 -TT.Plei Kần	1	3305	859	859	Trích lục đất số thửa 47; Hồ sơ liên quan đến nhà bị thất lạc, số liệu nhà dựa trên thông tin trên sổ kế toán	Đất trụ sở làm việc	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
4	Thư viện (Trụ sở Huyện ủy cũ)	TDP 1 -TT.Plei Kần	1	2385	496	571	Trích lục đất; Hồ sơ liên quan đến nhà bị thất lạc, số liệu nhà dựa trên thông tin trên sổ kế toán	Đất trụ sở làm việc	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
II	Thành phố Kon Tum		10	14,084	4,193	7,741					
1	HDND và UBND thành phố Kon Tum	542 Nguyễn Huệ, TP Kon Tum	1	4,350.0	1,205.0	2,705.0	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
2	Phòng Kinh tế thành phố	05 Nguyễn Đình Chiểu, P Quyết Thắng	1	728.0	281.0	281.0	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Hiện tại trụ sở đã xuống cấp, không sử dụng được đang bỏ trống.	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	

STT	Tên trụ sở cơ quan, đơn vị	Địa chỉ	Số lượng khuôn viên đất	Diện tích (m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
				Đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng					
3	Phòng LĐ-TBXH xã hội	96 Trần Phú, thành phố Kon Tum	1	533.9	187.3	187.3	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Hiện tại trụ sở đã xuống cấp, không sử dụng được đang bỏ trống.	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
4	Phòng Văn hoá Thông tin thành phố Kon Tum	đường Nguyễn Sơn	1	1,209.7	325.3	650.6	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
5	Phòng Dân tộc Thành phố	19 Bắc Kạn, TP Kon Tum	1	977.6	197.0	197.0	Đã có xác nhận diện tích đất của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan	Trụ sở làm việc	Hiện tại trụ sở đã xuống cấp, không đáp ứng được nhu cầu làm việc	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
6	HĐND-UBND Phường Quyết Thắng	02 Bùi Thị Xuân, TP Kon Tum	1	2,291.0	1,016.0	1,587.4	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
7	Khối dân vận Mặt trận TP Kon Tum	75 Trần Hưng Đạo	1	1,334.0	491.0	1,340.0	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
8	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị TP Kon Tum	Nguyễn Huệ	1	1,735.8	304.0	606.8	Giấy CNQSD đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng đúng mục đích	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
9	Trụ sở làm việc Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	54B Trần Hưng Đạo - TP Kon tum	1	444	94.0	94.0	Có Quyết định giao đất, có trích lục thửa đất	Trụ sở làm việc	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
10	Trụ sở Trạm chăn nuôi và thú y	38 Nguyễn Văn Trỗi , TP Kon Tum	1	480	92.0	92.0	Có GCN QSD đất	Trụ sở làm việc	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	